

RICHARD BODE

người đi tìm tặng vật CỦA biển

BEACHCOMBING AT MIRAMAR

VHSG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA SÀI GÒN



MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

Chương 1: ÁNH NHÌN TRẺ THƠ

Chương 2: ĐỒNG TIỀN TRONG CÁT

Chương 3: BÃI BIỂN DÀI CÔ ĐỘC

Chương 4: CUỘC ĐỜI THỰC

Chương 5: QUYỀN LỰC TRONG TÌNH YÊU

Chương 6: GẮNG SỨC

Chương 7: VIÊN ĐÁ LẠ THƯỜNG

Chương 8: SỰ CAN THIỆP THÔ BẠO

Chương 9: NGƯỜI CÂU CÁ TRÊN ĐẦU NGỌN SÓNG

Chương 10: VIẾT TRÊN BỜ CÁT

Chương 11: NHỮNG CHÀNG THỦY THỦ LƯỚT GIÓ

Chương 12: TƯỢNG NHÂN SƯ Ở BIỂN

Chương 13: SỰ THẬT TỪ ẢO ẢNH

Chương 14: NGƯỜI ĐỒNG NÁT Ở MIRAMAR

Chương 15: THỦY TRIỀU XUỐNG

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

LỜI GIỚI THIỆU

Có bao giờ bạn ngồi một mình trước biển, lắng ngấm những con sóng thay nhau vỗ bờ và xa xa là những cánh hải âu chập chờn trên sóng? Hay có bao giờ bạn lang thang một mình bên bờ biển, nhìn những dấu chân mình in hằn trên cát và tự hỏi về ý nghĩa thực sự của cuộc đời? Nếu đã một lần lắng lòng trước biển, hẳn bạn cũng nhận thấy rằng, không nơi nào diệu kỳ như biển.

Con người thường tìm về với biển như một cách trốn chạy khỏi cuộc sống xô bồ và nhộn nhịp, để thấy lòng mình thanh thản sau nhiều ngày tháng bôn ba. Và đứng trước biển, mỗi người lại có một cảm nhận khác nhau. Biển, sự mâu thuẫn giữa ồn ào và lặng lẽ, dữ dội và dịu êm, cuồng nộ và bao dung. Biển có thể khiến người ta nếm trải tận cùng đau khổ khi mất đi người thân trong những cơn bão tố, nhưng cũng chính biển chữa lành những nỗi đau ấy bằng tình yêu thương rộng lớn của mình. Khi đến với biển, mỗi người đều cảm nhận được sự nhỏ bé của bản thân, sự vô thường của cuộc sống, để rồi nhận được sự vỗ về trong tĩnh lặng của biển mà hàn gắn những tổn thương...

Richard Bode đã từng được bạn đọc yêu thích với cuốn sách “Biển cả và những giá trị cuộc sống”. Cuốn sách đã giúp nhiều người tìm thấy những bài học bổ ích về cách nuôi dưỡng ước mơ cũng như lựa chọn cho mình một hướng đi thích hợp. Trong cuốn Người đi tìm tảng vật biển khơi này, với óc quan sát cùng những cảm nhận tinh tế trước cuộc đời và biển cả, Richard Bode mang đến một thông điệp thật sâu sắc: Trước sự mênh mông của biển, con người thường thấy mình bé nhỏ và đơn độc. Nhưng cũng chính nơi ấy, giữa những cơn thủy triều đều đặn lên xuống và giữa những con sóng ào ạt xô bờ, ta sẽ tìm thấy giá trị đích thực của cuộc sống. Tảng vật mà chúng ta nhận được từ biển không chỉ là những chú ốc, những vỏ sò hay tất cả những gì thuộc về vật chất hữu hình. Có một tảng vật ý nghĩa hơn, quan trọng hơn, vô hình, nhưng là vô giá. Đó là sự tĩnh lặng trong tâm hồn.

Bằng trái tim đa cảm và ngòi bút tinh tế, Richard Bode mang đến cho chúng ta những cảm nghĩ nhẹ nhàng mà lắng đọng. Thành công – Thất bại, Yêu thương – Hờn oán, Sự sống – Cái chết..., tất cả đều được tác giả đề cập và nhìn nhận bằng một quan điểm riêng, khác lạ nhưng thật thuyết phục. Cuộc sống là một hành trình dài tìm kiếm và khám phá những điều mới mẻ, thú vị. Có rất nhiều con đường để chúng ta lựa chọn nhằm chạm khắc tên mình vào cuộc sống.

Chạy đua để suốt đời tất bật hay chậm rãi chiêm nghiệm những giá trị vĩnh hằng của cuộc sống phụ thuộc vào sự chọn lựa của mỗi người. Sống thật với lòng mình hay hóa trang thành một con người khác cũng tùy thuộc vào quyết định của chúng ta. Nhưng khi đi hết hành trình đời mình, ngoảnh đầu nhìn lại, chúng ta có phải hối tiếc về những lựa chọn của mình hay không, đó mới thật sự là điều quan trọng.

Thế giới trong quyển sách này là nội tâm của chúng ta trong những sớm bình minh, những chiều hoàng hôn lặng ngấm mặt trời hay những đêm nằm nghe sóng dội vào bờ, thả hồn vào bầu trời bạt ngàn sao và chênh chếch ánh trăng. Và giữa thế giới bao la rộng lớn ấy, bạn sẽ tìm thấy và nhận biết đâu là “cuộc sống thực” của mình.

- First News

Chương 1: ÁNH NHÌN TRẺ THƠ



Một năm qua, dấu chân tôi đã in hằn trên những bãi cát dài ở Miramar. Trong suốt thời gian ấy, có nhiều người bảo với tôi rằng họ cũng muốn trở thành một kẻ lang thang dọc các bờ cát để tìm kiếm, nhặt nhạnh những tảng vật của biển như tôi. Có lẽ họ cho rằng đó là một công việc dễ dàng nhất, chỉ cần bước ra biển với một chiếc quần dài bằng vải thô trắng xắn lên tận gối, một áo sơ mi xanh bạc màu, một chiếc mũ rơm che nắng là đủ. Và vài người trong số họ đã không ngần ngại chọn cho mình những bộ cánh đắt tiền trong những cửa hàng sang trọng, như thể họ cho rằng bộ cánh sẽ làm họ trở thành người sưu tập thực thụ.

Sau khi đã trang bị đầy đủ, họ hăng hái men theo bờ biển và nhặt nhạnh từng hòn đá, vỏ sò trên bãi cát, mặc cho cái nắng đang thiêu đốt và đôi chân bỏng rộp trong cát. Gặp tôi, họ dừng lại tán gẫu đôi câu; và với thái độ trân trọng đặc biệt, họ cho tôi xem những tảng vật của biển. Thế nhưng không phải ai cũng đủ kiên nhẫn để gắn bó lâu dài với công việc này. Quả thật, công việc tưởng chừng rất đơn giản này yêu cầu những người theo đuổi nó phải có thái độ nghiêm túc và tràn đầy nhiệt tâm. Họ phải cống hiến hết mình cho công việc, luôn trong tư thế sẵn sàng chống chọi với những cơn sóng dữ, hoặc quên đi sự bỏng rát của đôi chân trần dưới ánh nắng trưa gay gắt.

Việc được nhìn ngắm những đợt thủy triều lên xuống, những đám rong hay những chú sao biển dễ thương có thể được xem là một trong những yếu tố nuôi dưỡng tâm hồn. Thế nhưng, không phải ai cũng có thể cảm nhận được sự thú vị đó, nên họ thường nhanh chóng cảm thấy chán nản.

Tôi không phải là một kẻ thích sưu tầm cũng không phải là một họa sĩ dù trước đây tôi đã từng mơ ước những công việc ấy. Tôi đến vùng biển xinh đẹp này chỉ với mục đích tìm lại những hình ảnh của tuổi thơ cũng như để trả lời cho câu hỏi “Tôi là ai?” trong hiện tại. Bởi tôi là một họa sĩ vẽ tranh sơn dầu. Lúc còn là một cậu bé chưa đầy sáu tuổi, tôi đã được ông dạy một số những nét cơ bản để vẽ người như: đầu, thân và tay chân. Nhưng tất cả chỉ dừng lại ở đó, bởi ông đã ra đi trước khi kịp dạy tôi bài học tiếp theo.

Và cho đến bây giờ, tôi cũng chỉ vẽ được hình người như lúc nhỏ.

Cuộc sống với những lo toan đã khiến tôi từ bỏ niềm đam mê của mình. Tôi không theo nghề họa sĩ mà bắt đầu khắc họa cuộc sống của mình bằng những nét vẽ giữa đời thực. Và rồi, một cách tự nhiên, tôi được dẫn dắt đến bãi biển Miramar, như thể tôi là một con hải âu hay mòng biển. Tôi đến nơi này để tìm kiếm tất cả hình ảnh đã khắc sâu trong ký ức tuổi thơ tôi.

Cuộc sống là một chuỗi dài những yêu thương, mất mát mà chẳng ai có thể biết trước được. Trên hành trình của cuộc đời mình, tôi chờ đợi tình yêu thương và luôn nâng niu, trân trọng nó. Bởi vì tôi hiểu rằng những điều tốt đẹp mà mình yêu quý cũng có lúc sẽ bị mất đi.

Những con sóng nghịch ngợm ở bãi biển Miramar đùa giỡn dưới chân tôi, mang theo một đám rong nhẹ nhàng trườn vào bờ cát. Tôi cho ít nước vào chiếc cốc trên tay mình, giữ cho nó thôi sóng sánh, và chỉ sau một cái búng tay, cái thế giới tĩnh lặng tôi vừa nhìn thấy bỗng chốc vỡ ra. Nhưng trong tâm hồn mình, tôi vẫn nhìn thấy hình ảnh êm đềm trước đây của nó.

Trước mặt tôi, một cặp vợ chồng xa lạ đang đẩy đưa con nhỏ trong chiếc xe nôi ba bánh. Đi được một đoạn, họ dừng lại trên bãi biển tập các động tác khởi động. Khi đã sẵn sàng, hai vợ chồng đẩy xe nôi vào một chỗ cát ẩm an toàn rồi bắt đầu chạy về phía tôi. Đầu cúi thấp nhưng ánh mắt họ luôn hướng về phía trước, và dần tăng tốc. Quả thật khi nhìn họ chạy, tôi có cảm giác họ như những vận động viên chuyên nghiệp.

Một con quạ bay ngang qua đồi cát, một con sư tử biển trời lên theo những con sóng lớn vỗ

bờ, đôi vợ chồng không hề hay biết. Nhưng đứa trẻ đang nằm trong chiếc xe nôi đã phát hiện ra điều đó và liên tục ngoái đầu nhìn về phía biển. Nó bắt đầu quan sát cuộc sống muôn màu xung quanh mình...

Chương 2: ĐỒNG TIỀN TRONG CÁT



Có rất nhiều cách để tìm thấy những tặng vật vô giá từ biển khơi: hoặc nhận ra chúng lênh đênh theo những con sóng bạc, hoặc nhìn thấy chúng vùi mình trong bãi cát lấp lánh. Với tôi, cả hai cách đó đều khiến tôi cảm thấy thích thú và tôi thường không biết nên chú tâm vào những con sóng hay sẽ cúi đầu khi đi dạo trên những bãi cát.

Sáng nay, tôi chậm rãi bước về phía Nam bờ cát và ngoái đầu nhìn lại những dấu chân mình đã in trên bãi biển. Cuộc sống là một vòng xoay vô tận mà đôi lúc tôi có cảm giác mình như một loài chim di cư nào đó, luôn bị chi phối bởi các thể lực tự nhiên. Đó có thể là ánh sáng mặt trời, là những cơn gió thổi hoặc cũng có thể là những đợt thủy triều lên xuống bất thường. Và dường như tất cả đã hòa lẫn vào nhau trong tâm trí tôi, dẫn bước tôi đi.

Tôi đứng trên bãi cát, dõi mắt theo vạt cát rộng ẩm ướt mà thủy triều để lại. Cách đó chừng vài bước chân, những con chim sanderling đang mải mê sục chiếc mỏ nhọn dưới cát tìm thức ăn. Chân chúng nhỏ, ngắn chỉ xấp xỉ bằng ngón trỏ của tôi, thế nhưng chúng lại đi nhanh gấp hai lần tôi. Tôi ước chừng nếu mình cũng đi với tốc độ của những chú chim này, có lẽ tôi đã đi được rất xa rồi.

Tôi bắt đầu cảm thấy thích lũ chim ấy, bởi suy cho cùng, cả tôi và chúng đều có chung một mục đích khi xuất hiện trên bãi biển này. Trong khi chúng tìm kiếm thức ăn, tôi lại tìm những tặng vật của biển. Chẳng ai có thể biết được cuộc mưu sinh của tôi và của những chú chim sanderling này, cái nào quan trọng hơn.

Ngoài kia, những con sóng liên tục đuổi nhau cùng ập vào bờ cát, và cùng vỡ tan thành bọt. Tôi tự hỏi tại sao chúng có thể hòa hợp với nhau trong trò đuổi bắt giữa biển khơi luôn ồn ào dấy sóng như thế. Dường như chúng ý thức được “cuộc đời” ngắn ngủi của một con sóng nên bao giờ cũng biết cách hợp sức với nhau trong cuộc chạy đua vào bờ dẫu sau đó vỡ tan và nhanh chóng rút đi theo từng đợt thủy triều.

Khi mới đặt chân đến Miramar, tôi không “giàu có” như bây giờ. Tất cả những gì tôi có lúc đó là một chiếc xe tải, ít quần áo, một cái máy đánh chữ, máy thu âm, một cuốn từ điển thông thường và vài cuốn sách mà tôi yêu thích.

Thêm nữa, tôi vẫn còn một tấm séc mà nếu đổi ra tiền mặt, nó có thể chứa đầy một chiếc hộp với những tờ bạc mệnh giá 20 đô-la. Đó là tất cả tài sản còn lại của tôi sau cuộc ly hôn với vợ. Tôi làm ra tiền nhưng không cần tiền, còn cô ấy không kiếm được tiền nhưng lại rất cần nó. Vì sự mâu thuẫn này, chúng tôi đi đến thỏa thuận làm hài lòng cả hai. Cô ấy có được sự bảo đảm về tài chính còn tôi được theo đuổi tự do. Đối với tôi, sự tự do còn quan trọng hơn cả hơi thở.

Trước quyết định đó của tôi, bạn bè và cả người tư vấn đều cảnh báo rằng: *“Sẽ có lúc anh hối hận về quyết định của mình và chỉ ước lấy lại được số tiền mình đã cho cô ta!”*. Có lẽ họ đã đúng, bởi vì ngay sau đó, tôi gặp rắc rối về chuyện tiền bạc.

Thế nhưng giờ đây, sau những trải nghiệm trong cuộc đời, tôi nhận ra rằng: tiền bạc không phải là một thứ gì đó bất biến. Nó tựa như một thứ chất lỏng vậy. Khi đổ đi ở bên này, ta lấy lại được ở bên kia. Kết thúc cuộc hôn nhân của mình sau ba mươi năm lún sâu vào sai lầm, tôi ra đi với hai bàn tay trắng, không tài sản thế chấp, không thẻ tín dụng, tài khoản ngân hàng cũng không. Tất cả những gì tôi có được lúc đó là một la bàn vạch sẵn trong đầu, mách bảo tôi phải hướng về đâu. Tôi lái xe băng qua những đồng cỏ, những cánh đồng bắp phủ trắng tuyết, băng qua Continental Divide, đi từ bãi biển này đến bãi biển khác, với mong muốn tìm thấy một nơi có thể xem là ngôi nhà thực sự của mình.

Và cuối cùng tôi đã đến Miramar.

Tôi đi dọc bờ biển, yên lặng quan sát những chú chim đang kiếm ăn dọc bờ. Cũng như tôi, chúng sống bằng sự chăm chỉ, cần mẫn của mình, tìm kiếm bất cứ những thứ gì có thể nuôi

sống chúng từ biển cả.

Tôi đã từng tự hỏi làm sao mình có thể sống tốt trong tình trạng nghèo nàn như vậy? Tuy nhiên, tôi thậm chí đã tìm được câu trả lời trước khi câu hỏi đó xuất hiện trong đầu. Tôi hiểu rằng một nửa câu trả lời của tôi nằm trong những thứ mà mình đã từ bỏ, những thứ đã đè nặng lên cuộc sống của mình suốt nhiều năm qua. Nửa còn lại thuộc về những tặng vật tuyệt vời mà biển đã ban tặng cho tôi: đồ trang sức rẻ tiền, những món đồ của người tiền sử, di chỉ của các nền văn minh xưa cũ, chai lọ thủy tinh...

Tôi cảm giác như giữa biển và mình có một mối gắn kết linh thiêng kỳ diệu, bởi hầu hết những suy nghĩ, mong mỏi của tôi đều được biển đáp ứng kịp thời. Một lần, tôi vô tình vấp phải một cái rương bằng gỗ tếch mà có lẽ người nào đó đã ném xuống khi đi ngang qua đây trên một chiếc thuyền. Tôi tin rằng biển biết lúc này tôi đang cần một cái rương nên đã mang nó đến cho mình. Tôi kéo lê chiếc rương về nhà, đem chà rửa sạch sẽ, hong khô dưới ánh mặt trời, và đặt nó yên vị ở một góc trong phòng khách.

Trước mắt tôi, một vùng bờ biển rộng mênh mông bị tảo bẹ phủ kín. Nhìn đám bọt cát lúc nhúc, một cảm giác ghê ghê xuất hiện trong tôi. Tôi sợ loài động vật ăn xác thối này sẽ chui vào hai ống quần dài xắn cao và đốt mình nên gần như ngay lập tức, tôi đổi sang hướng khác. Bước ra xa hơn chút nữa, cảm nhận cảm giác đặc biệt khi những con sóng đùa giỡn dưới chân. Thủy triều xuống và nước rút theo, trên cát, một vật trắng trắng dần lộ ra.

Đó là một đồng tiền nhỏ. Tôi nhặt lên và đặt nó nằm sấp trong lòng bàn tay. Đồng tiền có khắc hình hoa năm cánh, những vết khắc tinh xảo được thực hiện trên một bề mặt nổi. Có lẽ đó là tác phẩm của một nghệ sĩ tài hoa, một bản giao hưởng tuyệt diệu trên đá.

Tôi dễ dàng tìm thấy đồng thứ hai, rồi thứ ba sau mấy lần nước rút. Mệnh giá đồng sau nhỏ hơn đồng trước, ước chừng tương tự như đồng 50 xu và 25 xu - mặc dù ngân hàng ở đây cho rằng nó không có giá trị trao đổi. Tôi sắp cả ba đồng tiền trong lòng bàn tay rồi nhìn qua một lượt. Trên đồng tiền nhỏ nhất, tôi phát hiện ra dấu tích của loài hoa oải hương thơm ngát.

Những ngón chân bắt đầu tê buốt vì nước lạnh, tôi đi lên bãi cát ẩm để hong khô chân. Bãi biển phía trên rải đầy những tảo, mảnh vụn rơi ra từ cây hồng đào, những nhánh rong biển... Khi dừng lại quan sát một mẫu vụn của vỏ cây bần, tôi phát hiện ra bốn tờ bạc ướt đầm dưới chân mình. Ánh mắt của George Washington  đang nhìn chăm chăm vào tôi. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, tôi nhặt tất cả lên, kẹp chúng giữa các ngón tay và đưa lên soi dưới ánh nắng mặt trời. Ở góc trái của tờ giấy bạc, tôi đọc được dòng chữ *"Tờ bạc này có giá trị sử dụng cho mọi việc chi trả trong cộng đồng hoặc cá nhân"*.

Vô cùng phân vân với số tiền trên tay, tôi hết ngược lên rồi lại nhìn xuống biển. Có thể số tiền này là của một tay lướt ván nào đấy, nhưng rõ ràng ngoài khơi chẳng có bất cứ dấu hiệu nào của một cái đầu đang nhấp nhô trên sóng. Cuối cùng, tôi quyết định cất chúng vào túi, bởi nếu để lại trên cát thì thủy triều cũng sẽ cuốn đi trước khi người chủ thật sự của chúng trở lại. Tôi có cảm giác số tiền ẩm ướt này không có gì khác chiếc rương gỗ tếch, chai lọ thủy tinh hay bất cứ tặng vật nào mà biển cả đã hào phóng ban tặng cho tôi. Đi ngược lên bãi biển và ngồi phịch xuống một đụn cát, tôi nhắm mắt lại và cố gắng giải thích về sự trùng hợp giữa những món tiền tìm được ban nãy. Khi tôi nhặt được những đồng tiền trong cát, thì gần như ngay sau đó tôi nhìn thấy những đồng tiền thật. Nhưng khi cố tìm tiền thật, tôi lại chẳng bao giờ thấy chúng. Có thể một đôi lần nào đó tôi đã dẫm lên những đồng tiền ấy mà không hề hay biết. Bất chợt, tôi phát hiện ra ngay chính bản thân mình cũng có rất nhiều điều chưa khám phá hết.

Tôi đã từng là một triệu phú, đúng theo nghĩa đen của nó. Nhiều năm trước, rất lâu trước khi tôi đến Miramar, tôi làm việc cho một công ty quan hệ công chúng ở New York, thuộc một trong những tập đoàn hàng đầu thế giới. Công ty này có chế độ lương bổng khá hấp dẫn nhưng mỗi năm, công ty sẽ trích giữ lại một số phần trăm cố định trong lương của nhân viên nhằm giữ chân họ. Nếu nghỉ việc sau 10 năm làm việc cho công ty, tôi sẽ được nhận lại toàn bộ số tiền ấy, một số tiền đủ để sống sung túc một thời gian dài. Sau hai mươi năm, tôi sẽ là một người giàu có. Nếu rời công ty sau ba mươi năm, tôi sẽ tích lũy được một số tiền đủ để con

cháu tôi sống sung sướng cả đời. Còn nếu ra đi trước khi làm việc đủ 10 năm, tôi sẽ mất tất cả.

Khi tôi đồng ý gia nhập công ty, vị phó giám đốc tài chính bảo đó là cách đơn giản nhất để tôi gầy dựng một gia tài. Và ông định ninh rằng ai cũng muốn như thế. Và quả thật trong thời gian đầu, tôi không mong gì hơn như vậy. Nhưng cái phòng làm việc nhỏ lúc nào cũng đóng kín cửa sổ, ngột ngạt với một bầu không khí hôi hám lớn vờn quanh công việc làm tôi khó chịu. Ấy vậy mà đó là nơi tôi phải chui ra chui vào mỗi ngày.

Thời gian đó, tôi có một thói quen không thể bỏ là cứ đúng giữa trưa, tôi lại rời văn phòng và đi lang thang khắp các con phố, ngắm nhìn và lắng nghe mọi thứ xung quanh. Thỉnh thoảng, tôi tản bộ qua Trung tâm mua sắm United Nations, tựa lưng vào lan can bên bờ sông phía Đông nhìn tàu thuyền nối đuôi nhau qua lại. Hôm khác tôi lại đi dạo quanh khu Trung tâm Rockefeller, ngả lưng trên một chiếc ghế dài ở nhà thờ Thánh Thomas, hoặc ghé qua Công viên Trung tâm.

Sau đó, tôi còn kéo dài hơn những cuộc dạo chơi của mình. Tôi đi xuống bến tàu ở Battery, hay ngược lên bờ sông Drive, gần khu Hudson – nơi tưởng niệm những người lính và thủy thủ – hoặc băng qua cả khu phố để đến chỗ sầm uất ở quảng trường Times.

Sếp không phàn nàn gì về việc tôi đi ăn trưa quá lâu, vì ông biết tôi là một nhân viên giỏi và luôn có cách để bù lại giờ làm việc. Có năm, tôi giành được phần thưởng 1.000 đô-la cho dự án mang tính sáng tạo nhất ở công ty. Nhưng tôi không cảm thấy hài lòng vì hầu như nó chẳng mang một ý nghĩa nào với bản thân tôi. Đồng đô-la hiện diện, nhưng vẫn thiếu một điều gì đấy rất quan trọng, như một đám cưới mà không có cô dâu.

Sau 6 năm miệt mài cống hiến, tôi quyết định từ bỏ món lợi tức cổ phần tích lũy được, trong khi các đồng nghiệp khác thì trụ lại. Đây là một điều hoàn toàn bình thường trong cuộc sống. Khi bạn còn hứng thú, đam mê với công việc mình đang làm, bạn sẵn sàng cống hiến hết sức mình cho nó. Nếu không, bạn dễ dàng quay lưng không một chút luyến tiếc dù điều kiện làm việc, cơ hội kiếm tiền của bạn đang rộng mở trước mắt.

Nhưng tôi không đi thẳng tới Miramar, tôi có cuộc sống khác phải theo đuổi vì tôi phải có trách nhiệm với một người vợ và bốn đứa con. Tôi làm nghề viết văn tự do, viết bài cho các tạp chí và viết diễn văn cho các đối tác. Họ không trả tiền cho tôi theo số giờ làm việc mà theo sản phẩm tôi làm ra, nên khi nhận được một tấm séc nào qua đường bưu điện, tôi biết rất rõ nó được trả cho sản phẩm nào.

Công việc đó đưa tôi vào một thế giới gần gũi với mình hơn. Tôi từng đến Indiana để quan sát cái lò đốt hừng hực của nhà máy tôn; đến Vermont để thấy các con chip điện toán trên các dây chuyền sản xuất tự động; đến khuôn viên một trường đại học ở Sierra phỏng vấn một nhà kinh tế học lỗi lạc về nguyên nhân tiềm ẩn gây lạm phát; đến Washington D.C. để tìm hiểu về nguyên nhân của tình trạng trì trệ trong công nghiệp. Tôi cũng đã từng gặp một chủ tịch tập đoàn đầu tư chứng khoán trên sân thượng một tòa nhà chọc trời ở Wall Street cũng như tiếp xúc với một người điều khiển bằng tải dưới một hố cát.

Tôi đã đến những nơi đó, gặp những người cần gặp với một sự thích thú đặc biệt. Những chuyến đi này đã giúp tôi khá nhiều trong việc khẳng định mình là ai. Thế nhưng rồi cũng đến ngày những đứa con tôi khôn lớn. Chúng bắt đầu đi tìm cuộc sống của riêng mình, và tôi cũng vậy. Giờ đây, tôi đang đứng trước biển, sóng dồn dưới chân và những lời nói từ hai ngàn năm trước vọng về trong tâm trí tôi như những bụi nước bắn lên theo từng nhịp sóng: “Hãy nhìn những bông hoa lily, xem chúng nở như thế nào....”. Tôi tự hỏi chính mình và hiểu rằng, nếu như tôi vẫn tiếp tục bận tâm đến chuyện cơm áo gạo tiền, có lẽ chẳng bao giờ tôi có thể đặt chân đến được vùng đất Miramar xinh đẹp này.

Một cơn gió nhẹ thoảng qua cuốn đi chiếc lông vũ màu xám mà tôi đang định cúi xuống nhặt. Tôi đuổi theo bắt lại, se se chiếc lông giữa hai ngón tay. Trông nó như một chiếc đũa thần nhỏ xúu, mảnh khảnh. Dựa vào chiều dài và màu sắc, tôi đoán đó là một chiếc lông đuôi mà một con mòng biển phương Tây nào đó đã không còn cần đến nữa. Có thể vì thế mà nó đã bỏ lại cho tôi

trên bãi biển này. Tôi định dùng nó làm bút, nhưng rồi tôi nhận ra rằng mình không thể làm gì để nó có giá trị như khi nó còn nằm trên chính bộ lông của con mòng biển. Mang về nhà, tôi đặt chiếc lông vũ ấy trên bàn làm việc của mình, như một lời nhắc nhở về sức mạnh phi thường của một thứ nhẹ tênh.

Chương 3: BÃI BIỂN DÀI CÔ ĐỘC



Mỗi buổi chiều, tôi thường ra ngồi ở khoảng sân trước với hộp màu nước và giá vẽ trong trí tưởng tượng. Là người kiên nhẫn nên tôi có thể ngồi đó hàng tiếng đồng hồ, bất động, chờ đợi những cảnh tượng tuyệt đẹp của thiên nhiên bất ngờ xuất hiện. Tôi luôn có cảm giác một điều gì đó quan trọng lắm sắp xảy ra, và tôi muốn được chứng kiến. Đó có thể là một con sóng lớn tinh nghịch cuốn vào bờ cát, hoặc cũng có thể là một con cua khổng lồ đang cố tìm cách thoát khỏi đại dương mênh mông.

Nhưng không phải lúc nào tôi cũng ở trong tâm trạng háo hức chờ đợi như thế - như thế mỗi thời khắc trôi qua, vũ trụ sẽ tiết lộ cho tôi thêm những điều bí mật. Lúc mới đặt chân đến Miramar, tôi như kẻ bị đắm tàu duy nhất còn sống sót trên hoang đảo, cô đơn và cảnh giác với tất cả mọi thứ xung quanh. Nhưng giờ đây, tôi tưởng tượng mình là Paul Gauguin, sau một chặng đường dài, cuối cùng cũng đã đến được Tahiti, thiên đường của những cơn mê mị.

Gauguin viết trong hồi ký: *“Khi bắt đầu công việc, tôi ghi chú, phác họa đủ các kiểu. Mọi thứ xung quanh làm tôi lóa cả mắt. Cơ thể tôi như được giải phóng”*.

Sau đó Gauguin đã gặp được Tehamana – người ông yêu. Ông viết tiếp: *“Hạnh phúc đến với chúng tôi thật êm đềm, bất tận. Ngôi nhà chúng tôi bao giờ cũng ngập tràn những ánh vàng rực rỡ bởi gương mặt đáng yêu của Tehamana. Vào mỗi buổi rạng đông, hai chúng tôi thường đi bộ đến dòng suối nhỏ gần đó để tận hưởng cảm giác thư giãn tuyệt vời”*.

Tehamana, Tehamana - tôi cứ gọi đi gọi lại cái tên ấy với mong mỗi một điều kỳ diệu sẽ xảy đến với mình. Và rồi tôi lại tự hỏi, liệu một gã đàn ông như tôi có thể tìm thấy người phụ nữ có cái tên như thế không?

Dường như giờ đây tôi càng hiểu rõ hơn sự thôi thúc bên trong của người cầm cọ. Những ngày tĩnh lặng đi dọc bờ biển không làm tôi cô đơn như khi bước trên các đại lộ ở New York. Và Gauguin cũng vậy, chính sự cô đơn đã mang ông đến vùng biển phía Nam. Sự cô đơn đã làm trái tim chúng tôi chai cứng, không chút xúc cảm giữa biển người mênh mông. Gauguin không thể cưỡng lại được sức hút mãnh liệt của vùng đất bình yên ấy đến mức ông đã từ bỏ tất cả gia đình, công việc để đến đó, như một con chim nhận di cư mỗi lúc mùa về.

Tôi nghĩ mình có thể hiểu được Gauguin, đó là ông luôn vẽ bằng tất cả cảm xúc của mình. Ông vẽ, nhưng không phải vẽ lên khung vải, mà tự họa chân dung của chính mình – một việc làm đầy khó khăn, thử thách. Và ông đã làm được điều kỳ diệu đó, tạo ra mẫu người như ông mong muốn.

Sau cuộc hôn nhân đổ vỡ, tôi một mình lưu lạc đến miền đất Miramar này. Thời gian đầu, cảm giác cô đơn và lạc lõng vây lấy tôi. Nhưng rồi sau đó, những cảm giác tiêu cực cũng dần biến mất và tôi bắt đầu tạo lập cho mình một cuộc sống ý nghĩa hơn.

Không biết từ bao giờ tôi trở nên “nghiện” sự cô độc, và luôn cố gắng tìm mọi cách bảo vệ mình tránh khỏi những “cạm bẫy” xung quanh. Trong khi đó, những người hàng xóm tốt bụng lại muốn kéo tôi tham gia vào cuộc sống ồn ào, xô bồ của họ. Mỗi khi nghe chuông điện thoại reo, tôi lại lo ngại không biết tiếp theo sẽ là lời mời nào.

Mọi người cho rằng tôi đang rất cô đơn khi ngồi một mình bên hiên nhà, nhìn xa xăm về phía biển, hoặc lủi thủi trong căn nhà rộng thênh. Vì lẽ đó, tôi thường xuyên được mời đến ăn tối cùng gia đình họ. Miễn cưỡng nhận lời mời tham gia bữa tối, tôi đến với bộ cánh bảnh bao, và luôn giữ ý để cư xử một cách lịch thiệp theo ý gia chủ. Những bữa tối nhạt nhẽo và vô vị này thường khiến tôi có cảm giác như mình chỉ là trò tiêu khiển của họ mà thôi. Và điều đó thật quá sức chịu đựng của tôi.

Tôi từng nghĩ mình sẽ chia sẻ với họ những suy nghĩ về cuộc sống mà tôi đã chọn lựa. Nhưng giờ thì không cần nữa, bởi vì tôi hiểu rằng, nếu biết rõ về cuộc sống của tôi chắc hẳn họ sẽ há hốc miệng ra kinh ngạc và sau đó nhìn chăm chăm vào tôi như thể một sinh vật lạ vừa xuất hiện trước mặt họ. Dù đã từng chuyện trò với những người này nhưng quả thật là tôi không thể tìm thấy tiếng nói chung với họ. Họ luôn tranh cãi về một vấn đề nào đó. Thật buồn cười khi cô vợ vừa nói xong, tức thì anh chồng phản bác lại để rồi sau đó thừa nhận, ỉ ỏi xin lỗi và lại tiếp tục khẩu chiến. Có lẽ với họ, tranh cãi là một phần không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày.

Nhiều khi bất đắc dĩ phải chứng kiến những cuộc chiến như thế, thực sự tôi chẳng biết làm gì hơn ngoài việc ngồi im thưởng thức món khai vị, và không ngừng hy vọng họ sẽ tìm được điểm tương đồng với nhau trước khi dùng món tráng miệng. Đó là cuộc sống riêng tư của họ, và tôi không muốn can thiệp vào dù tôi có thể nói với họ rằng, mỗi người đều có quan điểm riêng, vì vậy cả hai không cần phải to tiếng với nhau làm gì.

Mỗi khi hoàng hôn buông xuống, tôi cảm nhận được một nỗi buồn man mác đang bủa vây tâm hồn mình. Tôi nghĩ đến những trận cãi nhau giữa cặp vợ chồng mà mình từng chứng kiến và thấy thương cảm cho họ. Có thể họ chẳng bao giờ muốn cãi nhau, đổ lỗi cho nhau nhưng đó là cách duy nhất giúp họ thoát khỏi cảm giác cô đơn đang tồn tại. Họ không thể hiểu được bản thân mình, do vậy chẳng bao giờ họ tìm được tiếng nói chung với người bạn đời. Và những cuộc cãi vã như một hình thức giải tỏa sự ức chế tâm trạng, đồng thời để họ nhận biết được sự tồn tại của bản thân.

Tôi bật dây trên chiếc ghế xếp và đi vào nhà bếp, bóc vỏ một ít đậu cho vào túi rồi bước nhẹ đôi chân trần trên bờ cát, vừa đi vừa nhắm nháp cho đến khi tới được nơi những con sóng vỗ bờ. Khi tôi đến nơi thì trời vừa xế. Những tia nắng chiều lấp lánh trên mặt nước tạo ra những vệt sáng lung linh. Tôi bước thêm vài bước nữa và nhìn thấy một vật lóa lên trong nắng chiều nằm dưới chân mình. Thì ra, đó là một mảnh gương oval màu xanh nhạt bị sóng đánh vào bờ. Tôi nhớ mang máng hình như mình đã từng thấy một mảnh gương hệt như thế trước đó rất lâu.

Đó là một buổi tiệc của bạn tôi - anh chồng thợ mộc và người vợ giáo viên. Họ tổ chức lễ kỷ niệm mười năm ngày cưới. Khi dùng xong món tráng miệng, người chồng nhẹ nhàng xòe bàn tay chai sần của mình ra để lộ chiếc hộp màu trắng nhỏ nằm gọn bên trong. Một cách từ tốn, anh trao món quà cho vợ với ánh mắt yêu thương lẫn chờ đợi. Cả căn phòng bỗng chốc lắng im trước hành động của người thợ mộc - hành động mà mọi người cho rằng còn cảm động hơn cả những lời hoa mỹ, sáo rỗng.

Tôi là người khách duy nhất trong bữa tiệc đó biết chính xác trong chiếc hộp ấy có vật gì. Anh đã cho tôi xem và kể với tôi trước đó rằng, trong chuyến đi hưởng tuần trăng mật, hai vợ chồng anh đã tìm thấy nó khi cùng dạo bước gần bờ biển Ai Len. Cả hai nhặt nó lên ngắm soi và ngạc nhiên trước một vẻ đẹp kiêu sa, đồng thời chắc rằng nó hẳn là được tạo ra từ thời Đế chế La Mã. Họ cũng tin rằng đây chính là tặng vật mà đại dương bao la đã dành cho họ.

Người thợ mộc kín đáo cất mảnh gương hình tam giác vào túi, mang nó về nhà và cất thật sâu trong một ngăn tủ. Anh dự định sẽ dùng nó làm món quà đặc biệt tặng cho vợ nhân kỷ niệm mười năm ngày cưới. Trong suốt mười năm ấy, anh chưa một lần nhắc lại với vợ về mảnh gương nhưng cũng tuyệt nhiên không hề quên. Cuối cùng cái ngày ấy cũng đã đến, và suốt trong bữa tối với bạn bè, anh luôn giữ chặt chiếc hộp trắng trong tay mình.

Người vợ nhìn vào bàn tay có món quà của chồng nhưng cô không lấy nó mà lại chú ý đến cái cổ tay đang bị sưng phù vì bong gân của anh khi đóng chiếc tủ mới cho nhà bếp.

- Quả thật tôi không hiểu tại sao anh ấy luôn làm mình bị thương khi làm việc quần quanh ngôi nhà của chúng tôi như vậy. - Cô quay mặt về phía những người khách và nói.

Người vợ vừa dứt lời, anh thợ mộc tuy vẫn giữ được vẻ bình thản trên gương mặt, nhưng đôi mắt lại toát lên vẻ hực hắc ghê gớm. Anh nhìn vợ tựa như cô vừa bắn một mũi tên xuyên qua trái tim anh vậy. Một lát sau, anh khẽ đẩy chiếc ghế của mình lùi ra khỏi bàn một chút, đặt

chiếc hộp trắng lên bệ cửa sổ phía sau lưng, và nhe nhàng yêu cầu vợ xin lỗi. Anh cố mỉm cười và pha trò, nhưng rõ ràng, mọi người đều hiểu anh bị tổn thương như thế nào trước sự nhạo báng của vợ.

– Sao em lại phải xin lỗi anh chứ? – Cô vợ vẫn một mực bướng bỉnh. – Em phải xin lỗi để nhận được món quà ư? Đó là cái giá của nó sao? Trước thái độ quá đáng của vợ, anh vẫn giữ được sự bình tĩnh, vẫn dụi dằm mỉm cười khi xoay lại bệ cửa sổ cầm chiếc hộp lên và trao cho cô lần nữa. Lần này, người vợ không từ chối nó, nhưng một lần nữa cô lại làm tổn thương anh.

– Nó chẳng có gì đẹp, thậm chí là rất tầm thường nữa, mọi người có thấy vậy không? – Cô đưa cho tất cả mọi người xem với một thái độ mỉa mai, không có vẻ gì là đã từng nhìn thấy nó. Nhớ lại khoảnh khắc đó, điều ám ảnh tôi là gương mặt đau xót và thất vọng của người thợ mộc, dù lúc nào anh cũng nở nụ cười trên môi.

Dường như anh nhận ra rằng khoảng cách giữa anh và vợ quá lớn, một khoảng cách mà cho dù có cố gắng bao nhiêu chăng nữa, anh cũng không thể rút ngắn được. Tôi cho rằng mình có thể hiểu được cảm giác của anh lúc đó, vì chính tôi cũng đã từng ở trong hoàn cảnh tương tự. Đó thực sự là một nỗi đau dai dẳng và rất khó chữa lành.

Tôi nhìn mảnh gương trong tay mình lần nữa, và tự hỏi mình nên giữ lại hay vứt đi. Sau phút đắn đo, tôi quyết định bỏ mảnh gương vào túi, giữ cho chính mình và cho cả anh bạn thợ mộc. Tôi tiếp tục chậm rãi đi lên phía trên, đến một đụn cát và ngã mình xuống. Mặt trời tuy đã lặn từ lâu nhưng cát vẫn còn giữ được sự ấm nóng dễ chịu. Tôi vùi chân mình vào cát, nằm yên nghe sóng vỗ và ngắm sao đêm trong trạng thái hoàn toàn thả lỏng. Gần chân trời, nơi rất thấp ở phía Tây có một ngôi sao treo lơ lửng như một chiếc đèn lồng. Đường như ai đó đã treo nó lên trên cột buồm của một chiếc thuyền đang chầm chậm lướt sóng.

Trong lúc ngắm các vì sao, tôi chợt nghĩ đến những người đã từng miệt mài ngồi trên bãi biển quan sát bầu trời như tôi đêm nay để rồi phác họa những bức tranh vũ trụ bằng trí tưởng tượng phong phú. Họ vẽ Sagittarius - chòm sao Nhân mã, Andromeda - người thiếu nữ, Pegasus - con ngựa có cánh, Capricornus - chòm sao Dương cưu, và Orion - người thợ săn dũng mãnh với một ngôi sao đỏ trên vai và ba ngôi sao sáng chỗ thắt lưng, cặp song sinh Castor và Pollux, biểu tượng của tình yêu tuyệt vời và vĩnh cửu... Tất cả tạo thành một bức tranh lấp lánh tuyệt đẹp giữa nền trời đêm thăm thẳm.

Từ khi đến Miramar, tôi nhận thấy mình ngày càng thuần thục trong việc nhận biết vị trí ngôi sao tương ứng với cung thiên mệnh của mình, cũng như các vì sao khác. Tuy không phải là một nhà thiên văn học, nhưng tôi có thể dễ dàng tìm thấy ngôi sao Gemini – cung Song tử, một trong mười hai cung hoàng đạo. Cũng trong lúc ngắm các vì sao, tôi tự hỏi nguyên nhân nào đã khiến chúng luôn cùng chia sẻ cho nhau cái khoảng không nhỏ bé kia trên bầu trời? Và liệu tôi có tìm được một người phụ nữ nào có thể nhìn thấy thế giới trong mắt tôi như tôi có thể nhìn thấy trong mắt nàng? Tôi hiểu rằng đây không chỉ là câu hỏi và ước mơ của riêng mình, bởi từ rất lâu, nhân loại đã khát khao điều này thông qua những áng thơ văn bất hủ.

Tôi luôn trân trọng mỗi thời khắc hạnh phúc mà mình có được vì tôi biết mình sẽ chẳng bao giờ có lại những giây phút đó nữa. Dù cuộc hôn nhân của chúng tôi đã tan vỡ sau nhiều năm chung sống và hiện tại tôi đang một mình trên bãi biển Miramar, nhưng tôi không hề có cảm giác cô đơn cũng như hối hận về quyết định của mình. Ngược lại, tôi thấy mình hạnh phúc hơn những người có vợ có chồng mà không thể tìm được điểm tương đồng để hòa hợp cùng nhau.

Họ mới chính là những người cô đơn nhất. Mặt trời mọc rồi lặn, với một số người, đó được xem là điều kỳ diệu của tự nhiên; nhưng với một số khác, đó chỉ là một quy luật bình thường.

Tôi vùi chân mình vào sâu hơn trong cát, ngược nhìn bầu trời một lần nữa và thiếp đi sau đó vài giây. Khi tôi thức dậy, trời đã bắt đầu chớm lạnh, và ngôi sao hôm đang nhô lên trên bãi cát dài.

Chương 4: CUỘC ĐỜI THỰC



6 giờ sáng, tiếng chuông điện thoại ầm ĩ làm tôi thức giấc.

– Xin chào!

Tôi nhận ra tiếng của Leo - đồng nghiệp cũ, một người bạn đáng tin cậy và là nguồn thu nhập chính của tôi trong suốt quãng thời gian làm nghề tự do.

Mặc dù đã nhiều lần nói với Leo rằng múi giờ giữa chúng tôi cách nhau tới 3 tiếng, nhưng cậu ta chẳng bao giờ chịu nhớ. Khi kim đồng hồ nơi Leo ở nhích dần sang số 9 thì cậu ấy chắc hẳn rằng chỗ tôi cũng vậy, và nhấn phím gọi.

Leo thường bắt đầu câu chuyện bằng việc tặng bốc tôi lên tận mây xanh. *“Cậu là nhất mà!”*, *“Việc đó chỉ cậu mới có thể làm được!”*... và theo sau đó là những yêu cầu của cậu ấy. Lần này cũng vậy, sau màn giáo đầu quen thuộc, Leo nhờ tôi soạn giúp bài diễn văn để ngài chủ tịch hội đồng quản trị của một tập đoàn lớn phát biểu trước đông đảo doanh nhân có tiếng tằm ở vùng Geneva, Thụy Sĩ. Cậu ấy đưa ra mức thù lao khá lớn, một khoản tiền hấp dẫn mà nếu đang ở giai đoạn nào đó trước đây có lẽ tôi sẽ không thể cưỡng lại được.

– Bài diễn văn này rất dễ đối với cậu. Cậu biết chính xác là họ muốn nói gì mà, đúng không? Tất cả những gì họ cần chỉ là lời lẽ để thể hiện thôi. Cậu giúp tớ lần này nhé! – Leo cố thuyết phục tôi.

– Leo này... – Tôi bắt đầu, nhưng thật là khó khăn.

– Tớ hiểu, tớ hiểu mà! – Leo không để tôi nói hết lời. – Cậu đã từng thề rằng sẽ không viết thêm một bài diễn văn nào nữa cho đến cuối đời này, phải không? Nhưng đây là cơ hội kiếm tiền rất dễ. Tại sao cậu lại từ chối nó chứ? Hơn nữa, tớ cần cậu, rất cần. Nhất định cậu phải giúp tớ lần này.

– Leo. – Tôi gắt lên, không giấu giếm sự bức dọc.

Nhưng một lần nữa Leo lại nhanh nhẩu ngắt lời tôi:

– Cậu không cần phải trả lời ngay lúc này đâu. Cậu có 24 tiếng để suy nghĩ đấy! Tớ sẽ gọi lại cho cậu vào giờ này, ngày mai. Tớ mong cậu suy nghĩ thật kỹ. Mà này, tớ nghĩ cậu nên trở về với cuộc đời thực đi là vừa!

Leo cúp máy.

Tôi khoác thêm chiếc áo trên mình và thả bước đi về phía biển. Sương sớm phủ dày đặc, những giọt mưa phùn lất phất phủ lên tóc, lên người tôi. Xa xa đâu đó, tôi nghe thấy tiếng kêu ồm ồm của những con mòng biển. Tôi đi dọc theo bờ biển, thả bước trên con đê chắn sóng về phía cảng, nơi phát ra tiếng còi tàu ngắt quãng một cách đều đặn, cứ mười giây một lần. Khi đi đến nhà hàng ở phía cuối con đê, tôi ngồi nghỉ tạm ở một quầy nhỏ gần cửa sổ và phóng tầm mắt về phía những tia sáng đầu tiên xuất hiện trên nền trời, dần xua tan màn sương mù dày đặc.

Không cần đợi tôi lên tiếng, cô phục vụ bàn đã mang đến cho tôi tất cả những gì tôi cần: một ly cam tươi, một ít bánh quế, một cốc nước nóng và một lát chanh. Khi đưa cốc nước lên môi, tôi lờ mờ nhận ra sự xuất hiện của Leo trong khu vực mình đang ngồi, toàn thân tôi bắt đầu run lên. Leo đang tiến dần về phía tôi, cậu ta cúi thấp người xuống một chút và đi lom khom quanh chiếc bàn gỗ gu to màu đỏ trước mặt. Tai tôi lại loáng thoáng nghe thấy tiếng của Leo khuyên tôi “trở về với cuộc đời thực”. Phút chốc, sự tức giận bốc lên, tôi nhìn thẳng vào mắt

Leo nói với thái độ gay gắt:

- Leo này, tôi muốn hỏi cậu cuộc đời thực là cái quái quỷ gì vậy? Nó đang ở đâu vậy hả? Ở trên đỉnh núi cao, dưới thung lũng sâu hay ngoài đại dương bao la? Nó ở chốn đô thành hay vùng ngoại ô? Là nơi của chuyện áo cơm hay nơi dành cho nghệ thuật? Tôi có thể tìm thấy nó dưới tán rừng mưa nhiệt đới kia không? Hay phải tìm nó trong một cửa hàng bách hóa? Hãy cho tôi biết ở kinh độ, vĩ độ nào thì tôi mới có thể tìm ra cái thế giới thực đó đi, Leo! Vì tôi đang nóng lòng muốn đến cái nơi ấy, và coi nó như nhà mình đây.

Mà tại sao những kẻ lăm bạc nhiều tiền, quyền cao chức trọng lại chẳng thể nói bằng lời nói của chính mình, cứ phải nhờ người khác nói thay như vậy? Họ có nhận ra mình đang sống trong một thế giới ảo và đang tự lừa dối chính bản thân không? Tôi ghét những kẻ lúc nào cũng quần áo chỉnh chu, chằm chằm cặp kính trí thức trên mặt, luôn đằng hắng lấy giọng nhưng lại phải thuê người khác mớm cho từng lời!

Và người được thuê đó là ai cậu biết không hả, Leo? Đó là tôi đây. Để nhận được khoản thù lao hậu hĩnh, tôi tự biến mình thành cái dây chuyền lắp ráp chữ tự động, cho ra sản phẩm cuối cùng là những lời lẽ sáo rỗng trong các bài diễn văn. Rồi những người đó biến lời lẽ, suy nghĩ, tâm tư tình cảm của tôi thành của chính mình mà không chút mảy may suy nghĩ. Tôi thật tội nghiệp cho tất cả bọn họ và cả cho tôi nữa, vì xét cho cùng cả hai chúng tôi đều giống nhau về một mục đích, đó là kiếm tiền. Nhưng đó chỉ là cái thế giới ảo thôi Leo ạ!

Còn trong thế giới thực thì tôi sẽ là người đọc bài diễn văn ấy, và người kia phải ngồi phía dưới, lắng nghe. Hoặc nếu muốn phát biểu, anh ta phải tự viết những điều mình muốn nói, và tôi sẵn sàng hoán đổi vị trí ấy. Nếu anh ta không thể viết bất cứ lời nào thì tốt nhất hãy ngồi yên tại văn phòng của mình và điều hành công ty. Còn tôi, tôi sẽ ở lại bãi biển này và làm công việc mình yêu thích là tìm nhặt vỏ sò.

Một khi người viết và người đọc đã vượt quá giới hạn của mình, đã xâm phạm vào “lãnh địa” của nhau, thì họ không còn là mình nữa. Họ chỉ còn là cái bóng của người khác mà thôi!

Vậy thì, cuộc đời thực nó nằm ở đâu trong thế giới này hả Leo?

Tôi tuôn ra một tràng như nước sông chảy tràn sau một trận tuyết tan. Lúc này tôi mới kịp nhận ra, Leo không hề xuất hiện. Cậu ấy vẫn ở cách tôi rất xa và không thể nghe những lời tôi muốn nói. Tôi tựa lưng vào ghế, để đầu óc mình thư giãn. Thì ra này giờ tôi đã diễn một màn độc thoại với một người không hề hiện diện.

Nhưng liệu Leo có hiểu được những điều tôi vừa nói hay không? Có bao giờ cậu ấy hiểu không? Tôi tự hỏi chính mình như vậy và đã có ngay câu trả lời. Leo chẳng bao giờ hiểu cho tôi cả, dù tôi có giải thích với cậu ấy như thế nào chẳng nữa. Giờ tôi mới nhận ra điều đó, và cảm thấy lòng nhẹ nhõm hơn rất nhiều. Làm sao để Leo hiểu được mình không còn là mối bận tâm của tôi nữa.

Trả tiền xong, tôi đi lang thang dưới nắng, bước dọc con đường mà một bên là núi cao, một bên là biển. Dừng lại bên một vách đá, tôi phóng tầm mắt về phía những ngọn sóng đang thay nhau vỗ bờ. Thủy triều đang lên, tôi tưởng tượng chúng trời lên từ một khe núi sâu nào đó phía chân trời và chảy dài bất tận, cho tới khi nào tỏa ra hết năng lượng bị dồn nén lại từ lâu. Biển mênh mông còn tôi thì cô độc. Tôi ngược nhìn xung quanh. Một con mòng biển bay ngang trước mặt tôi rồi nhanh chóng mất hút giữa bao la. Không hiểu sao tôi bỗng thấy mình thật tĩnh tại. Cuộc sống đang trải ra trước mắt tôi bao nhiêu điều mới mẻ, cũng như đại dương xanh kia đang ẩn chứa biết bao điều kỳ thú đang chờ tôi khám phá.

Thuở sơ khai, tổ tiên chúng ta đã học cách nhóm lửa, may vá, trồng trọt... để tồn tại. Tôi không hiểu tại sao có người chuyên tâm cho việc săn bắn, còn người khác lại hứng thú với trồng trọt? Đó là một sự phân công lao động có chủ đích hay đơn giản chỉ là sự thích nghi với môi trường sống? Trở thành nông dân vì người ta có đất, hay vì khi mới sinh ra họ đã là một người nông dân, luôn muốn tìm kiếm những mảnh đất màu mỡ để gieo trồng? Còn người đã làm nên đất đai, hay chính đất đai mới là nơi khởi nguồn để con người nhận diện chính mình?

Dù không thể giải thích được những cảm nhận của mình nhưng tôi thiên về cách lập luận thứ hai hơn.

Tôi thấy mình tựa như một sinh vật nhỏ bé nghe theo tiếng gọi bản năng để tìm kiếm con đường trở về nhà, tìm kiếm một nơi nào đó trên trái đất này chỉ dành cho riêng mình. Và tôi đã mất gần cả một đời để đi đến một nơi đặc biệt như hiện tại - bờ biển Miramar. Dù biết đó là một cuộc hành trình dài và đầy gian khổ, nhưng tôi buộc phải đi. Vì tôi hiểu rằng, nếu cứ nấn ná ở lại một nơi không thuộc về mình, tôi sẽ không bao giờ được sống một cuộc đời thực như mình mong muốn.

Ngang qua hồ nước mặn, tôi chăm chú nhìn một con điều hâu đáp xuống đầm lầy tìm mồi rồi bay vụt lên. Con chim giẻ quạt màu đen khê khằng bay ra từ một bụi cây, đớp lấy lũ côn trùng nhỏ bé trong không trung. Con cò trắng lội qua chỗ nước nông tìm mồi, trong khi con bói cá lượn lờ trên mặt nước tĩnh lặng trước khi nó lao mình xuống và biến mất tăm trong chóp mắt. Ở phía xa, ngoài những con sóng, một đàn chim cốc bay ngang qua, vẽ nên một vệt màu đen trên nền trời xanh thẳm trông thật sinh động.

Loài chim này sống không tách biệt với các loài chim khác, đôi lúc chúng sống cùng nhau, như loài chim dẽ Bắc Mỹ chân ngắn và chim cánh cụt. Một điều thú vị là chúng chẳng bao giờ bay đi nơi khác hay bắt nạt đồng loại. Mỗi loài đều có cuộc sống riêng và phát triển rất nhanh.

Tôi có cảm giác loài người chúng ta dường như cũng vậy. Chúng ta sống trong một trật tự nhất định và mỗi người có một cuộc sống riêng. Người thì ở trong một tòa nhà cao chọc trời, kẻ ở nông trang, người khác lại ở trong những mái lều tranh, lênh đênh trên thuyền, hay trong nhà chòi ven biển... Cũng như vậy, tôi có cuộc sống riêng của mình và Leo cũng thế. Vấn đề xảy ra giữa chúng tôi chỉ là việc chúng tôi không phải là những con chim trong cùng một đàn.

Xa xa phía trên bờ biển, tôi nhìn thấy một người phụ nữ và cậu bé đang dắt theo con chó nhỏ. Khi đến gần, tôi nhận ra đó là một con Labiador màu đen. Phía dưới biển, một người đàn ông đang đứng dưới nước ngập ngang gối nhìn ra khơi xa, vẫy tay gọi to một cách gấp gáp, đầy lo lắng:

– Lại đây! Lại đây nào chó cưng! Lại đây!... Rồi anh quay về phía đất liền, chỉ ra phía con sóng – nơi có một cái đầu đen lóng mướt nổi lên bồng bềnh trên sóng, nhìn chúng tôi rồi biến mất phía sau từng con sóng – hỏi người đàn ông đang đứng trên đụn cát:

– Đó có phải là con chó của anh không? Nhưng người đàn ông không trả lời. Khi tôi đi đến gần, anh lại nhìn tôi, và tiếp tục hỏi:

– Nó là con chó của anh? Nếu chúng ta không cứu kịp, nó sẽ bị nhận chìm mất thôi.

– Đó không phải là con chó đâu. – Tôi đáp. Người đàn ông nhìn tôi chăm chăm:

– Tôi chắc đó là một con chó!

– Không đâu. – Tôi nhẹ nhàng giải thích. – Đó là một con sư tử biển. Anh có thể gọi nó là gì cũng được, nhưng tôi dám cược với anh rằng nó chẳng bao giờ chịu vào bờ đâu!

Chương 5: QUYỀN LỰC TRONG TÌNH YÊU



Khi tôi thức dậy, mặt trời đã lên cao quá nửa. Thong thả bước ra sân, tôi làm vài động tác thể dục nhẹ. Sau vài cái vươn vai hít thở thật sâu, một cảm giác sáng khoái nhẹ nhàng lan tỏa khắp người tôi. Hôm nay biển lặng, bầu trời trong xanh yên ả, ngoài khơi chỉ vài cơn gió thoảng nhẹ, không gian thật yên bình.

Tiến về phía mép nước, tôi định bụng sẽ thong thả đi dạo, nhưng hai chân cứ chực lao đi một cách vội vã. Đi được khoảng một dặm thì mồ hôi bắt đầu túa ra, đọng lại thành từng giọt trên chân mày tôi. Tôi muốn dừng lại nhưng không hiểu có một động lực nào đó cứ thúc tôi tiến về phía trước. Tôi tiếp tục chạy và chạy mãi miết cho đến chỗ bãi biển đông người.

Tôi dừng lại ngắm đám trẻ đang nghịch cát và chơi trò té nước. Sự hồn nhiên, vô tư của các em khiến tôi cảm thấy thanh thản và thoải mái đến lạ. Đột nhiên, một cô bé tách khỏi đám bạn và chạy về phía tôi, miệng tíu tít.

Cô bé khoảng chừng 6 hoặc 7 tuổi, đôi mắt đen huyền long lanh. Cô bé xách theo một xô nhỏ chứa đầy nước biển và khi đến gần tôi, cô dùng hết sức nâng cái xô lên cao để tôi có thể nhìn vào bên trong. Cô bé bắt chuyện với tôi không chút e dè, sợ sệt:

- Lúc này cháu tìm được con cua này. Nó sẽ luôn là của cháu cho đến lúc nó không còn sống nữa. Khi đó, cháu sẽ tìm một con cua khác, và con cua đó sẽ lại là của cháu cho đến lúc nó chết đi.

- Nó đẹp đấy chứ. - Tôi xoa đầu cô bé. - Nhưng dường như nó đang rất nhớ ngôi nhà đại dương của nó đấy, cô bé ạ!

- Không, không đâu chú ơi. - Cô bé ra sức phân trần. - Con cua này là của cháu, và sẽ thuộc về cháu, mãi mãi!

Nói rồi cô bé vụt chạy thật nhanh xuống bãi biển, đặt vội cái xô trên cát rồi nhanh chóng hòa vào đám bạn đang giỡn sóng.

Tôi đứng quan sát bọn trẻ một lúc nữa và tiếp tục đi. Khi đã thấm mệt, tôi ngồi xuống một đụn cát, tựa lưng vào một khúc gỗ trôi vào bờ. Tôi đã bắt đầu cuộc dạo chơi của mình trong tâm trạng phấn khởi, vậy mà giờ đây chỉ còn những ký ức nặng nề. Những ký ức tôi đã cố đè nén trong suốt thời thơ ấu, lúc này dường như đang cựa mình trỗi dậy.

Tôi nhớ lúc mình còn là cậu nhóc, được bố mẹ đưa đi biển chơi cùng với vài người bạn của gia đình. Trong lúc tôi đang mê chơi đùa, thì đột nhiên, một người đàn ông to cao, lực lưỡng kéo tôi ngã xuống từ phía sau. Ông giữ tôi trong tư thế ấy khá lâu, mặc cho tôi cố gắng vùng vẫy.

Và ông cười, cười rất to, và nhiều người khác cũng cười, như thể chuyện tôi bị quật ngã có gì thú vị lắm vậy. Chỉ đến khi tôi hét lên thật to và khóc thì người đàn ông đó mới chịu buông tôi ra. Giờ đây, dù đã năm mươi năm trôi qua, nhưng chuyện đó vẫn không hề phai nhạt trong tâm trí tôi. Tôi nhớ cảm giác của mình lúc đó và nhớ cả cái cách mà ông ấy đã kèm giữ mình.

Lần khác, bố mẹ bảo với tôi rằng chúng tôi sẽ đến thăm ông bà và đặt tôi ngồi ở băng ghế sau. Tôi tin ngay vì cả nhà chúng tôi đã nhiều lần đi chơi cùng nhau như thế. Xe đang băng băng chạy bỗng nhiên dừng lại trước một tòa nhà có vẻ ảm đạm và bố mẹ đưa tôi vào đó. Đó là ngôi nhà mà tôi chưa bao giờ đến. Một người mặc trang phục màu trắng từ trong nhà bước ra, đón lấy tôi rồi đặt vào một cái giường dành cho trẻ con với những thanh chắn thật cao và bỏ đi.

Tôi đứng trên giường, khóc lóc, kêu gào đến khản cổ. Một lát sau, một người đàn ông lớn tuổi

đến bể tôi đặt lên một chiếc xe, rồi đẩy vào phòng mổ a-mi-đan.

Đó là những ký ức tuổi thơ rất khủng khiếp với tôi, và tôi chưa bao giờ thôi bị ám ảnh vì nó. Tôi tự hỏi tại sao bố mẹ lại đối xử với mình như vậy. Bố mẹ đã tự ý quyết định mọi việc mà chưa bao giờ xem tôi là một người có suy nghĩ, có cảm xúc và cần sự sẻ chia, an ủi như bất kỳ ai.

Nhớ lại chuyện cô bé với chú cua khi này, tôi chắc hẳn chú cua tội nghiệp cũng đang ở trong tâm trạng của tôi lúc bấy giờ. Sau tất cả những điều tồi tệ đó, tôi luôn bị ám ảnh rằng bất cứ lúc nào mình cũng có thể bị những người có quyền lực bắt cóc và giam hãm.

Một lần vào sở thú tham quan, tôi được tận mắt chứng kiến sự sa cơ lỡ vận của chú báo tuyết. Người quản lý ở đây đã sắp xếp sao cho du khách có thể tiếp cận với báo tuyết một cách gần nhất. Họ đã cho xây một cái chuồng hình tròn, đường kính khoảng ba mươi mét với rất nhiều cột đá, thanh sắt cao xung quanh tạo thành một khu vực quan sát lý tưởng.

Kể đó, họ dán một tấm áp-phích lên trên những thanh chắn, miêu tả cuộc sống của loài báo này ở các vùng cao trên thế giới. Khán giả vây quanh ngắm nghía con thú tội nghiệp. Còn tôi dừng lại một lúc lâu sau khi đoàn người đã đi khỏi, nhìn con báo tuyết lững thững bước từng bước trong chuồng, ánh mắt tuyệt vọng nhìn về phía xa xăm.

Một ý nghĩ bất chợt xuất hiện trong đầu: trước đây, tôi có cảm giác mình đang mắc nợ những người đã vượt qua biết bao hiểm nguy, gian khổ để giúp chúng tôi – những người bình thường có được cơ hội tận mắt chứng kiến những loài động vật tự nhiên quý hiếm. Thế nhưng khi đứng tại sở thú đó, trong tôi trào dâng cảm giác ghê sợ trước những người đã mang những con báo tuyết về giam hãm như vậy. Bẵng đi một thời gian, tôi quay lại sở thú nhưng không còn thấy con báo tuyết nào nữa. Không còn đáng đi chậm rãi ẩn chứa sức mạnh vô song khi băng qua lớp tuyết trắng phủ trên đỉnh núi quê nhà. Tất cả những gì tôi được nhìn thấy chỉ là một sinh vật bị giam hãm trong một thế giới không thuộc về mình. Quả thật, khi chúng ta cố gắng dùng sức mạnh của mình để làm chủ thế giới tự nhiên, tất yếu thế giới ấy sẽ không còn giữ được bản chất vốn có của nó.

Tôi nhìn về phía những con sóng lớn vỗ bờ, và tự hỏi xem mình có chút quyền lực nào đối với những con sóng bạc đầu hay những chú cá ngoài biển khơi kia không? Tôi ngược lên nhìn những chú mòng biển đang bay lượn trên bầu trời và cũng hỏi mình câu hỏi tương tự. Nhưng sau những trải nghiệm của bản thân, tôi hiểu rằng mình chẳng thể nào kiểm soát được chúng đồng thời bất cứ nỗ lực nào nhằm kiểm soát những sinh thể ấy cũng đều vô nghĩa và chắc chắn sẽ thất bại.

Lúc còn nhỏ, chúng ta luôn muốn sở hữu những đồ chơi của mình, đó có thể là một chú cua, gấu bông hoặc búp bê xinh xắn. Khi có gia đình riêng, ta lại muốn sở hữu người chồng, người vợ và các con mình. Ta không muốn những người mà mình thương yêu rời khỏi vòng tay mình. Thế nhưng cái thật sự thuộc về ta chỉ là cuộc sống của ta mà thôi.

Hồi các con chập chững bước đi, tôi rất thích nhắc chúng lên và ôm thật chặt vào lòng. Mỗi lần chơi đùa với các con, tôi cảm nhận được sự gần gũi thiêng liêng của tình phụ tử. Nhưng các con tôi lại không muốn như vậy. Các cháu luôn muốn thoát ra khỏi vòng tay tôi để tự do khám phá thế giới xung quanh.

Dần dần, tôi nhận ra giữa mình và các con có một khoảng cách vô hình dù chúng tôi luôn dành cho nhau những tình cảm tốt đẹp nhất. Tôi hiểu ra nhiệm vụ của một người cha không phải lúc nào cũng chăm bẵm, thể hiện quyền lực với các con mà phải để chúng tự do trong một khuôn phép nào đó.

Tuy vậy, tôi hiểu rằng việc thực hiện những lời nói này là điều không hề đơn giản. Trong khi tôi muốn đưa con trai lớn vào đại học, thì cháu lại chọn trở thành một người thợ mộc. Cháu muốn tự mình quyết định và có trách nhiệm với chính cuộc sống của mình. Còn đối với cô con gái út, tôi đã khuyến khích cháu theo học ngành kế toán vì từ nhỏ cháu đã thể hiện năng khiếu tính toán đặc biệt của mình. Vậy nhưng cháu nhất quyết làm nhà bảo tồn sinh vật để nghiên

cứu mối liên hệ giữa các loài thực vật và chim chóc. Và suốt những mùa hè vừa qua, cháu đã sống trong một căn lều nhỏ trên cao nguyên Sierra để tìm tòi, nghiên cứu.

Trước đây, tôi luôn nghĩ việc khuyến khích con cái đi theo con đường có lợi cho các cháu là một biểu hiện của tình yêu thương. Thế nhưng giờ đây, tôi hiểu rằng mình hành động như vậy không chỉ vì tình yêu thương mà còn bao hàm cả sự sở hữu mù quáng. Một người cha tuyệt vời luôn là người hiểu được suy nghĩ, hành động của con mình để biết cách chia sẻ, cảm thông cũng như đưa ra những lời hướng dẫn, chỉ bảo đúng lúc. Nhưng dường như tôi đã không làm được như vậy. Nếu hiểu các con mình hơn, có lẽ tôi đã ủng hộ những đam mê, sở thích của các cháu đồng thời giúp các cháu trở thành những hình mẫu mà các cháu mong muốn.

Tôi luôn tự hào về tất cả những thành quả mà các con tôi đã đạt được dù có nhiều lúc các cháu đã không làm theo những gì tôi định hướng. Với tính cách quyết đoán bẩm sinh, các cháu đã tự chọn cho mình một ngã rẽ và tự chịu trách nhiệm với sự lựa chọn của mình. Tôi hiểu rằng nếu các con nghe theo lời chỉ dạy của bố, có lẽ giờ đây mỗi đứa chỉ là những bản sao của mình mà thôi.

Tôi trở lại cuộc sống của một người đàn ông độc thân sau khi ly hôn và lại bắt đầu hành trình mới tìm kiếm hạnh phúc cho riêng mình. Đó là người phụ nữ rất đáng yêu và tôi luôn bị cuốn hút bởi cái cách nàng di chuyển trong sân quần vợt cũng như cách nói chuyện tự nhiên của nàng. Lúc đầu, tôi thật sự cảm thấy hài lòng và hãnh diện khi được ở bên nàng. Nhưng một thời gian sau, tôi bắt đầu cảm thấy mệt mỏi, mà nguyên nhân lại đến từ chính những điểm đáng yêu đó của nàng.

Nàng đã từng có một vài mối tình trước khi kết hôn. Nhưng rồi cũng như tôi, nàng vấp phải sự đổ vỡ trong hạnh phúc gia đình. Khi chúng tôi gặp nhau, vết thương lòng của nàng vẫn chưa lành hẳn. Tất cả những gì nàng muốn là được sở hữu một người đàn ông của riêng nàng, một người chồng luôn có mặt bên cạnh nàng bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu. Trong khi đó, những gì tôi khao khát lại là được ở một mình trong những khoảng thời gian nào đó để chiêm nghiệm về cuộc sống cũng như theo đuổi những mục tiêu mình đã đề ra.

Một buổi tối, khi dự bữa tiệc nhỏ ở nhà nàng, vô tình tôi nghe được cuộc trò chuyện giữa nàng và cô bạn thân. Nàng nhắc đến tên tôi và gọi tôi là “tặng vật của vũ trụ” chỉ riêng dành cho nàng. Khi nàng thốt ra những lời đó, tôi nhận ra tình yêu nơi nàng chỉ mang tính sở hữu và nàng muốn dùng quyền lực để chiếm hữu tôi cho riêng nàng. Và không lâu sau khi chúng tôi chia tay, nàng đã tìm được một người đàn ông khác, một người thuộc quyền sở hữu của riêng nàng. Còn tôi, tôi tìm được một căn nhà tranh trên bờ biển.

Tôi đã từng nhìn thấy một câu ngạn ngữ về tình yêu được lồng trong một cái khung ren giản dị, treo trên tường nhà bếp: *“Không có sự sở hữu trong tình yêu!”*. Câu nói tưởng chừng đơn giản vậy mà phải mất nhiều năm trời tôi mới thực sự hiểu hết ý nghĩa của nó.

Tôi tin vào lòng trắc ẩn, vào sự cảm thông, chia sẻ của những người bạn dành cho nhau trước những khó khăn, buồn vui của cuộc đời. Nhưng tôi không tin vào quyền lực tối cao mà họ dùng để điều khiển và sở hữu nhau, dù dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi tin vào những khát khao chính đáng của con người, khát khao được tự do và trở thành một cá nhân hữu ích cho cộng đồng. Thomas Jefferson đã từng nói: *“Tôi sẽ luôn đấu tranh chống lại mọi sự độc đoán muốn chiếm đoạt tâm hồn con người”*. Có lẽ nhiều người trong chúng ta cũng đã từng băn khoăn khi không hiểu hết ngụ ý của tác giả. Dù rất khó nhận ra nhưng chúng ta có thể khẳng định rằng, các nhà cầm quyền dù có chuyên chế như thế nào đi nữa cũng không ảnh hưởng đến cuộc sống của ta bằng những người sống và làm việc bên cạnh chúng ta mỗi ngày. Chính họ luôn hiện diện bên ta, áp đặt cho ta mọi thứ nếu ta không có ý chí chống trả lại họ.

Một người phụ nữ xinh đẹp bỗng nhiên bước vào tầm mắt tôi. Cô mặc một chiếc áo thun trắng, quần jeans ngắn và một chiếc áo sơ mi khoác ngang eo. Ban đầu, tôi cứ ngỡ cô xuất hiện trong giấc mơ của mình, nhưng sự thực là ngay lúc này, cô đang ở cùng tôi trên bãi biển.

Tôi đứng dậy và đi ra mép nước mặc dù gió đang đổi hướng, sương mù càng lúc càng dày lên trên mặt biển. Khi người phụ nữ ấy đến bên cạnh tôi, cô dừng lại bắt chuyện vu vơ về sự thay đổi đột ngột của thời tiết. Chúng tôi đứng trò chuyện một lúc và cô tiếp tục đi. Tôi nhìn theo, đáng cô thướt tha trong gió nhẹ và tự hỏi, phải chăng mình đã để vuột mất một cơ hội?

Cuộc trò chuyện diễn ra ngắn ngủi, nhưng cũng đủ để lại chút xao xuyến trong lòng tôi. Lẽ ra, tôi nên mời cô một tách cà phê, và nếu cô đồng ý, tôi sẽ đưa cô đến một nhà hàng nhìn ra biển, ngắm nhìn những con hải cẩu chồm lên rồi lặn xuống, hay những con bồ nông đang bắt cá. Chúng tôi sẽ ngồi đó trò chuyện và tìm hiểu xem người kia thích gì, ghét gì cũng như cuộc sống của mỗi người ra sao. Tôi nghĩ mình nên tìm hiểu thêm về cô, nhưng rồi tôi đã không làm những điều đó.

Điều tôi lo sợ không phải là việc cô sẽ từ chối khi tôi ngỏ lời mời. Điều khiến tôi sợ là nếu cô nhận lời, nó sẽ dẫn đến một sự nối kết, ràng buộc giữa hai người. Khi đó, biết đâu cô sẽ lại xem tôi như một vật sở hữu và cố biến tôi thành một mẫu người nào đó mà tôi không hề muốn.

Tôi không hiểu nhiều về phụ nữ, về quan niệm cũng như tất cả những chuẩn mực trong cuộc sống của họ. Tất cả những gì tôi biết là, dường như người phụ nữ ấy cũng thận trọng như tôi, có thể với một lý do tương tự. Nếu đúng là như thế, thì sự cẩn thận ấy đã không những không bảo vệ tôi, mà đã ngăn tôi bắt đầu một tình bạn.

Tôi tiếp tục đi dọc theo bãi biển, cố gắng gạt những ý nghĩ đó ra khỏi đầu. Nhưng càng lúc nó càng hiện rõ. Về tới nhà, tôi pha cho mình một tách trà, ngồi trên chiếc ghế bành, và nghĩ về người phụ nữ với chiếc sơ mi cột ở thắt lưng khi nãy. Cô đã biến mất trong màn sương mù dày đặc, và tôi sẽ chẳng bao giờ biết được cô là ai...

Chương 6: GẮNG SỨC



Hoàng hôn phủ những tia nắng cuối cùng trên mặt biển lấp lánh trông như dát vàng. Cảnh hoàng hôn ở biển thật đẹp! Tôi đứng trên ban công, phóng tầm nhìn bao quát toàn bộ bãi biển ngắm mọi người qua lại. Lẩn trong đám đông, tôi nhìn thấy một phụ nữ đang dầm mình dưới nước và cố kéo một sợi dây thừng.

Sóng ào ào vỗ bờ từng cơn tung bọt trắng xóa, người phụ nữ vẫn đứng im không hề suy suyển. Tôi nghe cô nói với người đàn ông đang đứng cách đây một quãng:

– Giữ thật chặt vào! Nếu cùng gắng sức, chúng ta nhất định sẽ làm được!

Một cơn sóng lớn làm nước ngập quá hông, nước bắn tung tóe làm áo cô ướt đầm và suýt ngã, nhưng cô vẫn cố trụ lại. Khi sóng rút, người phụ nữ lại tiếp tục kéo, toàn thân cô căng lên như sợi dây đàn. Nhưng cuối cùng, cô đành buông sợi dây thừng ra, đi vào bờ, mệt lả. Cô quy xuống bãi cát, gục mặt thẫn thức.

Người đàn ông từ từ bước tới nhẹ nhàng quàng chiếc khăn choàng qua vai cô, vỗ về. Cô ngồi một lúc, và họ cùng đi dạo nhau. Bãi biển lúc này chỉ còn là một khối đen khổng lồ.

Sau khi chứng kiến toàn bộ sự việc, tôi quay vào nhà đi lấy một cốc nước. Hình ảnh người phụ nữ trên biển khi này cứ ám ảnh trong đầu tôi. Cô đã để lại trong tôi một ấn tượng khó phai đến mức tôi gần như không thể thoát ra được. Và bỗng dưng tôi muốn lưu lại hình ảnh của cô qua những nét vẽ. Tôi sẽ vẽ cô, người phụ nữ yếu ớt trong thế đối trọng với thiên nhiên, đang cố chống chọi với những cơn sóng lớn, những cơn gió xoáy. Tôi sẽ vẽ mái tóc cô rối tung lên, chiếc áo trắng ướt sũng nước bám rít vào da thịt cô, cái lưng như cong oằn vì sức nặng. Trong bức tranh, tôi sẽ miêu tả cuộc chiến đấu của cô thật oai hùng như bản thân nó vốn thế. Tôi sẽ thể hiện sự tuyệt vọng của cô qua những đường nét cứng, thẳng của khuôn mặt và cánh tay. Nhưng thật tiếc, tôi chỉ có thể vẽ người phụ nữ ấy trong trí tưởng tượng mà thôi.

Tôi ngồi sụp xuống chiếc ghế trước mặt và nhắm nghiền hai mắt. Hình ảnh người phụ nữ ban này lại hiện lên rõ mồn một. Tôi bỗng muốn níu giữ cô thông qua một cuộc nói chuyện tưởng tượng. Chúng tôi trò chuyện cùng nhau, tôi hỏi cô về hành động ban này nhưng cô không lý giải được. Bản thân cô cũng không biết mình đang làm gì, cô chỉ biết ra sức kéo, kéo bằng tất cả khả năng của mình để chống lại một sức mạnh nào đó mà cô cho rằng nó đang nằm sâu dưới đáy biển.

Trước hành động của cô, bỗng dưng tôi có cảm giác như được nhìn thấy lại bản thân mình ngày xưa. Tôi nghĩ mình có thể cảm nhận được tâm trạng của cô vừa trải qua trong cuộc chiến vô hình và không cân sức ấy cũng như hiểu được cảm giác thất vọng đang trào dâng trong cô. Và dù đã rất cố gắng, cô vẫn không thể giành lấy chiến thắng về mình.

Tôi lên giường sớm, nằm ngắm ánh trăng phản chiếu trên tường. Giờ tôi mới thấy mệt lả người. Thế nhưng, cùng với cảm giác mệt mỏi đó, những ký ức về người phụ nữ ban chiều lại ám ảnh trong tôi. Tôi cố gắng lý giải hành động của cô theo cách hiểu của mình. Tôi tự hỏi đó phải chăng chỉ là một trò chơi. Nhưng nếu vậy tại sao có tiếng cầu cứu và những tiếng khóc nức nở sau đó. Thật khó để có thể hiểu được tất cả những việc đã xảy ra. Thế rồi trong ánh sáng mờ ảo, tôi lại thấy hình ảnh người đàn ông đi cùng người phụ nữ đó. Một cách kiên nhẫn, anh đứng đó chờ đợi cuộc chiến đấu của cô, không giúp đỡ, không khuyên răn. Phải chăng anh đã hành động sáng suốt hơn cô hay anh biết được cái gì đang chìm sâu dưới đáy đại dương kia?

Tôi nặng nhọc chìm vào giấc ngủ, và tôi mơ. Vẫn là giấc mơ đã lặp đi lặp lại nhiều lần kể từ ngày tôi đến Miramar. Tôi thấy mình là một chàng trai trẻ đang làm việc cho Công ty Quan hệ Công chúng trước đây. Tôi thấy mình rời căn nhà ở ngoại ô, đón chuyến tàu tốc hành lên thành phố. Tôi cần có một công việc để nuôi sống gia đình nhưng chuyến tàu tôi bước lên cứ đi mãi miết và không bao giờ đến đích.

Tiếng sóng vỗ vào ghềnh đá kéo tôi ra khỏi cơn mộng mị, mờ hôi túa ra hai bên thái dương. Tôi lang thang một mình ra biển trong bóng đêm, nhìn những con sóng trắng đang rượt đuổi nhau trên biển và lắng nghe tiếng vọng của chính mình từ quá khứ.

“Sao mình luôn bị ám ảnh bởi những giấc mơ về quá khứ, về cái công việc mà mình đã bỏ cách đây rất lâu như vậy?” – Tôi tự hỏi.

Câu hỏi khiến tôi bất chợt rung mình, như thể có một ai đó chứ không phải tôi đang tự hỏi mình. Nhưng trên bãi biển lúc này, ngoài tôi ra chẳng còn một ai nữa. Giọng nói mà tôi đã nghe chính là của tôi, và chỉ một mình tôi thôi. Những kỷ niệm thời thơ ấu ngỡ đã ngủ yên bỗng choàng mình tỉnh giấc đưa tôi trở về những ngày tháng xưa.

Tôi nhớ năm mình tám tuổi, bố mẹ gửi tôi đến sống cùng ông bà. Khi bà trở bệnh, tôi được gửi ở nhà dì dượng. Không lâu sau, bố qua đời, mẹ tôi đi bước nữa, tôi trở về sống với mẹ và cha kế. Nhưng chỉ sống với mẹ được một thời gian thì mẹ tôi mất và một lần nữa tôi quay về sống với dì dượng.

Tuổi thơ của tôi trôi qua trong chuỗi ngày sống vô định và không thuộc về một nơi nào như vậy. Tôi luôn có cảm giác mình là một khách trọ trong chính những căn nhà mình đã từng sống. Nếu muốn nhận được sự quan tâm của mọi người, tôi phải cư xử theo cách mà một người khách nên làm. Tôi phải biết nghe lời, phải biết làm vừa ý những người giám hộ; nếu không, chắc chắn hậu quả không hay sẽ xảy ra.

Tôi không phủ nhận sự quan tâm mà những người họ hàng dành cho mình. Nhưng dù thế nào chăng nữa họ vẫn không thể thay thế bố mẹ tôi, và nhà của họ cũng không thể là nhà tôi. Chính những điều đó đã tạo nên sự khác biệt trong suy nghĩ cũng như lối sống của tôi ngay từ khi tôi còn là một cậu bé.

Khi đã có thể tự chăm sóc bản thân, tôi thường không đủ can đảm thực hiện những điều mình muốn. Ngược lại, suy nghĩ và hành động của tôi luôn chịu sự chi phối của những người xung quanh. Thay vì sống cho bản thân, chọn ngành mà mình muốn học, tôi lại chọn ngành học mà sau này có thể đảm bảo cho tôi một công việc có thu nhập ổn định và an toàn. Tôi luôn hành động theo suy nghĩ của mọi người mà không ý thức được rằng, đó là nguyên nhân chính dẫn đến những tuyệt vọng của mình về sau.

Sau hành trình dài đầy mỏi mệt, cuối cùng tôi cũng đã tìm được cho mình một cuộc sống ý nghĩa. Cuộc sống đó bắt đầu ngay khi tôi từ bỏ chiếc áo sơ-mi trắng, chiếc cà vạt công sở để khoác lên mình bộ quần áo của người dân xứ biển.

Tôi đã đến được nơi tôi muốn đến, đó là vùng biển Miramar này. Quả thật, vùng biển xinh đẹp này đã giúp tôi khám phá ra rằng, cuộc sống luôn ẩn chứa nhiều hấp dẫn, thú vị, tựa như những đợt thủy triều lên xuống mỗi ngày. Khi sải những bước chân nhẹ nhàng trên cát, tôi cảm nhận được cảm giác tự do mà bấy lâu nay mình khao khát. Tuy nhiên, từ trong sâu thẳm, tôi vẫn có cảm giác mình chưa thật sự thoát khỏi ám ảnh về “sự tuân theo” ngày trước. Ở một khía cạnh nào đó, tôi vẫn đang cố gắng hết sức mình để thỏa mãn những mong đợi của người khác, nếu không, tôi e một ngày nào đó cả thế giới bất ổn này sẽ bất ngờ đổ ập xuống mình.

Vì vậy, tôi đã tìm về nơi đó – nơi chứa đựng rất nhiều lo toan mà tôi đã bỏ lại sau lưng. Tìm về miền đất tưởng chừng rất quen thuộc nhưng đã trở nên xa lạ trong những giấc mơ, tôi cố gắng sửa chữa những sai lầm trước kia. Vậy nhưng chuyến tàu vẫn cứ đi mãi miết.

Ý niệm về sự tuân theo đã lan rộng và ăn sâu trong huyết quản tôi đến mức tôi không thể phân biệt được đâu là điều mình muốn làm và đâu là nhiệm vụ xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng của người khác. Đây là kết quả của sự giáo dục theo kiểu áp đặt mà tôi đã tiếp thu từ nhỏ. Trước những mong muốn của người khác, tôi tiếp thu rồi sau đó biến chúng thành của riêng mình. Dần dần, điều đó trở thành cuộc sống của tôi, và tôi không mấy may thay đổi bất cứ điều gì thuộc về cuộc sống của mình.

Tôi có biết về câu chuyện của một người phụ nữ sống bên cạnh nhà. Bà đã bảy mươi tuổi

nhưng hầu như tuần nào bà cũng gọi điện về cho người mẹ đã chín mươi lăm tuổi của mình hỏi thăm sức khỏe và chờ đợi một câu nói yêu thương từ mẹ. Thế nhưng, đáp lại sự quan tâm của bà là thái độ dửng dưng, lạnh lùng của người mẹ và hầu như bà luôn muốn khóc mỗi khi gác máy. Tuy hết sức khổ tâm và đau lòng, nhưng bà vẫn tiếp tục cố gắng. Bà tin rằng một ngày không xa, mong mỗi tha thiết của mình sẽ được đáp ứng.

Tôi lắng nghe câu chuyện của bà với một thái độ cảm thông đặc biệt. Tôi hiểu những điều bà hy vọng, chờ đợi nhưng không biết nên khuyên giải như thế nào. Tôi chỉ hy vọng một ngày nào đó bà sẽ nhận ra bà đã và đang lãng phí công sức cả đời để tìm kiếm những gì mà chính bà mới có thể mang lại cho mình.

Tôi trở về nhà khi ánh bình minh đang nhảy nhót trên khe cửa. Kéo nhẹ tấm màn cửa sang một bên để những tia nắng ấm áp buổi sáng soi rọi vào nhà, tôi chọn một góc thích hợp để đọc sách – cuốn sách tôi rất yêu thích và luôn mang theo bên mình khi đi qua khắp các đại lục. Đây là cuốn sách của Georgia O’Keeffe^[*], nữ danh họa Hoa Kỳ. Tôi rất thích những họa phẩm của bà và thường có cảm giác buồn buồn khi nhìn ngắm chúng. Những bức vẽ của O’Keeffe có phong cách rất độc đáo và thường gây ấn tượng mạnh mẽ với người xem. Lúc này, tôi bỗng muốn tìm hiểu về sức hấp dẫn trong những nét cọ của O’Keeffe. Đây là những tác phẩm nghệ thuật của một người phụ nữ dám nhìn cuộc sống bằng chính đôi mắt của mình. Tôi mở ra trang sách đã được đánh dấu - trang vẽ cảnh lê màu xanh nhạt. Nhưng điều tôi tìm không phải là bức tranh về một cảnh lê tươi tốt mà là những lời của người nghệ sĩ kèm theo.

“Tôi xuất bản tác phẩm của mình” – G. O’Keeffe viết – “và tôi vẽ nó theo ý của riêng mình – nó có thể đẹp hoặc xấu tùy theo nhận xét của một số người. Và khi giới thiệu nó đến với công chúng, mọi người có thể khen – chê, bâng quan hoặc viết những lời phê bình tùy ý. Nhưng trước khi giới thiệu tranh đến với công chúng, tôi đã dành một buổi để giới thiệu nó với chính mình. Và như thế những lời tâng bốc hoặc phê bình đó sẽ không trở thành áp lực đối với tôi”.

Những lời này ảnh hưởng sâu sắc đến tôi. Những gì mà O’Keeffe viết và vẽ là một thực thể hoàn toàn đồng nhất, bổ sung cho nhau. Tôi không thể tưởng tượng nổi nền hội họa của thế giới sẽ khiếm khuyết thế nào nếu không có những tài năng như O’Keeffe. Tôi thực sự khâm phục những người như O’Keeffe, và tôi khao khát được như bà, cả trong quá khứ lẫn hiện tại.

Tôi lại nghĩ về những giấc mộng của mình và một cảm giác lạ xâm chiếm tâm hồn tôi. Chưa bao giờ tôi thấy mình tỉnh táo như lúc này. Tôi nhận ra rằng, chỉ duy nhất tôi, một mình tôi mới có đủ sức mạnh để làm thay đổi cuộc đời mình.

Ánh bình minh lúc này đã vượt qua đỉnh núi ven biển và lan tỏa khắp nơi. Tôi leo xuống những bậc thang yếu ớt và hướng về phía biển. Một cách vô thức, tôi bước về nơi đã nhìn thấy người phụ nữ vùng vẫy trong những cơn sóng to đêm hôm trước. Đầu dây thừng thừa ra vẫn còn đó. Tôi nhìn thấy nó trong sóng biển, trôi lấp lửng và thu hút người ta một cách lạ kỳ. Tôi cảm thấy như mình có thể hành động ngay, nắm chặt đầu dây và giật mạnh. Nhưng tôi lại đi qua.

Chương 7: VIÊN ĐÁ LẠ THƯỜNG



Tôi tiếp tục đi dọc theo bờ biển, chợt thấy xa xa thấp thoáng bóng dáng của một phụ nữ cúi gập người như đang làm một việc gì đó. Khi thấy tôi bước đến gần, người phụ nữ dừng tay, ngẩng lên và chào bằng một nụ cười thân thiện.

– Cô đang tìm gì vậy? – Tôi hỏi.

– Tôi tìm những viên đá có khe hở bên trong. – Và như để minh họa cho lời nói của mình, cô đưa tôi xem viên đá vừa tìm được. – Tôi có một kệ chứa đầy những viên như thế ở nhà. Việc sưu tập những viên đá có một cái lỗ ngay tâm sẽ giúp người ta tránh được những ý nghĩ tiêu cực, bị quan trọng trong cuộc sống thường nhật.

– Cô tin thế thật chứ? – Tôi lại hỏi.

– Vâng, tôi nghĩ vậy. – Cô hết nhìn tôi lại nhìn về phía khơi xa.

– Dường như cô đang rơi vào tâm trạng như thế phải không? – Tôi cúi xuống vốc một ít cát trên tay và nhẹ nhàng thả xuống lưới sòng đang chuẩn bị liếm vào bờ cát.

– Gần như thế. – Cô quay sang nhìn tôi.

Tôi mỉm cười với cô rồi cả hai chúng tôi cùng cười. Thế nhưng trong tiếng cười của cô, tôi nhận thấy sự nghiêm túc. Với cô, những viên đá không đơn thuần chỉ là sở thích, một trò giải trí nhất thời trên biển. Tôi hiểu cô đã đặt nhiều niềm tin vào những viên đá có lỗ rỗng ở tâm này. Nếu không cô sẽ chẳng dành hẳn một cái kệ trong nhà chỉ để gìn giữ chúng như vậy.

Chào tạm biệt người phụ nữ ấy, tôi tiếp tục bước đi trong những suy nghĩ miên man về bản thân mình. Nghĩ đến những điều cô vừa nói, tôi chợt cảm thấy hình như đôi lúc mình cũng có những ý nghĩ chán chường, bức bối tương tự. Mỗi khi đêm xuống, chúng lại xuất hiện trong những giấc mơ của tôi; và đè nặng trên vai tôi những buổi sớm mai.

Một trong những vấn đề thường khiến tôi lo lắng đó là vấn đề tài chính. Số tiền ít ỏi mà tôi tích lũy được trước đây đang cạn dần. Mặc dù vậy, điều đó vẫn không khiến tôi bận tâm đến việc kiểm tra cuốn séc của mình hàng ngày. Tôi đang chờ đợi một thông báo từ ngân hàng rằng tài khoản của tôi đã bị đóng vì số tiền rút đã vượt quá số tiền có trong tài khoản. Tôi lại nghĩ đến việc mình bị bệnh. Tôi không có bảo hiểm sức khỏe, không có phiếu khám chữa bệnh miễn phí, không có tiền hưu, cũng chẳng có những lợi ích mà một người đang làm việc có. Hiện tại tôi là một kẻ không có gì và cũng chẳng biết cuộc sống của mình rồi sẽ ra sao.

Tôi thấy mình thật đơn độc trên bờ biển này. Tôi muốn tìm một liều thuốc hóa giải nỗi cô đơn, một liều thuốc trấn an, một loại bùa chú có thể giúp tôi xua tan mọi nỗi lo lắng. Dưới ánh mặt trời lấp lánh, tôi phát hiện một viên đá bị khoét lỗ, bị vùi quá nửa trong cát. Tôi nhặt lên và lặn nó tới lui trong lòng bàn tay. Tuy vậy, dường như nó quá nhỏ và chẳng thể xua tan nỗi đau đang lớn dần lên trong tim tôi theo thời gian. Tôi ước mình có được một viên đá thật lớn, với một lỗ lõm thật sâu để có thể ôm trọn những khoảng trống đang trào dâng trong tâm hồn mình.

Tôi bước về phía tảng đá lớn có một chỗ lõm trũng xuống ngay chính giữa, có lẽ nó bị khoét bởi những đợt sóng vỗ bờ không ngừng. Tảng đá cao gấp đôi tôi, nằm sát mép nước, quay mặt về con dốc đổ ra biển. Tôi trèo lên tảng đá và ngồi trên một cái gờ chắc chắn, nhìn những con sóng lớn đập mạnh vào những bãi đá ngầm ngoài khơi, bắn những bọt nước tung tóe lên không trung.

Tôi ngồi đó tựa như một thiền sư đắc đạo với chiếc lưng thật thẳng, hít thật sâu và nhè nhẹ

thở ra để cảm nhận sự tĩnh lặng trong tâm hồn. Tôi lắng nghe tiếng nói của chính mình hòa cùng nhịp điệu của những con sóng vỗ rì rào. Đầu óc dần được thả lỏng, tôi bắt đầu cảm nhận được sự hòa hợp giữa mình và biển, một sự hòa hợp linh thiêng.

Tôi cố tập nhịp thở của mình đều theo nhịp của từng con sóng, khi tôi hít vào là lúc sóng đánh vào, và khi tôi thở ra cũng là lúc sóng chạy ra ngoài khơi xa. Ngồi yên lặng trong cái lỗ hõm của tảng đá, tôi lắng nghe sự đồng điệu giữa hơi thở mình và từng nhịp sóng vỗ bờ. Cả hai đều là khởi nguồn của sự sống. Tôi hít thở nghĩa là tôi đang sống, cũng như vậy, sóng vỗ bờ biểu hiện của sự sống trong lòng đại dương. Chưa bao giờ tôi có ý niệm rõ ràng về tầm quan trọng của hơi thở như lúc này. Nó giúp tôi hiểu rõ hơn về sự tồn tại của mình cũng như giúp tôi xác định chính xác đâu là vị trí của tôi trong thế giới ồn ào và nhộn nhịp này.

Tôi lẩm nhẩm đọc thần chú của riêng mình – câu thần chú với một chữ wiinnnd chạy khắp tâm trí tôi với cường độ cao. Tôi nói wiinnnd khi tôi hít vào, wiinnnd khi thở ra, và sau đó tôi bắt đầu lại lần nữa, cố gắng tập trung tất cả mọi sự chú ý của mình vào hơi thở, vào gió, và vào sóng biển. Tôi tự nhủ rằng nếu tôi có thể hít vào thở ra mười lần, và cả mười lần đó đều ngâm nga câu thần chú của mình, tôi sẽ đuổi được những ý nghĩ bi quan, tiêu cực trong đầu.

Dường như việc đó quá dễ dàng. Vậy nhưng dù đã cố gắng hết sức, tôi vẫn không thể làm chủ được cảm giác phiền muộn đang chi phối mình. Tôi cảm giác dường như mình càng lúc càng đi vào bế tắc, không tìm được sự đồng điệu giữa hơi thở của mình với nhịp điệu của thế giới. Lần đếm cuối cùng, tôi đã đánh mất sự trùng khớp giữa nhịp thở và đọc thần chú, và những ý nghĩ tiêu cực lại trở về phủ lấp những khoảng trống trong tâm hồn tôi.

Tiền bạc, sự bất an, sự cô đơn, và tất cả những gì xấu xa nhất của cuộc đời tập hợp thành một khối đen khổng lồ ám ảnh tôi cả ngày lẫn đêm. Tôi thấy mình thật ngớ ngẩn khi nghĩ rằng nếu ngồi giữa khe nứt trong tâm của một tảng đá, đếm và đọc thần chú là có thể xua tan tất cả.

Tôi muốn đứng dậy và tiếp tục cuộc dạo chơi của mình, nhưng rồi một giọng nói từ bên trong vang lên giữ tôi lại. Tôi ngồi lại bên trong tảng đá hình ovan, lắng nghe âm thanh từ biển vọng về và không cố kiểm soát nhịp thở của mình nữa. Tôi để cho tâm hồn mình tự do lấp đầy bằng những ý nghĩ. Vũ trụ có vô vàn những triết lý sống, vì vậy tôi sẽ thoải mái tiếp thu bất cứ điều gì có thể giúp mình thoát khỏi những lo nghĩ lẫn lộn đang tồn tại và bước đi trên con đường tràn ngập ánh sáng.

Cũng như tất cả mọi người, tôi không thể thoát khỏi những nghịch cảnh mà loài người phải đối mặt. Tựa như cơn gió vô hình, những hiểm họa đến với con người bất chấp biên giới quốc gia, lục địa. Những kẻ chuyên quyền có thể sẽ có cách loại bỏ những yếu tố khiến họ lo sợ, nhưng không có hàng rào nào đủ cao và rộng để cản trở, dù chỉ là một cơn gió nhẹ.

Sự thông thái của thiền sư – nhà thơ Thích Nhất Hạnh⁽¹⁾ từng đến với tôi như một cơn gió như vậy, và tôi đã giấu kín nó trong một khoảng lặng nào đó của tâm hồn mình. Và thật kỳ lạ, hầu hết những gì được chôn kín trong quá khứ lại tìm về với tôi ngay thời điểm tôi cần nó nhất. Trong cuốn sách *The Miracle of Mindfulness* (Điều kỳ diệu của sự quan tâm), thiền sư Thích Nhất Hạnh viết: *“Người đời thường xem đi trên nước hay trong không khí là một điều kỳ diệu. Nhưng tôi nghĩ điều kỳ diệu thật sự không phải là đi trên nước hay trong không khí mà chính là đi trên mặt đất”*. Thật kỳ lạ, lúc này, những câu nói của ông hiện hữu trong tâm trí tôi một cách rõ ràng, tựa như tôi đã để dành cho thời khắc đặc biệt này vậy.

Đối với một người sùng đạo, có thể lý lẽ của thiền sư sẽ bị phản đối kịch liệt, thậm chí họ có thể cho rằng ông đang xúc phạm đến thần thánh. Tuy vậy, đối với tôi, câu nói này đúng cho tất cả chúng ta – những người đang sống trên trái đất này. Tôi tưởng tượng cách thức di chuyển của các vị thánh thần, nhà tiên tri, nhà thơ... Họ cũng là những cá thể bước đi trên mặt đất nhưng lại khác biệt hoàn toàn với những con người bình thường bởi tài năng và sự siêu phàm của họ. Có thể thấy, Newton, Mojart, Gandhi, Tolstoy, Thoreau... tất cả đều di chuyển bằng những bước chân trên mặt đất.

Tôi thực sự không thể giải thích được điều gì đã tạo nên sự khác biệt giữa người bình thường

và những con người đó. Có lẽ họ biết cách “lắng” giữa sự ồn ào, náo nhiệt của cuộc sống để lắng nghe giọng nói bên trong họ, chỉ dẫn cho họ biết mình cần làm gì và đi đến đâu. Họ chú tâm vào nó, tuân theo mệnh lệnh của nó. Khi làm như vậy, tiếng nói này càng trở nên mạnh mẽ và cuối cùng, nó trở thành âm thanh duy nhất mà họ lắng nghe.

Không phải ai sinh ra cũng có thể trở thành thần thánh hay thiên tài. Nhưng có một điều không thể phủ nhận là tất cả chúng ta sinh ra đều có một tiếng nói nội tâm riêng. Chúng ta thường chẳng mấy may quan tâm đến những lời nói ấy chỉ trừ khi chúng ta vấp phải một bất trắc nào đó trong cuộc sống. Tiếng nói ấy không đến từ một đẳng tối cao nào trên trời mà đến từ đẳng tối cao trong tâm hồn chúng ta. Triết gia – nhà thơ Henri Bergson⁽²⁾, tác giả cuốn *Creative Evolution* (Sự tiến hóa sáng tạo), đã gọi đó là những rung động thiết yếu, là những tia sáng kỳ diệu ẩn chứa một sức mạnh bí ẩn giúp chúng ta vượt qua mọi trở ngại và tiếp tục cuộc sống.

Tôi tìm thấy trong những tác phẩm của Bergson và thiền sư Nhất Hạnh điểm giao thoa giữa hai nền văn hóa Đông - Tây. Khi chúng ta bước đi trên mặt đất với một sự chú tâm nhất định, nghĩa là khi đó, chúng ta đang rất tỉnh táo và hoàn toàn làm chủ bản thân mình. Khi ấy, chúng ta bắt đầu bước vào một mức tiến hóa cao hơn, một trạng thái cao hơn mà ta chưa từng biết đến.

Việc bước đi trên mặt đất với sự tập trung cao độ là chỉ dẫn duy nhất giúp nhân loại thoát khỏi vũng lầy của sự thù địch và giết chóc đang từng bước hủy diệt chính chúng ta. Thoạt nghe, có thể nhiều người cho rằng nó tựa như một điều kỳ diệu hoang đường, tuy vậy, nó là một nỗ lực cho thấy con người đã tiến lên một tầm hiểu biết mới – nơi chiến tranh bạo tàn sẽ không còn tồn tại.

Tôi bắt đầu từ chính những bước chân trên mặt đất của mình. Tôi tin rằng trong những bước chân đó luôn ẩn chứa sức mạnh để tôi vươn đến tiến trình tiến hóa của lịch sử. Nếu hành động một mình, tôi nghĩ đó cũng không phải là vấn đề đáng ngại. Tuy vậy, nếu có sự hợp tác của một người nào đó, kết quả chắc chắn sẽ khả quan hơn. Nếu một trăm, một ngàn thậm chí là một triệu người cùng hưởng ứng, thì điều đó sẽ tốt hơn rất nhiều. Những hành động riêng lẻ sẽ tạo thành một sự thích ứng tập thể, và khi ấy, chúng ta sẽ trở thành những sinh vật ôn hòa, điềm đạm hơn hiện giờ.

Nhưng đó không là động lực chính tại thời điểm này của tôi. Tôi không cố gắng để cứu thế giới. Điều tôi làm đơn giản chỉ là xua tan những ý nghĩ tiêu cực trong đầu óc mình. Xét ở khía cạnh nào đó, hai mục tiêu trên cũng không phải là quá cách xa nhau. Cũng như vậy, con người cá nhân và con người chính trị, cái riêng và cái chung, ở một mức độ nào đó cũng chỉ là những tấm gương phản chiếu lẫn nhau.

Bắt đầu từ đâu - đó thực sự là điều khiến tôi phải suy nghĩ nhiều nhất. Tảng đá mà tôi đang ngồi ướt lạnh, và tôi cũng vậy. Nhưng nếu tôi rời khỏi đây bây giờ, tôi biết mình sẽ bị những suy nghĩ rối rắm, hỗn độn trong đầu mình bủa vây và hạ gục. Việc ngồi trầm lặng trên tảng đá kỳ lạ này có tác dụng như một bộ áo giáp bảo vệ tôi khỏi sự tấn công dữ dội đó, nhưng đồng thời nó cũng sẽ kéo ghì tôi xuống.

Nhiều người cho rằng, việc bị người khác ghét bỏ chính là sự nguyên rủa của thế giới hiện đại, đó cũng chính là nguyên nhân khiến người ta quay trở về với thời nguyên thủy sơ khai. Thay vì chấp nhận cuộc sống như nó vốn có, chúng ta cố gắng xây dựng những tòa nhà bê tông, tạo ra những chiếc xe hơi bằng sắt và khoan sâu vào lòng đất để tìm nguồn nhiên liệu. Chúng ta thu lợi bằng cách phát triển nền công nghiệp hiện đại. Hậu quả là chúng ta ngày càng bị ảnh hưởng bởi lối sống tiện nghi, đánh mất dần môi trường sống tự nhiên như thuở nguyên sơ.

Không có loài sinh vật nào có thể tách biệt khỏi môi trường sống tự nhiên như con người chúng ta. Và khi bắt đầu tách biệt với môi trường cũng là lúc chúng ta khơi mào cho một cuộc chiến chống lại bản thân mình. Chúng ta sẽ trở nên thờ ơ với tất cả mọi thứ xung quanh. Lúc đó, chúng ta tồn tại với trái tim vô cảm, đôi mắt vô hồn và một đôi tai không biết lắng nghe.

Sau cuộc trò chuyện với người phụ nữ ở bờ biển, cũng như cô ấy, tôi đi tìm nhặt những viên đá có lỗ hổng ở giữa để đi tìm sự bình yên cho tâm hồn. Nhưng thay vì cảm nhận sự tĩnh lặng khi ngồi vào tảng đá lớn có lỗ hổng ngay tâm, tâm trạng của tôi càng lúc càng nổi sóng. Quả thật, không phải lúc nào sự suy ngẫm cũng có thể khiến tâm hồn con người trở nên bình yên. Không những vậy, nó còn khuấy động các giác quan và khiến người ta cảm thấy tỉnh táo hơn cả lúc vừa ngủ dậy.

Tôi rời khỏi tảng đá khi nghe tiếng trò chuyện cười đùa của một gia đình. Những đứa trẻ đang vui vẻ chơi đùa trên cát trong khi người lớn đang túm tụm nói chuyện quanh lò than. Tôi có thể nghe thấy mùi khói than và mùi thịt nướng. Những đứa trẻ vẫn tiếp tục rượt đuổi nhau trong khi bố mẹ chúng đang chuẩn bị thức ăn.

Tôi tự hỏi tại sao ngày càng có nhiều người chọn bãi biển làm nơi thư giãn, nghỉ ngơi. Phải chăng khi tìm đến với biển, chạm vào cát và được nghe tiếng sóng rì rào vỗ, những ý nghĩ tiêu cực biến mất và cảm giác yên bình lại trở về với tâm hồn họ?

Tôi đi thong thả trên cát, bỗng dưng hiểu rằng vũ trụ không phải chỉ là một nơi đầy rẫy những thù hận, nghịch lý như mình từng nghĩ. Tôi còn nhớ thiền sư Nhất Hạnh đã viết: *“Chúng ta thường tỏ ra vội vã để làm xong được nhiều thứ, nhưng lại không biết cách duy trì sự trân trọng trong chính những công việc mình làm”*. Những gì mà tôi cần bây giờ là đắm mình vào cuộc sống hiện tại, trân trọng những thời khắc sắp diễn ra - thời khắc mà tôi đang sống cũng như những công việc mà tôi muốn làm ở vùng biển này.

Tôi cúi xuống nhặt một mảnh vỏ sò bị vùi trong cát quá nửa và sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời. Mân mê mảnh sò trong tay, tôi cảm nhận những thông điệp của nó qua đầu ngón tay tựa như một người mù đang đọc chữ viết braille.

Chương 8: SỰ CAN THIỆP THÔ BẠO

Mỗi tặng vật mang đến một niềm vui

Như cảm xúc hiền hòa còn trong ta mãi mãi

Và bình yên cũng sẽ còn gửi lại

Những khuê phòng dệt giấc mộng dịu êm

Để hạnh phúc, tình yêu thành vĩnh cửu...

- John Keats

Tôi dậy từ rất sớm, không ăn sáng và đi thẳng ra biển, với quyết tâm tìm hiểu điều bí ẩn đã đeo đẳng tôi từ ngày đầu đặt chân đến vùng biển Miramar xinh đẹp này. Giờ thì tôi đã thấy nó, một cái an-ten parabol nhô lên giống như một cây nấm khổng lồ nhìn từ mũi đất. Tôi quyết định đi đến chỗ cây an-ten parabol ấy để tìm hiểu xem nó làm nhiệm vụ gì ở đó.

Tôi đã hỏi nhiều người dân quanh vùng về cây an-ten này và câu trả lời mà tôi nhận được luôn là ánh nhìn lạ lẫm và cái nhún vai không biết. Sự thờ ơ này của họ khiến tôi rất đỗi ngạc nhiên. Tôi tự hỏi tại sao cái an-ten cao sừng sững kia – một cột mốc nổi bật suốt dọc chiều dài bờ biển – lại không gây được sự tò mò của người dân địa phương.

Tôi đi ngang qua cảng, bước dọc theo con đường đất tiếp giáp với một con đường lát đá. Leo qua thêm một thành lan can nữa, tôi bước lên một con dốc nhỏ và đập vào mắt tôi là dòng chữ in đỏ chói trên một tấm biển:

CẢNH BÁO

Nơi lắp đặt ra-đa của không quân Hoa Kỳ Không được phép đi vào khu vực này nếu không có sự cho phép của chỉ huy phòng lắp đặt.

Khu 21, An ninh nội bộ 1950.

Bất kể lúc nào và bất cứ ai đang ở trong khu lắp đặt này đều phải chịu sự kiểm soát của đơn vị giám sát.

Tôi tiếp tục leo lên ngọn đồi cho đến khi gặp phải một hàng rào dây thép gai phía trên bao lấy khu lắp đặt, ngăn chặn mọi sự xâm nhập từ đất liền cũng như từ đường biển. Phía bên kia hàng rào, tôi trông thấy một cái đĩa rất lớn, hai cái an-ten nhỏ, cùng nhiều tòa nhà thấp. Bất thành linh, cánh cửa của một trong những tòa nhà ấy từ từ mở ra, một phụ nữ với thân hình khá vạm vỡ trong đồng phục kaki bước về phía tôi.

– Tôi giúp được gì cho ông không? – Cô hỏi vọng qua từ bên kia hàng rào.

– Không, tôi chỉ xem thôi. – Tôi mỉm cười với người phụ nữ chưa từng quen biết. Cô cũng mỉm cười chào tôi rồi quay lưng bước vào nhà.

– Nhưng cô ơi, có thể cho tôi biết nơi này là đâu không? – Tôi gọi với theo người phụ nữ khi cô chuẩn bị bước đi.

– Đây là đài ra-đa. Từ đây, chúng tôi có thể quan sát những tên lửa được phóng từ bộ phóng không quân Vandenberg.

– Bộ phóng không quân Vandenberg ư? Nó nằm ở cách đây những bốn trăm kilômét! – Tôi tròn mắt hỏi.

– Đúng vậy. – Người phụ nữ vui vẻ cho tôi biết.

– Những tên lửa rơi xuống ở đâu? – Tôi tiếp tục hỏi.

– Ngoài khơi Thái Bình Dương, gần một đảo san hô. Và bây giờ tôi rất tiếc phải thông báo với

ông rằng ông đang đi trên tài sản của lực lượng không quân. – Người phụ nữ nói với một thái độ nửa đùa nửa nghiêm túc.

Tôi muốn hỏi thêm vài câu nữa, nhưng thái độ của cô như ngầm thông báo rằng cuộc trò chuyện giữa chúng tôi đã đến lúc chấm dứt.

– Tôi thành thật xin lỗi, tôi không cố ý. – Tôi mỉm cười một cách ngượng ngùng chào người phụ nữ và quay người bước đi.

Khi tiếp tục chuyển đạo chơi của mình, bất chợt tôi trông thấy hai tay lướt sóng đang cách mình khoảng năm mươi mét về bên phải, đang đi men theo bờ gần khu lấp đất. Trong bộ quần áo ướt sũng, họ nặng nhọc bước về phía mũi đất, kéo theo những tấm ván trượt phía sau và biến mất trên triền dốc. Tôi bước theo dấu chân của họ, cuối cùng dừng lại trên đỉnh dốc một lúc và đảo mắt nhìn khắp vùng biển đầy những đá bên dưới.

Tôi lặng người ngắm vẻ đẹp của một bãi biển lung linh hiện ra dưới chân dốc. Có thể nói, đây là bãi biển đẹp nhất ở Miramar, cũng như đẹp nhất trong tất cả những nơi mà tôi có dịp đặt chân đến.

Khi đến đó, tôi nhận ra mình đang ở một vùng đất hoàn toàn tách biệt với những vùng đất khác. Có lẽ đây là vùng đất chưa bị con người khai phá và người ta đã tìm thấy nó khi đang nỗ lực tìm kiếm một thứ gì khác. Về hướng Bắc, một mỏm đất gồ ghề nhô ra biển. Ở hướng Nam, những con sứa tử biển đang phơi mình trên những tảng đá bị nung nóng dưới ánh mặt trời gay gắt. Phía sau tôi là một vách đá dựng đứng bị mài mòn vì những con sóng biển. Và ngoài khơi xa, những tay lướt ván đang nhẹ nhàng lướt trên những đợt sóng nhấp nhô.

Tôi nằm dài trên cát, hai tay đan võng dưới đầu ngược nhìn bầu trời xanh thẳm. Nhưng những gì tôi trông thấy được lại là các cột an-ten của ra-đa đang rủ bóng xuống cát trong ánh nắng chói chang. Từ phía dưới, tôi có thể nhìn thấy toàn bộ giá đỡ giúp nó đứng vững trên mũi đất và một cái đĩa hình lòng chảo rộng thênh đang chĩa thẳng lên trời.

Nếu là một họa sĩ vẽ phong cảnh, tôi sẽ tạo nên bức tranh tuyệt đẹp nhìn từ góc độ này. Tôi sẽ vẽ những con sóng lớn, những tay lướt sóng cừ khôi, những chú sứa tử biển trên đá, và tất nhiên là cả chiếc an-ten cao vút trên bờ dốc kia. Tôi sẽ vẽ bức tranh này chân thật như những gì mình trông thấy và chiếc an-ten kia sẽ trở thành điểm nhấn trong bức tranh phong cảnh về vùng đất bị cô lập này.

Bất chợt một sự giận dữ trào dâng trong tôi khi nhớ về ngôi nhà có bóng cây che trên con đường quê đầy gió của mình ngày xưa. Hôm đó tôi đang ngồi bên cạnh cái máy đánh chữ, băng quơ nhìn rừng sồi non bên ngoài ô cửa sổ. Bất chợt từ đâu đó xuất hiện một tốp những người thợ điện kéo vào nhà tôi trên một chiếc xe tải.

Không một lời giải thích nào, họ khoan ngay một lỗ trước mép sân nhà tôi. Tôi hỏi người đốc công tại sao họ lại làm như vậy. Lúc này ông mới quay lại giải thích rằng ông sắp đặt một cái cọc đỡ những sợi dây cáp căng ngang qua.

– Ông không thể làm vậy. – Tôi nói với vẻ giận dữ. – Tôi không muốn nhìn thấy bất cứ một cái cọc xấu xí nào trước nhà tôi cả. Ông hiểu không?

Người quản đốc xua tay và nở một nụ cười đầy hàm ý:

– Lúc đầu người nào cũng nói vậy, nhưng rồi sau một thời gian, họ thậm chí còn không nhận thấy sự tồn tại của nó nữa ấy chứ.

Bấy giờ và mãi mãi về sau tôi cũng không thể quên được những lời đó.

Tôi lại nghĩ đến những người chỉ huy lực lượng Không quân khi tiến hành xây đài ra-đa trên mũi đất này. Có lẽ họ đã thật sự hiểu được ý nghĩa của câu nói đó. Khi tiến hành xây dựng những cột an-ten này, có thể họ cũng gặp phải sự chống đối dữ dội của những người dân trong vùng vì nó làm ảnh hưởng đến mỹ quan bờ biển.

Dù vậy, họ hiểu rằng đến một lúc nào đó, những kiến trúc này sẽ trở thành một phần của cảnh quan nơi đây, thuộc về nơi đây và như đã ở đó từ thuở khai sơn lập địa.

Tôi hiểu tâm trạng trên của nhiều người vì tôi đã trải qua nó nhiều lần. Cách đây vài tháng, trên xa lộ Coast bỗng xuất hiện một biển báo thô kệch, xấu xí. Tôi đã nhiều lần viết thư phản đối lên chính quyền địa phương nhưng rốt cuộc cũng chẳng giải quyết được gì. Thậm chí tôi còn thấy khó chịu đến mức nhiều đêm muốn đến đó và âm thầm hạ nó xuống. Tôi cho rằng mọi hành động của mình lúc đó, dù hợp pháp hay không cũng thể hiện một sự công bằng. Thế nhưng, đúng như lời người quản đốc, nhiều tuần trôi qua, cái biển báo kia đã trở nên ít khó chịu hơn với tôi. Mỗi ngày tôi đều lái xe vượt qua tấm biển đó, và đến một hôm, khi đã đi được một đoạn đường khá xa, tôi nhận ra mình thậm chí không còn thấy nó ở đó nữa.

Và bây giờ, khi tôi ngồi trên bãi biển dưới cái bóng của chiếc an-ten, tôi tự hỏi về những gì mình đã trải qua. Tôi tin rằng mỗi người đều có một quyền hạn nhất định trong việc bảo vệ sự nguyên sơ của trái đất trước sự can thiệp thô bạo của chính con người chúng ta. Quả thật, mỗi lần nhượng bộ trước sự xấu xí cùng những sai lầm xung quanh, tôi đều có cảm giác như tôi vừa từ bỏ một phần quyền lực của mình từ lúc sinh ra, cũng như đã từ bỏ một phần tinh túy trong con người mình.

Tôi không phản đối quá trình can thiệp của con người vào tự nhiên. Tôi hiểu vai trò của sản xuất trong việc tạo ra hàng loạt của cải để giúp cuộc sống trở nên tiện nghi và thoải mái hơn. Tôi cũng luôn tôn trọng công việc của những nhà nghiên cứu cũng như của những kỹ sư. Với tư cách là một nhà báo, tôi từng theo dõi quá trình xây dựng những chiếc cầu, đập nước và đường cao tốc của họ. Tôi đã cảm nhận được sức nóng khủng khiếp mà những công nhân lò luyện kim phải chịu đựng; và tôi cũng đã viết về những siêu máy tính mà tôi dự đoán nó sẽ làm thay đổi cuộc sống của con người trong tương lai gần.

Nhưng tôi lại cho rằng, hầu như chúng ta chưa dự đoán hết tác động của việc đặt những sản phẩm kỹ thuật ở vị trí ưu tiên hơn so với vẻ đẹp nguyên sơ của một vùng đất. Dường như thờ ơ trước sự xấu xí đã trở thành căn bệnh chung của xã hội. Chúng ta không biết rằng, một khi chung sống với nó, chúng ta đã tự làm tổn thương bản thân và từng bước đánh mất chính mình. Có thể nói, chúng ta đã rất may mắn khi được Thượng đế ưu ái trao tặng khu vườn địa đàng này, vùng đất của những điều kỳ thú. Thế nhưng, một cách vô thức, chúng ta đang để nó vuột khỏi tầm tay mình.

Tôi tin khao khát hướng tới cái đẹp là đạo lý quan trọng nhất của con người chúng ta. Cái đẹp không hàm chứa sự bạo lực. Cũng như vậy, nó là liều thuốc hóa giải tất cả những phần nộ bị dồn nén trong cuộc sống. Chúng ta chỉ có thể lựa chọn – hoặc cái đẹp, hoặc sự bạo lực. Nếu chọn bạo lực, chúng ta đang tiến dần đến cái chết và sự tự hủy diệt bản thân. Ngược lại, nếu chọn cái đẹp, chúng ta sẽ tạo nên sự yên bình cho cuộc sống để được nhìn thấy nụ cười xinh xắn của trẻ thơ cũng như có được giấc ngủ tràn ngập những giấc mơ ngọt ngào.

Mặt trời chiếu thẳng đứng trên đài ra-đa, phản chiếu ánh kim loại xuống những tảng đá ven đó. Tôi có thể cảm nhận được sức nóng khủng khiếp mà nó lan tỏa trên mặt và tay. Tôi đưa tay kéo chiếc mũ xuống thấp một chút để không bị nó làm cho chói mắt. Khi thực hiện động tác đó, tôi phát hiện xung quanh mình đầy rẫy những vỏ bia. Tôi đếm được hơn ba mươi lon, nằm rải rác khắp nơi, một vài cái nằm trơ trên bãi cát, còn đa số bị vùi lưng chùng xuống cát. Đây là lần đầu tiên tôi thấy vỏ lon bia bị vứt trên một bờ biển hoang sơ và xinh đẹp nhiều đến vậy.

Cách đây khá lâu, tôi có dịp tham gia leo núi cùng một người bạn. Chúng tôi leo trên con đường Grinnell trong công viên quốc gia Glacier. Phong cảnh xung quanh rất đẹp, bên dưới trải dài mặt hồ xanh nhàn nhạt; phía trên là vách đá, vườn hoa, đập nước Continental. Nửa đường đi lên, bạn tôi nhìn thấy một vật gì đó màu trắng nhét trong một khe đá. Anh lấy nó ra bằng một que nhỏ và nhét vào cái túi bên trong chiếc ba lô đang đeo trên vai.

– Cái gì vậy? – Tôi tò mò hỏi.

– Một miếng giẻ rách của một kẻ đáng khinh! – Anh đáp với vẻ mặt bức bối. Tôi có thể hiểu

được cảm giác của bạn tôi lúc đó, vì bây giờ tôi cũng đang cảm thấy như vậy.

Quả thật, tôi cảm thấy tức giận trước ý thức kém cỏi của những kẻ đã gây ra cảnh tượng không đẹp này. Tôi tự hỏi tại sao họ lại có thể vô cảm đến như vậy? Tại sao họ lại mang những lon bia đến bãi biển xinh đẹp này và vứt bừa bãi ở đó, trong khi họ có thể dễ dàng ngồi trên một bệ đá trong thành phố để uống và có người dọn dẹp? Có lẽ họ đã bị vẻ đẹp của vùng biển này chinh phục. Thế nhưng khi đến đây, họ lại không có ý thức bảo vệ nó.

Khi bữa tiệc kết thúc, như những đứa trẻ tinh nghịch, lười biếng, họ vô tư xả rác! Có thể họ cho rằng việc hành xử khác đi sẽ trở thành mối ràng buộc thiêng liêng với đất, với biển, với tự nhiên – điều mà họ chẳng hề mong muốn. Thế nhưng, khi đối xử với biển như vậy, vô tình họ cũng đã thể hiện sự thiếu tôn trọng đối với chính bản thân mình. Không những vậy, những cái lon rỗng ngổn ngang dưới chân tôi còn là phát ngôn cho tính cách và thái độ sống của những người đã đem nó đến đây.

Tôi biết một người đàn ông thường hay giấu cọt sở thích đi dạo biển vào lúc mặt trời lặn để ngắm hoàng hôn của vợ mình. “Phụ nữ thích hoàng hôn nhì” – anh vẫn thường trêu vợ mình như thế. Tôi biết anh ấy muốn thể hiện cho vợ thấy mình là người có suy nghĩ thực tế, không thuộc tuýp người mơ mộng, lãng mạn như cô ấy.

Thật ra, mong muốn này của anh cũng chẳng có gì sai trái. Tuy vậy, nó khiến tôi nghĩ rằng anh đang cố tạo ra một vỏ bọc an toàn giữa anh và những gì anh cảm nhận được. Anh không dám thừa nhận cảm giác của bản thân cũng như dành những khoảnh khắc hiếm hoi trong cuộc sống để sống thật với con người mình.

Tôi có thể cảm nhận được sự khác nhau giữa những người cho rằng mình vô cảm với cảnh hoàng hôn và những ai đi đến bờ biển xinh đẹp này và vứt đầy những lon bia lên đó. Một điều dễ thấy là cả hai đều bị hấp dẫn bởi vẻ đẹp của thiên nhiên nhưng đều không dám thừa nhận cảm giác của mình vì sợ phá hỏng hình tượng mạnh mẽ đã cố công tạo dựng. Trong suy nghĩ của họ, người có phong cách và cá tính mạnh mẽ sẽ được mọi người xung quanh nể phục.

Tôi cho rằng sở dĩ nhiều người trong chúng ta trở nên hung hãn, cuồng nộ chỉ vì họ không có cơ hội để chiêm ngưỡng và tìm hiểu vẻ đẹp của thiên nhiên. Chính sự thiếu vắng này đã để lại những thương tổn về mặt tinh thần và tình cảm của họ, khiến họ trở thành những con người như vậy.

Suy nghĩ này gợi tôi nhớ đến những kỷ niệm êm đẹp thời thơ ấu khi được sống cùng ông bà ở vùng biển Manhattan - nơi có những vườn hoa thược dược, những cây dâu tằm, và bãi biển xanh ngắt. Khi về sống với bố mẹ bên bờ phía Tây của New York, tôi thấy nhớ Manhattan da diết. Ước muốn thoát khỏi nhịp sống ồn ào cùng những con đường cứng nhắc của thành phố hiện đại này đã chiếm lấy suy nghĩ của tôi và trở thành nguyên nhân chính dẫn đến sự rạn nứt tình cảm giữa tôi và bố mẹ. Sau những lần thuyết phục không đạt kết quả, cuối cùng tôi chuyển về sống với ông bà còn bố mẹ vẫn ở lại trong căn hộ chung cư ở New York – một sự sắp xếp hợp lý cho cả đôi bên.

Nghề của bố tôi là vẽ thiết kế cho những cửa hàng bách hóa, các công ty quảng cáo, và tạp chí. Ông chọn ở lại thành phố vì muốn gần gũi với các khách hàng của mình. Những khi rỗi rảnh, ông lại tìm về chính mình bằng những nét cọ trên khung tranh. Ông vẽ những cây bu-lô trắng và những bờ đá của vùng biển Maine. Ông vẽ một người đàn bà da đỏ đeo một cái túi đựng con, cả hai quần trong một cái khăn choàng màu đỏ. Ông vẽ những bến cảng, một vài chiếc thuyền có cánh buồm tam giác băng ngang biển Á-rập. Ông vẽ về cả những nơi ông chưa một lần đặt chân đến.

Dù tất cả những bức tranh của bố tôi đã tan thành tro trong một trận cháy nhà cách đây nhiều năm, tuy vậy chúng vẫn hằn sâu trong ký ức của tôi một cách sống động. Và hơn bao giờ hết, lúc này tôi hiểu rằng chúng đã trở thành một phần quan trọng trong đời sống tinh thần của bố tôi. Và nếu được gặp bố lúc này, tôi sẽ hỏi ông câu hỏi đã ám ảnh tôi suốt nhiều năm về con người ông. Tôi sẽ hỏi: *“Tại sao trong những bức tranh của bố không hề có sự hiện diện của*

những tòa cao ốc, những con đường lát đá thẳng tắp và sạch sẽ của thành phố nhận nhíp đó? Phải chăng trái tim bố không thuộc về nơi bố sinh sống?”

Tôi chờ để nghe câu trả lời, nhưng đáp lại tôi chỉ là tiếng vọng của biển cả bao la.

Tôi nhìn về phía đài ra-đa trong màn sương mù dày đặc bao phủ. Đến khi sương tan, cái anten bỗng dung biến mất. Cái đĩa lớn, ngửa mặt lên trời, đã quay quanh trục của nó và hiện đang ở vị trí nghiêng so với mặt biển. Tôi nghĩ nó đã đổi vị trí để có thể theo dõi những tên lửa vừa được phóng lên.

Không hiểu sao tự dưng lòng tôi trào dâng một cảm giác buồn bã đến lạ. Tôi muốn tìm một ai đó để nói chuyện nhưng xung quanh chẳng có gì ngoài những cơn sóng đua nhau đánh vào vách đá. Trong nỗi thất vọng khôn cùng, tôi đành tưởng tượng ra cuộc trò chuyện với người bảo vệ tại đài ra-đa.

– Vì sao cô lại chọn làm ở đây mà không phải ở một nơi nào khác?

– Tôi thích công việc theo dõi những tên lửa, đó là lý do tôi có mặt ở đây.

– Nhưng tại sao?

– Để bảo vệ chúng ta và chống lại kẻ thù. Đó là công việc mà chúng tôi phải làm.

– Nhưng kẻ thù của cô không phải kẻ thù của tôi. Kẻ thù của tôi là những ai muốn bảo vệ tôi bằng cách phá hủy những thứ tôi thích.

– Nếu ông không bảo vệ những gì thuộc về ông, một ngày nào đó nó sẽ bị cướp bởi những người mạnh hơn ông.

– Không, cô không hiểu tôi rồi. Ý tôi muốn nói là chúng ta không thể kết thúc sự thù địch của con người bằng việc đặt một cái ăng-ten lên một mũi đất xinh đẹp như thế này. Chúng ta không thể tạo ra một thế giới hòa bình bằng việc chế tạo những tên lửa xuyên đại dương. Cách duy nhất có thể làm cho thế giới hòa bình là hãy gieo cái đẹp đến khắp mọi nơi – cái đẹp của nghệ thuật, của tự nhiên – để mọi người cùng yêu thích và chiêm ngưỡng. Mỗi lần xóa đi một phần cái đẹp của thế giới, chẳng hạn như việc lắp đặt cái ăng-ten thô kệch này ở đây, đồng nghĩa với việc chúng ta đang thu nhỏ chính mình.

Tôi muốn thét lên cho người phụ nữ đó hiểu rằng, những việc cô đang làm thực sự chỉ góp phần giết chết cái đẹp, và bạo lực, tên lửa chính là khởi nguồn của các cuộc chiến tranh. Tuy vậy tôi đã không làm được điều này. Cổ họng tôi ứ nghẹn lại, và trước mặt tôi cũng chẳng có người nào.

Chương 9: NGƯỜI CÂU CÁ TRÊN ĐẦU NGON SÓNG

Gió đã chuyển sang thổi từ hướng Nam, một làn sương mù mỏng manh thổi từ biển vào bờ se se lạnh. Trước mắt tôi là một bãi biển hoang tàn, vắng vẻ tựa như đã bị bỏ quên từ rất lâu. Quang cảnh ấy khiến tôi liên tưởng đến cảnh con người chạy trốn lên những miền đất cao hơn vì sợ hãi một tai họa khủng khiếp nào đó mà biển có thể bất ngờ giáng xuống. Không biết vì sao, nhưng sáng hôm nay tôi cũng có một linh cảm không lành.

Nhìn bãi biển qua làn mưa phùn, tôi thấy một người câu cá đơn độc trên biển. Ông đội chiếc mũ rộng vành có che gáy của dân đi biển, mặc chiếc áo mưa màu vàng và đi một đôi ủng cao ôm gọn ống chiếc quần jeans. Hình ảnh ấy bất chợt đánh thức những ký ức đã ngủ quên trong tôi, vì có một thời tôi cũng đã là ngư dân. Bước ra ngoài làn mưa nhẹ, tôi đến trò chuyện cùng ông.

Người ngư phủ cho biết ông đã chín lần quăng câu trong buổi sáng này, và ông dự định quăng câu lần cuối cùng nữa trước khi thủy triều xuống. Đồ nghề của ông thật đơn giản: một cần câu bằng tre nhỏ có một cần cuộn nhẹ, mỗi câu là những con trùn cát. Bắt thành linh, dây câu bị giật mạnh.

– Dính rồi! – Ông đứng phắt dậy hét lên thật to và nhanh chóng kéo chiếc cần lên.

Chiếc cần câu oằn xuống tưởng chừng sắp gãy, cuộn dây câu dường như cũng quá nhẹ so với con cá câu được – nếu thật sự đó là một con cá! Con cá này thật lạ, không vùng vẫy như con cá đuối hay cá sọc vằn. Có thể nó nằm rất sâu dưới nước, hoặc không chừng nó đã bị mắc vào một tảng đá ngầm. Có thể nó là một con cá tuyết rất to, nhưng cũng có thể là bẹ tảo lớn. Tôi suy đoán trong khi ông lão cố sức kéo chiếc cần câu lên khỏi mặt nước.

Ông cầm chiếc cần câu vào đụn cát rồi từng chút, từng chút một dùng sức kéo vật bị mắc câu lên. Tôi chăm chú theo dõi chiếc dây câu ở chỗ nó tiếp xúc với mặt biển, hy vọng đó là một con cá to, như thế sẽ thú vị hơn là một đám rong biển. Một cách chậm rãi và nặng nhọc, lão ngư phủ nắm lấy đầu chiếc dây câu kéo lên. Có lẽ cũng như tôi, ông cũng hồi hộp muốn biết cái gì bị mắc trong lưới câu. Cuối cùng, sự hồi hộp lẫn chờ đợi của cả hai chúng tôi đã được thỏa mãn.

Một con cá pecca🐟 nhỏ và một con cua đỏ bám vào cục chì được kéo lên khỏi mặt nước trong sự ngỡ ngàng của cả tôi và ông.

Dường như không thể tin vào mắt mình, ông lão quỳ xuống cát và chăm chú nhìn những thứ vừa dính câu. Nhẹ nhàng gỡ con cua ra và để nó bò trở về với biển cả, ông chỉ giữ con cá lại và quay sang tôi:

– Tôi đã sáu mươi lăm tuổi, và đã hơn năm mươi năm làm nghề này nhưng chưa có ngày nào như hôm nay. Năm ngoái tôi bị một cơn đau tim... – Nói đến đó đột nhiên ông dừng lại, dùng bàn tay vỗ nhẹ nhẹ lên ngực trái rồi nói tiếp – Trước đây, tôi ăn quá nhiều bò hầm, bắp cải, bí-tết và cả trứng nữa. Nhưng giờ tôi chỉ ăn những con cá do chính tôi câu được mà thôi!

Một cảm giác ấm áp nhẹ nhàng lan tỏa khắp người tôi. Tôi chào ông và tiếp tục đi dọc bãi biển. Ngoài khơi xa, những con bồ nông nâu đang nô đùa trên mặt sóng. Gần hơn, một con én biển bay lượn vòng cung trên đầu những con sóng và gần hơn nữa là một người thợ lặn vừa lặn xuống để lại những vòng tròn lăn tăn trên mặt nước. “Tất cả họ” đều là những người câu cá trên sóng nước và dùng sản vật của biển để tồn tại.

Một lần, khi còn làm việc ở Manhattan, tôi đã đến tiệm Abercrombie & Fitch trên đường Madison, một tiệm chuyên bán quần áo và dụng cụ thể thao sang trọng dành cho giới thượng lưu. Tôi lên tầng trên cùng, nơi chuyên bán dụng cụ đi câu để nhờ tư vấn:

– Tôi rất thích câu cá khi sóng triều lên. Ông nghĩ tôi nên mua những thứ gì?

Người bán hàng là một người đàn ông cao ráo, đang ngồi trên ghế ngược nhìn tôi với vẻ mặt khinh khỉnh:

– Câu cá ở bãi biển à? Sao ông lại thích làm cái công việc ngớ ngẩn đó nhỉ? Câu cá là nghề cho thu nhập kém nhất mà tôi được biết.

Không chờ người đàn ông đó nói thêm lời nào, tôi nhanh chóng bước ra khỏi cửa hàng và không bao giờ quay trở lại đó nữa.

Cuối cùng, tôi cũng tìm được những thứ mình cần trong một tiệm bán mồi và dụng cụ câu cá tồi tàn ở cầu cảng gần thành phố biển nơi tôi ở. Ông chủ tiệm già nua với bàn tay gầy guộc, xương xẩu lấy ra một nắm dây bằng sợi thủy tinh trên kệ gỗ đưa cho tôi xem rồi nói:

– Cái này dài ba mét, anh chỉ cần thế thôi! Một số thợ câu muốn những sợi dây dài sáu, bảy mét. Họ cho rằng phải quăng đến tận giữa biển mới bắt được cá cơ đấy. Nhưng tất cả những gì anh cần làm là quăng đúng đỉnh con sóng, đó chính là nơi những con cá trích, cá hồng... hay ăn. Anh hiểu ý tôi nói chứ?

Nói rồi ông chủ tiệm nhanh chóng gấn ròng rọc, cần quay, phao tiêu; còn tôi thì gấn cục chì, mồi câu... và đứng ngay trên thành cầu cảng để quăng thử. Chiếc cần đó có độ cong vừa phải, không mềm oặt mà cũng không cứng ngắt. Tôi nghĩ dường như nó được làm ra cho riêng tôi.

Tôi bắt đầu nghề câu cá của mình như thế, từ đồi cát dài ở bờ biển phía Nam của Long Island nhìn ra Đại Tây Dương. Từ tháng Chín đến tháng Mười Một hằng năm, vào mỗi sáng thứ Bảy, tôi cùng một người bạn tên là Bob Behn đi bộ trên dải đất nổi ra biển, dõi mắt nhìn tận chân trời để xem cái cách những con hải âu kiếm ăn và quyết định quăng câu ở khúc nào. Bob là người đầu tiên đi câu với tôi và nhiệt tình chỉ cho tôi những mẹo nhỏ để có những chuyến đi câu thắng lợi.

Lần đầu tiên đi câu, Bob đã bảo tôi:

– Quăng câu ba lần ở một điểm, nếu không bắt được con cá nào thì tiếp tục đi dọc bãi biển độ năm, mười bước nữa rồi lại quăng tiếp ba lần nữa. Cứ thế mà làm, chỉ đơn giản vậy thôi.

Và cả hai chúng tôi luôn thực hiện theo cách đó trong những lần đi câu tiếp theo, tuần này sang tuần khác, năm này qua năm nọ. Cứ mỗi độ thu về, Bob và tôi lại rủ nhau đi câu ở bãi câu thuộc bờ biển phía Nam. Tuần qua tuần, năm tiếp năm, chúng tôi cứ quăng câu rồi đi, quăng câu rồi lại đi... từ mờ sáng đến xế trưa. Và cũng ngần ấy thời gian chúng tôi chỉ đi về tay không, chẳng câu được một con cá nào!

Tuy nhiên, những chuyến đi câu đó với tôi không phải hoàn toàn vô bổ. Giữa những lần quăng câu, chúng tôi luôn có những cuộc trò chuyện rất thú vị. Bob và tôi hay ngồi tựa lưng nhau trên đụn cát, bình luận về những tác phẩm chúng tôi đã đọc, hay chia sẻ ý tưởng về những gì chúng tôi viết. Là một giáo viên dạy tiếng Anh nhưng Bob yêu văn chương bằng một tình yêu mãnh liệt. Bob đã tặng tôi một tập truyện ngắn, và một truyện trong tập truyện ngắn ấy đã để lại ấn tượng sâu đậm trong tâm trí tôi. Đó là truyện của Caroline Gordon – một câu chuyện đầy ám ảnh về ông già Maury. Ông Maury sống bằng nghề câu cá nước ngọt, mọi người trong gia đình ông kịch liệt phản đối điều đó, vì cho rằng cái nghề đó sẽ phá hỏng cuộc đời ông. Mọi lúc mọi nơi, họ đều thúc giục ông từ bỏ công việc ông yêu thích và tập trung vào kinh doanh một cái gì đó, nhưng ông vẫn kiên định giữ nếp sống quen thuộc của mình. Không thay đổi được ông, họ quay sang chì chiết và bỏ mặc ông chết dần trong sự héo mòn. Ngày qua ngày, ông vẫn cần mẫn vác chiếc cần câu đi khắp nơi, đôi khi chỉ câu được những con cá vược, cá tráp.

Mặc dù rất xúc động khi đọc truyện này nhưng khi Bob hỏi nhận xét của tôi, tôi thật sự không biết trả lời thế nào. Tôi thích đi câu nhưng chẳng bao giờ lý giải được tại sao mình lại thích nó như vậy. Tôi cũng tự hỏi tại sao ông Maury và nhiều người khác cũng thích đi câu cá?

– Có lẽ ông ấy bị ám ảnh với việc đi câu. – Tôi trả lời. – Hoặc đó là vì tác giả muốn viết như thế!

Bob giải thích:

– Thật ra, theo tôi, ông Maury đi câu cá là vì ông có một khát vọng muốn làm viên mãn cuộc

sống của mình. Dùng ruồi giả làm mồi câu là cả một nghệ thuật, đồng thời cũng là một cách giải trí của ông ấy. Không có cái gì là giả tạo trong thế giới của ông ấy cả. Ông giống như những con chim chơi chơi(**) thường kiếm ăn dọc bờ biển.

Chúng tìm mồi, nghỉ ngơi, bơi lội, tự do bay lượn mà không cần một khoảng thời gian nào để phục hồi.

Hôm ấy là một ngày vào giữa tháng Mười Một, gió Bắc thổi giạt từng cơn sau lưng, và chúng tôi biết rằng mình sẽ phải chờ đến mùa thu sang năm mới có thể trở lại câu cá trên những con sóng này. Chúng tôi ngồi câu lâu hơn thường lệ. Suốt buổi trưa rồi cả xế chiều, chúng tôi cứ quăng câu trên những đỉnh sóng và đi dọc bờ biển năm mươi bước, rồi lại quăng câu. Mỗi lần quăng câu, tôi lại nghĩ đến ông Maury và về những con cá mà ông câu được từ cái ao nhỏ xíu của mình. Trong khi đó, với một Đại Tây Dương mênh mông, rộng lớn ở dưới chân mà tôi lại chẳng hề câu được một chút gì.

Mặt trời xuống giữa lưng chừng trời và những tia nắng bắt đầu dịu hẳn, Bob quay sang tôi cười với vẻ chán nản:

– Một ngày trôi qua với cái túi rỗng không, vui nhỉ?!

Nói rồi anh thu xếp đồ đạc, bỏ tất cả vào cái túi vải, gỡ cục chì ra khỏi chiếc phao tiêu. Tôi ngược lên, nhìn anh và đề nghị:

– Thử vận may một lần nữa xem sao!

Tôi đứng dậy, tháo chiếc móc câu bằng sắt ra và thay vào đó một cái móc gỗ. Tôi không hiểu vì sao mình lại hành động như thế. Đó chẳng phải là kỹ năng đặc biệt hay trực giác gì. Tôi thậm chí còn không hiểu chiếc nút gỗ bập bênh này liệu có tốt hơn chiếc móc bằng kim loại sáng bóng kia không nữa. Dùng hết sức mình, tôi quăng dây câu thật cao vào một chỗ nước xoáy, và chiếc nút gỗ rơi xuống nhẹ như không. Gần như ngay lúc ấy, tôi cảm giác có một sự chuyển động nào đó ngay chỗ tôi vừa buông câu. Một con cá đã cắn câu, tôi hét lên thật to và giật mạnh chiếc cần vút lên khỏi mặt biển.

Bob nhảy cẫng trên bãi biển, anh bảo tôi phải giữ chiếc cần thẳng lên, nhử lên nhử xuống để con mồi vùng vẫy thêm chút nữa trong làn nước, rồi nhanh tay cuốn dây ròng rọc. Di chuyển chiếc cần chậm rồi nhanh, nhanh rồi chậm, tự dưng tôi có cảm giác mình đã vượt mất con cá. Thế nhưng cuối cùng, tôi và Bob cũng đã bắt được nó.

– Ôi trời, một con cá sọc. Nó lớn hơn tôi tưởng tượng! – Bob reo lên.

Khi tôi kéo được con cá lên, nó gần như muốn giằng đứt lưỡi câu ra, và giấy đành đập trên bãi cát ướt. Tôi và Bob đứng sững sờ nhìn con cá tội nghiệp đang cố hết sức thoát thân để trở về với biển cả. Chúng tôi đã đến từ đây nơi rất xa, ngày này qua tháng nọ, năm này qua năm kia để câu cá. Giờ đây, sau những nỗ lực rất lớn của cả hai và vào lần câu cuối cùng của đợt đi câu này, chúng tôi cũng đã câu được một con cá thật to. Thế nhưng nhìn con cá, cả hai chúng tôi đều không biết nên làm gì với nó. Bỗng một con sóng lớn vỗ tràn lên bãi cát, cuốn lấy con cá tội nghiệp trở lại với biển cả.

– Nó bơi mất rồi! – Bob nhìn tôi lắc lắc đầu.

– Ừ, thì nó đi rồi! – Tôi nhún vai, đáp một cách yếu ớt.

Chúng tôi vác cần câu lên vai, bước những bước chân nặng trĩu trở lại bờ và lạng lẽ lái xe đi về.

Mùa xuân năm đó Bob nhận lời đi dạy ở vùng Midwest. Trời vừa chớm vào hè anh đã thu dọn đồ đạc để chuẩn bị lên đường, còn tôi vẫn tiếp tục ở lại. Để có bạn đi câu, tôi mua thêm hai cây cần câu nhỏ hơn và rủ Jeff và Keith, hai cậu con trai của mình đi câu mỗi khi mùa cá đến. Mỗi câu của cha con tôi thường là mực, giun... Các con tôi tỏ ra rất có duyên với những chuyến đi câu này. Hầu như bao giờ chúng cũng câu được rất nhiều cá. Cả Jeff và Keith đều cảm thấy rất vui và tự hào rằng chúng câu cá giỏi hơn bố gấp nhiều lần. Thậm chí ngay khi lớn lên chúng vẫn

luôn tự hào về tài “săn” cá của mình.

Keith hay nói:

– Điều khác nhau giữa con và bố khi đi câu là bằng mọi giá con phải câu bằng được cá!

Keith vẫn thường đi câu ở Thái Bình Dương, phía Nam California và Baja, trên một chiếc thuyền cao tốc nhỏ có thể chở theo xe. Nó thường chuẩn bị đầy đủ các dụng cụ cần thiết, từ các loại cần, lưỡi câu cho đến mồi câu. Keith thường đi từ lúc mờ sáng, ngừng lại ở bãi câu rồi lái tàu ra tận khu giếng dầu cách bờ hàng chục kilômét. Nếu hôm nào không may mắn thì nó chuyển sang chơi những môn thể thao yêu thích khác. Tuy vậy, hầu như chiều nào Keith cũng câu được khá nhiều cá, có thể là cá ngừ, cá vược, cá nục heo, thậm chí là cá đuôi vàng.

Phải thừa nhận một điều rằng Keith rất nhạy trong việc xác định luồng cá, và cách câu của nó cũng rất khác tôi. Bên cạnh đó, lý do đến với biển của chúng tôi cũng hoàn toàn khác nhau. Keith đến với biển để câu cá, còn tôi không đơn thuần chỉ là câu cá mà dường như là để câu một “thứ gì đó” mà tôi không thể gọi thành tên. Nó có thể đang ẩn mình bên dưới đáy đại dương sâu thẳm kia, có thể đó là một vật mà tôi đã đánh mất từ lâu, chẳng hạn như một con dao nhíp, một mũi tên bằng mã não hay một chiếc găng tay chơi bóng chày đã sờn rách.

Ông ngoại tôi, Henry Isidore Lewis mà chúng tôi thường gọi tắt là Izzy, là một người câu cá tuyệt vời. Tôi vẫn còn giữ tấm hình của ông trong album ảnh gia đình. Trong bức ảnh, ông đứng trước phong màn đen, một tay cầm chiếc cần, tay kia xách một con cá vược vằn khổng lồ. Ông đội chiếc nón kéo ngược ra sau đầu, vài lọn tóc bạc lộ ra dưới vành nón, lòa xòa trên trán. Có lẽ ông muốn chụp tấm ảnh này để giữ lại cho con cháu đời sau.

Tôi nhớ có một lần ông đã dẫn tôi đi câu cùng ông ở chiếc cầu dành riêng cho người đi bộ trên vịnh Sheepshead. Ngày hôm ấy hầu như chúng tôi chẳng thu hoạch được gì, tuy vậy ông đã dạy tôi một bài về của dân câu mà đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ như in.

Khi gió bắc thổi, cá chẳng cần câu,

Gió đông về thì cá kém ăn,

Cá ăn tham lúc gió nam,

Gió tây về, cá ăn đầy bụng!

Tôi chẳng mấy quan tâm bài về này có đúng hay không vì dẫu sao nó cũng không phải là thứ mà tôi khao khát kiếm tìm.

Cách đây vài năm, một người di của tôi đưa cho tôi một bản sao giấy chứng tử của ông ngoại. Qua bản sao đó, tôi được biết ông ngoại mình sinh năm 1870 ở thành phố New York. Ngay lập tức tôi tìm kiếm những cuốn sách viết về lịch sử nước Mỹ với hy vọng hiểu thêm về giai đoạn mà ông đã sống. Tôi thật sự ngạc nhiên khi biết ông được sinh ra dưới thời Ulysses S. Grant⁽¹⁾. Đó là thời chưa có xe điện và cũng chưa xảy ra trận chiến ở Little Bighorn⁽²⁾. Bất chợt tôi cảm thấy hụt hẫng khi nghĩ đến tất cả những ký ức của ông đã bị chôn vùi cùng cái chết của ông, và mãi mãi sẽ bị rơi vào quên lãng. Lẽ ra tôi cần ghi chép lại những câu chuyện mà ông đã kể. Vậy mà buồn thay, tôi đã không làm điều đó.

Ông tôi có một số đồng tiền vàng rất đẹp.

Mỗi khi tôi đến chơi, ông đều lấy cho tôi xem và kể về xuất xứ của nó. Đó là những đồng tiền vàng được giữ lại từ thời kỳ ông cố tôi, là thời kỳ của những “cuộc đổ bộ đi tìm vàng” – Gold Rush – năm 1849. Những đồng tiền ấy đã biến mất từ rất lâu và thật sự giờ tôi cũng chẳng biết chúng đang lưu lạc ở đâu. Có lẽ đây chính là những thứ mà tôi đi câu để mong tìm lại được.

Vài năm trước đây, trong lúc đi du ngoạn xuống vùng Scottish Highlands, tôi đi thuyền dọc theo con kênh Caledonian để đến Loch Ness⁽³⁾. Tiết trời ở đây khá u ám và sương mù dày đặc che khuất tầm nhìn khiến tôi chẳng thể phân biệt được đâu là bờ, đâu là bến. Đứng một mình trên boong tàu, nhìn xuống làn nước đen ngòm, tôi tưởng tượng ra con quái vật nổi tiếng ở hồ

này đang ẩn mình lượn lờ dưới mặt nước, phù phép khiến tôi bị kẹt cứng tại chỗ, và con thuyền sẽ xoay từ từ theo con nước rồi chìm hẳn xuống đáy đại dương – nơi cư ngụ của loài quái vật gớm ghiếc kia. Thế nhưng thật may mắn là những suy tưởng của tôi đã không thành sự thật.

Sáng sớm hôm sau, tôi lên chuyến tàu sớm nhất đi Aberdeen, thế nhưng khát vọng được thấy con quái vật ở hồ Loch Ness vẫn cứ thôi thúc tôi quay lại nơi đó. Thậm chí giờ đây, khi đi trên bãi cát trải dài dọc bờ biển Miramar này, con quái vật huyền thoại ấy vẫn cứ còn ám ảnh tôi.

Con dao nhíp, mũi tên mã não, chiếc găng bóng chày rách nát, những đồng tiền vàng... tất cả đã từng ngụp lặn trong ký ức của tôi bấy giờ tụ hội lại và hòa vào nhau. Tất cả những mất mát trong quá khứ của tôi tưởng chừng đã chìm sâu và chôn vùi cùng với con quái vật của sông hồ, ao biển. Thế nhưng, nó lại là lý do tôi tìm đến với đại dương mênh mông, đến với những chiếc cần và dây câu.

Tuy chưa bao giờ trông thấy nhưng tôi tin rằng con thủy quái ấy không có một hình dạng nhất định nào. Nó chính là một phần của con người tôi. Và tôi muốn lôi nó lên khỏi mặt nước để đối diện trực tiếp với nó cũng như để nhìn thấy mình một cách trọn vẹn. Tuy vậy, tôi cũng biết đó là điều không thể.

Một cơn mưa phùn nhỏ bắt chợt đến trên bãi biển Miramar. Những hạt mưa trong trẻo như những giọt sương nhẹ vương đầy tóc khiến tôi cảm thấy thanh thản, nhẹ nhàng đến lạ. Tôi bước chậm chậm về căn nhà nhỏ của mình nằm ven biển cách đó một dặm trong trạng thái lâng lâng, cảm giác như mình đã trút bỏ được gánh nặng đã đè nén trong lòng từ bấy lâu.

Trên cao, gió vẫn lồng lộng thổi. Bên dưới thủy triều bắt đầu dâng lên. Hướng mắt nhìn về phía những con sóng bạc đầu, chợt cảm hứng đi câu của tôi trào dâng mãnh liệt. Lúc này, tôi bỗng muốn được nghe tiếng rả rời của những con cá đi kiếm ăn. Và nếu may mắn, biết đâu tôi sẽ câu được một con pecca cũng nên.

Tôi bỗng sực nhớ đến chiếc cần câu với dây câu dài ba mét của mình mấy năm trước. Nếu có nó lúc này, tôi nhất định sẽ cầm lấy và quăng câu ngay. Nhưng cũng lúc đó, tôi sực nhớ ra rằng mình đã để toàn bộ đồ nghề ấy ở tận bên kia bờ đại dương – chỗ Jeff – con trai tôi.

Khi vừa về đến nhà, tôi lập tức gọi điện thoại cho Jeff và hỏi xem nó có còn giữ chiếc cần câu ấy hay không.

– Dĩ nhiên là con còn giữ chứ ạ! – Jeff trả lời. – Con mới lấy ra dùng mấy ngày trước đây mà.

Rồi Jeff kể với tôi về việc nó đã đưa Trevor – cậu con trai năm tuổi của nó, đến đồi cát nơi mà khi xưa tôi và Bob vẫn thường đi câu. Một con cá chào mào đỏ bị mắc lưới và Trevor mừng rỡ kéo nó lên. Jeff nói tiếp:

– Thế là bây giờ ngày nào Trevor cũng đòi con dẫn đến đó để câu cá bố ạ!

Tôi bước ra hiên nhà và nhìn ngắm những cơn sóng cuộn cao rồi đổ ập vào bờ. Trời mưa như trút nước, thấm vào da thịt tôi lạnh căm nhưng tôi chẳng mấy để ý đến điều đó. Điều tôi quan tâm lúc này là làm sao cho quá khứ, hiện tại và tương lai quanh tôi được kết nối. Sao cho đời ông ngoại tôi – Izzy, đến cháu nội tôi – Trevor, tất cả đều là những người thích đi câu.

Chương 10: VIẾT TRÊN BỜ CÁT



Gió thổi lồng lộng từ hướng Đông Nam mang theo hơi lạnh và ẩm ướt. Vào giữa trưa, mọi người tụ tập đông đủ quanh bia đá tưởng niệm những người đánh cá bỏ mình trên biển. Hôm nay lại có thêm bốn người ở lại với đại dương bao la. Tất cả đều xa lạ với tôi, vậy mà tên tuổi của họ lại in sâu vào trí nhớ của tôi như thể họ là những người thân của mình vậy. Đó là:

Kirk Pringle, 40 tuổi

Alex Kovack, 34 tuổi

Joe Fischer, 53 tuổi

Les Bronsema, 72 tuổi

Pringle, Kovack, Fischer và Bronsema, tôi vốn không biết gì về họ ngoại trừ những thông tin mà báo chí đăng tải hoặc thông qua những cuộc chuyện trò trên bến cảng. Thế nhưng, không hiểu tại sao cái chết của họ lại tác động đến suy nghĩ và cảm xúc của tôi nhiều như vậy. Họ là những ngư dân, cuộc đời hầu như gắn liền với sóng nước bao la. Và tôi được biết họ đều là những con người tốt bụng và là những trụ cột trong gia đình.

Một buổi sáng, khi hầu hết dân chài yên ấm bên gia đình thì bốn người này vẫn ra khơi trên hai con thuyền lớn, Pringle và Kovack trên chiếc Lisa còn Fischer và Bronsema trên chiếc Best Girl. Ngọn cờ báo động màu đỏ được giương cao, bay phấp phới trên bến cảng. Ngoài khơi, gió mỗi lúc một lớn, những sóng cao dồn dập đổ về từ phương Bắc và chỉ trong phút chốc, cả bốn con người tội nghiệp đó lần lượt bị cuốn vào một xoáy nước. Những chiếc lồng bắt cua lắc lư hai bên mạn thuyền. Hai con thuyền bị sóng đánh dữ dội và chìm dần xuống đáy đại dương trong cơn gào thét dữ dội của gió.

Ở đầu kia của cầu cảng, tiếng kèn túi vang réo lên những âm thanh rầu rĩ thê lương như tiếng kêu của bầy chim chơi chơi. Trên một đoàn thuyền đánh cá, thân nhân của những người xấu số ấy lặng lẽ ra khơi và rải những bông hoa xuống biển để tiễn đưa người thân của họ về nơi an nghỉ cuối cùng. Buổi lễ tưởng niệm kết thúc, mọi người lầm lũi trở về trong niềm đau xót khôn cùng. Từng chiếc thuyền rẽ sóng, chậm chạp tiến về phía cảng và neo đậu tại chỗ dành riêng cho nó. Mọi người rời thuyền xếp thành hàng dài bước theo người chơi kèn túi về phía bia tưởng niệm. Họ lặng lẽ ngồi xuống, xung quanh tràn ngập hoa tươi và những vòng hoa tang kết cườm.

Tôi đứng lẫn trong đám đông đến cả trăm người, cố tìm kiếm một gương mặt thân quen nào đó nhưng không thấy ai. Cha xứ xuất hiện, xướng danh và ca tụng những người đã khuất. Sau mỗi cái tên được ông xướng lên, cô bé đứng bên cạnh liền gõ vào chiếc chuông thường treo trên các chiếc thuyền. Âm thanh trầm buồn vọng nổi tang thương khắp cầu cảng.

Một người bắt đầu hát một bản nhạc của dân chài. Tiếp sau đó, một phụ nữ bất hạnh mà cả chồng và con đều chết trên những chuyến đánh cá trước đây đứng ra đại diện nói lời chia buồn với những gia đình bất hạnh. Những người tham dự tang lễ lần lượt đứng dậy và làm theo, nhưng có lẽ không lời nào có thể nói hết được nỗi đau thương và mất mát lớn lao này.

Tôi thả bộ dọc theo cảng và ngắm những chiếc thuyền đang neo đậu san sát dưới bến. Chỗ của Lisa và Best Girl vẫn để trống. Tôi tự hỏi tất cả giờ đang ở đâu giữa đại dương bao la kia. Nếu không gặp nạn, hẳn hai chiếc tàu đã có mặt ở đây và chủ nhân của nó lúc này đang vui vẻ bên gia đình. Tôi thực sự xúc động khi nghĩ đến sự chênh lệch về tuổi tác của họ, người trẻ nhất 34 tuổi và người lớn nhất hơn gấp đôi số tuổi ấy!

Suy nghĩ miên man, tôi lại nghĩ về cái chết của mẹ tôi. Sẽ chẳng bao giờ tôi có thể quên được khuôn mặt nhợt nhạt, tái xanh lúc mẹ được đặt vào trong cỗ quan tài. Tôi nhìn mẹ như một phụ nữ xa lạ, bởi lúc đó mẹ trông thật khác với hình ảnh mà tôi thấy hằng ngày. Người ta xúc nước hoa cho mẹ làm sức nức cả phòng tang lễ. Chỗ mẹ nằm tràn ngập hoa hồng. Tôi cúi xuống nhặt một nhánh hồng ở chỗ đặt quan tài mẹ mang về ép khô giữa cuốn Kinh Thánh. Nhiều năm trôi qua, tôi lại kẹp nó trong cuốn Thánh Ca. Mỗi lần giở sách, cầm nhánh hồng lên ngắm nghía và xoay xoay trong tay, tôi lại nhớ đến mẹ khi bà còn sống.

Lúc tôi còn nhỏ, mẹ thường đặt tôi ngồi sau yên xe đạp và chở tôi vòng vòng khắp những con đường dọc bãi biển Manhattan – nơi mẹ sinh ra và lớn lên. Mẹ thường vẫy tay và mỉm cười chào tất cả những người thân quen nhìn thấy trên đường. Đó là thói quen xã giao của mẹ, và cũng chính là một tính cách mà tôi kế thừa được từ mẹ.

Cánh hồng mỗi ngày một khô và những cánh hoa bắt đầu rơi ra. Cuối cùng, dù không muốn nhưng tôi cũng phải bỏ đi vì nếu cố giữ lại, nó cũng chẳng thể chuyển tải được những ký ức về mẹ. Giờ đây, tôi bỗng muốn kể tất cả những ký ức mà mình còn giữ lại về người phụ nữ đã sinh ra tôi với con cháu của mình để những ký ức ấy không bị chìm vào quên lãng.

Thế nhưng tôi hiểu rằng, việc lãng quên là điều không thể tránh khỏi. Một ngày nào đó, sẽ chẳng còn ai nhớ đến mẹ tôi, cả tôi và bốn người xấu số kia cũng vậy. Tôi biết không phải ai cũng muốn lưu giữ những ký ức buồn về những thế hệ đi trước như mình. Cái chết của tôi sẽ chôn vùi mọi ký ức của tôi về cuộc sống, về những người họ hàng thân thuộc của mình vào lòng đất.

Tôi tự hỏi khi mình chết đi, liệu các thế hệ cháu con tôi có còn nhớ đến những việc tôi đã làm hay những điều mà tôi yêu thích? Và liệu chúng có còn nhớ tôi đã từng yêu thích việc lái chiếc thuyền buồm một cánh, hoặc tôi đã từng biên tập cho một tờ báo, hay đã dạy cho các con những bài học vỡ lòng... Và điều gì sẽ xảy ra khi các cháu tôi qua đời? Tôi sẽ còn đọng lại trong ký ức của ai đây?

Có một thời gian, tôi sống trong căn nhà trên đỉnh đồi mà dưới chân nó là một nghĩa trang có từ thế kỷ XIX. Thỉnh thoảng tôi trèo qua bức tường đá thấp và lang thang trong nghĩa trang ấy, nhìn và suy ngẫm về những bia mộ đã bạc thếp theo thời gian. Tôi đặc biệt chú ý đến sáu ngôi mộ được chôn liền nhau. Tôi thử hình dung mối quan hệ giữa họ qua những dòng chữ được khắc trên bia. Nhưng dưới sự bào mòn của gió cát và thời gian, tôi đã không làm được việc đó.

Tôi tự hỏi liệu còn ai nhớ đến những người này nữa không? Dáng hình của họ ngày trước ra sao, họ đã sống như thế nào và sở thích của họ là gì? Tôi ngậm ngùi khi nghĩ đến tất cả bây giờ chỉ còn là những nắm mồ nằm tro tro và lạnh lẽo giữa nghĩa trang này.

Họ chỉ là sáu trong hàng bao nhiêu tỷ người từ thuở hồng hoang của nhân loại đã đến và ra đi, không lưu lại vết tích, cũng chẳng có một chút hóa thạch nào để lại cho người đời sau biết rằng họ đã từng có mặt trên đời. Những vị vua chúa, tướng lĩnh, những nhà chính trị hay các nghệ sĩ, thi sĩ, đều được chúng ta biết đến qua những trang sử. Nhờ đó, chúng ta biết được đại thi hào nào là tác giả của Hamlet, nhà soạn nhạc thiên tài nào đã sáng tác bản Eroica bất hủ, nhà toán học tài ba nào đã tìm ra định luật vạn vật hấp dẫn(*)... Chúng ta biết tên tuổi của họ, biết đến những công trình, kiệt tác mà họ đã sáng tạo. Nhưng ngoài những thứ mang lại danh vọng cho họ thì hầu như chúng ta chẳng biết được bao nhiêu về cuộc sống đời thường của họ. Họ khao khát điều gì? Công việc thường ngày của họ ra sao? Họ kỳ vọng gì ở con cái? Hầu như tất cả chúng ta đã lãng quên cuộc đời thật của họ.

Cách đây khoảng hơn mười năm, tôi đến thăm một người bạn thân ở trang trại tại trung tâm tiểu bang New York. Anh vừa bình phục sau một cơn đau tim nặng. Anh là người có tính cách rất mạnh mẽ, thích sống phiêu lưu và tìm tòi những điều mới mẻ. Anh là giáo viên môn Lịch sử. Sau 30 năm giảng dạy, anh về hưu và mua sáu mươi mẫu đất để thử nghiệm nuôi beefalo – loại gia súc lai giữa bò rừng và bò sữa. Ngoài việc thử nghiệm giống vật nuôi mới, những lúc rảnh rỗi, anh thường vẽ tranh, chơi kèn trombone, tham gia các hoạt động chính trị và điều hành một trung tâm y tế công cộng.

Sau cơn bạo bệnh, tôi nghĩ anh sẽ phải hạn chế bớt các công việc của mình. Thế nhưng, trái với những suy nghĩ của tôi, anh làm việc một cách hăng say, thậm chí còn hơn cả trước khi ngã bệnh. Khi tôi đến, anh đang đứng ở cổng với chiếc mũ lưỡi trai màu đỏ và một cái xô trên tay. Hàm râu anh tuy đã bạc trắng nhưng vẫn rậm rạp như xưa.

Chúng tôi vừa bước dọc theo bờ rào vừa trò chuyện, thỉnh thoảng cúi xuống nhặt những quả mâm xôi bỏ vào xô, rồi lại lặng yên ngắm cánh đồng quê yên ả, kho chứa cỏ, vựa lúa, những trang trại... thấp thoáng giữa những ngọn đồi. Bất thình lình, anh quay sang hỏi tôi:

– Anh nghĩ như thế nào về cái chết?

Tôi sững lại nhìn anh một lúc, chẳng biết nên trả lời thế nào. Tôi đang cùng anh đi hái quả mâm xôi, thực sự tôi không nghĩ rằng anh lại đặt câu hỏi đó lúc này. Tôi biết anh vừa trải qua cơn thập tử nhất sinh và giờ đây đang bị nó ám ảnh.

Tuy vậy, thành thật mà nói, tôi hoàn toàn lúng túng trước câu hỏi của anh. Có lẽ đọc được sự bối rối trong mắt tôi nên anh đã hướng cuộc nói chuyện sang đề tài khác. Cả hai tiếp tục đi dọc bờ rào và nhặt những quả mâm xôi cho đến khi đầy cả hai xô.

Nhưng giờ đây, sau khi tham dự buổi tưởng niệm những người đánh cá xấu số, tôi thật sự ước anh có mặt ở đây, và tôi sẵn sàng trả lời bất kỳ câu hỏi nào của anh – những câu hỏi về cái chết mà tôi đã cố tình lảng tránh lúc trước. Tôi sẽ nói với anh rằng, nhận thức về cái chết đã giúp tôi tìm thấy được ý nghĩa của sự sống. Khi chúng ta mất đi sự cảm nhận về cái chết thì đó cũng chính là lúc chúng ta đối mặt với một cái chết khác – chết khi đang sống. Và đây mới là cái chết tồi tệ và đáng sợ nhất.

Cũng giống như bao người khác, tôi có quyền lựa chọn cách sống cho mình. Tôi có thể sống một cuộc sống phù phiếm, cố gây ấn tượng với người khác bằng những vật chất tầm thường mà mình đang sở hữu: ngôi nhà tiện nghi, những bộ quần áo đắt tiền, chiếc xe hơi sang trọng... Hay tìm kiếm sự ngưỡng mộ của người khác bằng cách tạo dựng danh vọng và quyền lực. Hoặc đắm mình vào những cuộc ăn chơi xa xỉ và trác táng. Hoặc cũng có thể dùng những lời than thân, trách phận như một cách để chối bỏ trách nhiệm đối với cuộc đời. Tôi hiểu đó là những hình mẫu của sự phù phiếm và thực dụng nên đã không làm thế. Cuộc sống là món quà quý giá của Thượng đế, vì vậy chúng ta cần phải nỗ lực và có trách nhiệm hơn với cuộc sống của mình.

Trong lời bạt của vở kịch *Man and Supper man* (Con người và Siêu nhân), George Bernard Shaw đã viết: *“Con người là một phần thể lực của tự nhiên chứ không phải một viên đá nhỏ nhoi, sốc nổi và luôn than vãn. Nếu chỉ biết chú tâm cho một mục đích tầm thường nào đó thì cuối cùng con người cũng sẽ bị bào mòn và tan thành khói bụi mà thôi”*.

Tôi không biết liệu bốn người đánh cá ấy có từng biết đến những lời này của Shaw hay không, và tôi tự hỏi tại sao họ lại quyết định ra khơi vào cái ngày oan nghiệt ấy? Họ đã cùng những người đánh cá khác hạ buồm đình công ba tuần trước. Theo lời nhiều người thì dường như họ đang gặp khó khăn về tài chính. Tuy vậy, tôi nghĩ rằng nếu họ ở nhà thêm một vài ngày chắc cũng chẳng khiến gia đình họ chết đói.

Tôi tin rằng có điều gì đó đã mời gọi những người đánh cá này ra khơi ngày hôm đó. Sự thôi thúc này còn sâu xa và mạnh mẽ hơn sức mạnh của đồng tiền rất nhiều. Họ chính là một phần của thể lực tự nhiên và cuộc đời họ gắn với những chuyến đi mạo hiểm. Do vậy, họ đã giương buồm ra khơi, đi theo tiếng gọi của niềm đam mê cháy bỏng bất chấp những mối hiểm nguy đang đợi chờ phía trước.

Tôi rời cảng biển và về nhà theo lối sau, đi ngang qua chỗ neo thuyền, ngang qua bờ đê chắn sóng và xuống bờ biển đầy cát. Biển êm dịu, hầu như không một gợn sóng. Tuy vậy, lẫn trong âm thanh rì rầm từ xa xăm biển khơi, tôi vẫn nghe trong gió tiếng còi trầm báo hiệu có sương mù trên biển. Tiếng còi ấy thường vang lên đều đều vào mỗi buổi sáng nhưng chưa bao giờ tôi thực sự để tâm. Vậy mà với tôi lúc này, tiếng còi ấy nghe nào nề như được vọng về từ cõi âm. Nó không hề biến mất theo sự hờ hững của tôi mà trái lại, luôn hiện hữu, kêu réo tôi như cách biển cả đã réo gọi những người đánh cá ấy. Rồi đến một lúc nào đó nó cũng sẽ mang tôi đi như

nó đã mang những người kia vậy.

Cái chết của những người đánh cá khiến tôi thực sự băn khoăn không biết mình còn lại bao nhiêu thời gian. Vài phút, vài giờ hay vài năm? Biết đâu, có thể ngay bây giờ tôi bất ngờ ngã quỵ xuống và trút hơi thở cuối cùng trên bãi biển Miramar này. Hoặc biết đâu tôi có thể sống tới trăm tuổi với một cuộc sống mới đang mở rộng và đón chờ tôi phía trước. Cuộc sống vốn vô định và chúng ta chẳng thể biết trước chuyện gì sẽ xảy ra. Nhưng dù thế nào chẳng nữa nó cũng không khiến tôi quá bận tâm. Tôi vẫn sẽ sống mạnh mẽ và dũng cảm như tôi đã và đang sống.

Bước thêm vài bước nữa, không khí tang thương trên bãi biển ban sáng dần được thay bằng những hình ảnh sinh động của sự sống. Một ngôi nhà tọa lạc trên triền dốc đẹp tựa như bức ảnh của một nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp. Tôi dừng lại, ngỡ người ngắm ngôi nhà ấy như mọi khi. Không hiểu sao mỗi lần nhìn ngắm ngôi nhà này, tôi lại thấy kiến trúc của nó một khác. Lúc thì tôi thấy nó như một nhà thờ ở Na Uy, khi thì như đền thờ đạo thần Shinto, và cũng có khi nó trông tựa con thuyền được nhiều tấm ván ghép chồng lên nhau đang băng băng rẽ sóng. Đứng giang chân trên mái nhà ấy là một tượng bằng gỗ khắc hình người phụ nữ với bộ ngực trần và đôi tay vươn lên như muốn ôm lấy cả bầu trời.

Xa hơn nữa, tôi trông thấy một đứa bé trai và một đứa bé gái đang xây những ngôi nhà trên cát. Chúng chạy tới chạy lui xuống mép nước, kéo những cây cọ biển và trồng nó xung quanh “khu nhà nghỉ”, sau đó đặt một số bụi cây nhỏ lên những ngọn cây ấy để chúng trông giống như những cây nhiệt đới đang đung đưa trong làn gió biển.

Đi một đoạn nữa, tôi phát hiện thấy một đụn cát được khoét lỗ tròn chính giữa. Bên ngoài có hai vòng tròn, vòng tròn bên trong mọc nhiều cây sung biển, còn vòng tròn bên ngoài chứa đầy những vỏ sò nhỏ lấp lánh muôn sắc màu dưới nắng vàng.

Ngay mép nước vẫn nguyên vẹn còn đó dòng chữ tròn trịa giống chữ của một em bé: “*Chúc mừng sinh nhật Bố!*”. Gần đó tôi lại bắt gặp một lời nhắn trên cát với nội dung: “*Lindsay, mong bạn luôn khỏe mạnh!*”.

Tôi bước dọc bờ biển và tiếp tục cuộc hành trình khám phá thú vị. Chợt bước chân tôi dừng lại ở hình vẽ một trái tim, ở giữa có viết: “*Pamela đã ở đây! Amelia đã ở đây! Claudia đã ở đây!*”. Kế bên nó là dòng chữ: “*Tôi đang ở đây!*”. Tôi mỉm cười, cũng cúi xuống và viết bên dưới: “*Tôi cũng đang ở đây!*”.

Thủy triều đang lên. Chỉ một lát nữa thôi những cơn sóng sẽ tràn bờ và xóa đi hết những bút tích của tôi cũng như của những người đã viết trước đó. Nhưng ngay lúc này, tôi bỗng thêm được khẳng định mình và chứng tỏ cho thế giới biết rằng tôi đã từng đi qua đây!

Chương 11: NHỮNG CHÀNG THỦY THỦ LƯỚT GIÓ



Bầu trời đang sáng bỗng dưng tối sầm. Gió bắt đầu thổi mạnh và nhanh như cắt, bão đã nhanh chóng đổ bộ vào miền biển xinh đẹp này. Trong chốc lát, nước biển dâng cao, những con sóng hung hăng xô bờ dồn dập, bọt tung trắng xóa. Mỗi khi bão nổi lên, những con sứa thân trong suốt như pha lê bị sóng dập tới tấp. Sau mỗi đợt sóng đánh vào bờ, chúng lại bị đẩy lên và phơi mình trên bãi cát. Ước chừng có đến cả ngàn con nằm phơi xác trên bãi biển này sau cơn bão.

Tôi gọi những con sứa biển này là những chàng thủy-thủ-lướt-gió. Quả thật, chúng có cái buồm hình tam giác nhưng không có bánh lái nên không thể lèo lái được. Chúng cũng không thể xác định được phương hướng cho mình cho nên luôn bị sóng đánh trôi dạt khắp Thái Bình Dương và hoàn toàn phụ thuộc vào chiều gió.

Tôi dùng một mảnh vỏ sò lớn múc vài con đem về phơi trên hàng rào để có dịp quan sát chúng kỹ hơn. Những con sứa chỉ lớn hơn ngón tay cái một chút, nom như những món đồ chơi bằng nhựa dẻo và trong suốt được đúc ra từ một khuôn. Tôi nhìn về phía biển, hình ảnh những con sứa nằm la liệt trên bãi cát hiện ra trong đầu tôi rõ mồn một như thể chúng đã được vẽ trong trí nhớ của tôi vậy! Những con sứa trông như những con tàu đợi nhổ neo theo hướng gió.

Nhìn những con sứa, ký ức tôi lại miên man trở về một chiều hè nóng như thiêu đốt ở miền núi Pocono. Khi ấy tôi cùng một người bạn thời sinh viên ngồi bên cái hồ hình quả lê cạnh triền đồi gần nhà anh ấy. Anh bạn tôi có một trí tuệ thông thái đặc biệt, hơn hẳn những người bạn khác mà tôi từng biết. Thi thoảng chúng tôi nhấp một ngụm nước để làm dịu phần nào cái nóng hầm hập đang bủa vây xung quanh. Chúng tôi nói chuyện về cuộc sống gia đình cũng như cách để chia tay êm thấm với vợ.

Trước đó, khi tham dự lễ cưới của nhau, mỗi chúng tôi đều tin rằng cả hai cuộc hôn nhân của chúng tôi sẽ luôn vững bền. Và giờ đây, hơn một phần tư thế kỷ trôi qua, chúng tôi lại ngồi bên nhau để nói về sự thất bại trong hôn nhân của cả hai. Cuộc trò chuyện diễn ra khá thân mật, cởi mở và chúng tôi đã nói chuyện với nhau suốt buổi chiều hè oi ả đó. Tuy vậy, dường như quá mệt mỏi, cuối cùng cả hai chìm vào im lặng.

Anh bạn tôi cúi gằm mặt xuống, liên tục luồn những ngón tay mồm mím của mình vào những lọn tóc trắng xoăn, đắm chiêu suy nghĩ. Tôi im lặng chờ đợi những động thái hoặc một lời nói tích cực nào từ anh ấy, nhưng cuối cùng anh dập tắt những hy vọng của tôi khi bất thành linh giờ cả hai tay lên trời như đầu hàng và nói: *"Những người như chúng ta không thể nào ly dị được, nên chấp nhận là hơn!"*.

Vài tháng sau, tôi đã giải quyết xong chuyện hôn nhân của mình, còn anh ấy vẫn chưa thể. Sợ dư luận và những định kiến xã hội, anh hầu như không tìm thấy lối thoát nào cho mình và ngày càng chìm sâu vào nỗi tuyệt vọng. Một năm sau ngày chúng tôi trò chuyện bên bờ hồ đó, anh bị một cơn đột quỵ nặng, sống lay lắt một thời gian rồi qua đời.

Ký ức lại tiếp tục mang tôi trở về những ngày xa xưa khi tôi được mười hai tuổi và sống chung với dì và dượng – những người giám hộ của tôi. Một hôm, tôi và dì đang ngồi xem ti-vi trong nhà thì chuông cửa reo vang. Dì bước ra mở cửa. Đó là ông hàng xóm, ông ấy than phiền rằng những viên sỏi trải trên lối đi của nhà chúng tôi đã đổ tràn sang bên vườn nhà ông. Dì tôi tỏ ra rất bối rối hết như có chuyện gì đó nghiêm trọng vừa xảy ra mà dì là người hoàn toàn có lỗi vậy.

– Chúng tôi thành thật xin lỗi ông! Chúng tôi sẽ....

Dì ngưng câu nói, chắc đang tìm một cách giải quyết hợp lý nhất. Tôi đứng phía sau lưng dì,

chờ đợi xem dì sẽ xử lý như thế nào. Và dì nói tiếp:

– Tôi sẽ.... bảo... thằng bé sang dọn ngay cho ông!

Nghe dì tôi nói thế, gương mặt người hàng xóm giãn ra với vẻ hài lòng và ông nhanh chóng quay về nhà.

Tôi ra nhà để xe, cầm lấy cái xẻng và đi sang nhà ông. Với tôi, đó chẳng phải là công việc nặng nhọc gì. Hai mươi phút sau, tôi đã xúc hết những viên sỏi trả về lối đi cũ. Nhưng mỗi lần đặt xẻng xuống xúc những viên sỏi lên, câu nói của dì lại vang vang bên tai tôi: *“Để tôi bảo thằng bé sang dọn!”*. Thằng bé đó chính là tôi.

Mẹ tôi qua đời, dì là người chăm lo bảo bọc cho tôi. Dì cảm thấy có trách nhiệm phải mang tôi về nuôi nấng, dạy dỗ thay cho người chị vắng số của mình. Và mỗi ngày trôi qua, dì luôn buộc mình phải làm tròn trách nhiệm cũng như đòi hỏi tôi phải đáp lại bằng tất cả lòng biết ơn. Dì cứ nghĩ rằng mối quan hệ gia đình sẽ tốt đẹp hơn nếu được xây dựng trên nền tảng đó. Chưa bao giờ dì thể hiện tình thương yêu hay thái độ trù mến đối với tôi. Ý thức trách nhiệm đã làm lu mờ tất cả ý niệm về tình cảm của dì. Chẳng hạn hôm đó, thay vì gọi “cháu tôi”, dì đã gọi tôi là “thằng bé”.

Tính cách của anh bạn tôi và dì tôi hoàn toàn khác nhau. Tuy nhiên giữa họ có một nét chung đó là không có lập trường riêng. Họ luôn làm hết sức mình để khiến người khác cảm thấy họ rất vững vàng và lúc nào cũng hoàn thành bốn phần của mình. Giờ đây, trong suy nghĩ của tôi, họ giống như con thuyền không có bánh lái, chỉ biết phó mặc hướng đi theo chiều gió. Họ cứ loay hoay mà không biết làm sao để kiểm soát và định hướng cho cuộc đời mình.

Tôi bước đến bên giá sách, với tay lấy cuốn sách hướng dẫn tham quan vùng Thái Bình Dương và tìm thuật ngữ thủy-thủ-lướt-gió. Trong cuốn sách này, cụm từ thủy-thủ-lướt-gió được định nghĩa là những sinh vật có hình oval dẹt với những túi căng đầy khí, có những xúc tu để kiếm ăn xếp thành từng vòng quanh bộ phận sinh sản và rất nhiều đốm xanh lơ ở quanh viền. Tôi lấy một cuốn sách khác với mục đích tương tự. Một nhà sinh vật biển đã định nghĩa: *“Chúng là những quần thể khác biệt, được xem như những bầy đàn của các cá thể họ xưa gọi là “con người”*. Sự xuất hiện bất ngờ của từ “con người” với tất cả hàm ý của nó khiến tôi giật mình. Tôi đặt những cuốn sách trở lại chỗ cũ và lững thững thả bộ ra biển. Những “con người” vẫn đang nằm rải rác trên mặt cát từ lúc bị trôi dạt vào bờ. Tôi ngồi lặng yên trên cát, nhắm mắt lại hít thở bầu không khí trong lành sau bão. Từng tia nắng ấm áp của mặt trời lan tỏa khắp người tôi khiến tôi có cảm giác như mình đang bay bổng.

Tôi đã nhận ra điều mà khi còn trẻ, mình đã không để ý: Những người càng tỏ ra cương quyết, vững vàng nhất thì lại là những người đang mất phương hướng nhất. Họ mất rất nhiều thời gian và sức lực để tô vẽ chân dung của mình trước mọi người. Tuy vậy, chỉ một thời gian ngắn sau đó, những người xung quanh sẽ nhìn xuyên qua lớp vỏ bọc ấy và nhìn thấy rõ những tâm hồn yếu đuối, dễ bị tổn thương trong con người họ.

Tôi đã chọn vùng biển Miramar này – nơi cách biệt với thế giới ồn ào và đầy rẫy đua chen về giàu sang và quyền lực – làm nơi trú ngụ cho riêng mình. Cuộc sống bình lặng nơi đây đã giúp tôi thẳng thắn hơn trong việc nhìn nhận bản thân cũng như với tất cả những vấn đề nảy sinh xung quanh, điều mà trước kia tôi đã không dám làm.

Tôi hiểu rằng sự thiếu quyết đoán của mình trong quá khứ chính là dấu hiệu của sự yếu đuối, nhu nhược. Vì vậy, tôi luôn khao khát một sự thật tuyệt đối, một lý tưởng, hay bất kỳ điều gì đó tương tự như vậy để có thể bảo vệ tôi trước những biến cố bất ngờ của cuộc sống. Tôi đã đọc rất nhiều tác phẩm của các đại thi hào và triết gia nổi tiếng như Lão Tử, H. D. Thoreau, W. Whitman, B. Shaw. Tôi hiểu rằng trong mỗi tác phẩm của họ đều mang đến cho tôi một bài học bổ ích, cần thiết cho những giai đoạn khác nhau của cuộc đời. Trong một tác phẩm, W. Whitman đã tự hỏi: *“Tôi có đối lập với chính mình không?”*, và khi đó tôi nhận thấy mình cũng đang cùng tâm trạng với ông. Tôi cũng đang tự đối lập với chính mình.

Nhưng giờ đây, tôi hiểu ra một điều rằng, sự bối rối, lúng túng đôi khi lại tạo ra sức mạnh. Nó

giúp chúng ta nhìn nhận lại cuộc sống của mình và điều chỉnh lại phương hướng để sống tích cực hơn. Gần như mất cả cuộc đời, tôi mới chiêm nghiệm được điều này. Tuy vậy, ngay khi thấu hiểu, tôi có cảm giác như mình được chấp thêm đôi cánh để tự do khám phá thế giới xung quanh và tìm kiếm những điều mình tin tưởng.

Tôi từng gặp rất nhiều người mà suốt đời phải sống chung với những tín điều cứng nhắc, bệnh hoạn. Điều đó thể hiện qua giọng họ nói, cử chỉ, điệu bộ của họ khi giao tiếp với những người xung quanh. Đôi khi tôi muốn giúp họ thoát khỏi tình trạng đó để hướng tới một cuộc sống tốt đẹp hơn. Tuy vậy tôi cũng hiểu rằng, việc ấy thực sự chẳng dễ dàng bởi những tín điều kia đã ăn sâu vào tiềm thức của họ. Nó trở thành một đức tin để họ tồn tại trong cuộc sống này. Và vì quá phụ thuộc vào nó nên họ không dám tự mình đưa ra một quyết định nào khác.

Những kẻ luôn dương dương tự đắc cho rằng mình có thể giải quyết tất cả mọi vấn đề chính là những kẻ thực sự hèn yếu, và cũng chỉ những kẻ đó mới tỏ ra vênh váo, khoắc lác khi đứng trên các bục cao nói trước đám đông hoặc nuôi tham vọng điều khiển suy nghĩ và hành động của người khác bằng cách mị dân.

Hitler từng huênh hoang rằng hắn có trong tay một chân lý tuyệt đối. Mussolini cũng thế... Họ chính là nỗi kinh hoàng trong suốt thời niên thiếu của tôi, những con người mà bàn tay họ đã vấy đầy máu của hàng triệu sinh linh. Giết chóc, tàn sát hay giết người hàng loạt... chẳng là gì đối với những kẻ chuyên quyền, tàn bạo này bởi họ đã bám vào cái chân lý tuyệt đối, cái đã bóp méo, xuyên tạc nhận thức, thần thánh hóa những hành vi cuồng sát của họ.

Những người này hoàn toàn đối lập với các nhà lãnh đạo chân chính và tài năng như Thomas Jefferson, Abraham Lincoln, Franklin Roosevelt... Tất cả họ không phải là những tư tưởng gia, cũng chẳng thuộc phe Bảo thủ hay Tự do.... Họ là hiện thân của những vấn đề cấp thiết của thời đại; những vấn đề như bạo lực chuyên chế, nô lệ, hay các cuộc thế chiến.

Có thể họ cũng xảo quyết khi cần phải làm thế. Họ cũng rất chính trị, biết chọn thời cơ thuận tiện để lên tiếng, để hành động. Tôi chấp nhận tất cả những điều đó như những nét riêng cá tính của từng người. Và trong thâm tâm tôi thấy ngưỡng mộ những con người này vì họ không bị ảnh hưởng bởi một hệ tư tưởng nào, mà tất cả những gì họ làm đều bắt nguồn từ sự uyên thâm trong suy nghĩ và trình độ của họ; vì sự cảm thông, lòng trắc ẩn hiện hữu trong con người họ chứ không phải là những đức tin, cũng chẳng phải các học thuyết hay giáo điều gì cả. Tuy vậy, nó đã có sức lay động và góp phần làm thay đổi cả thế giới!

Có nhiều người cho rằng việc đến Miramar là một cách trốn chạy của tôi - trốn chạy khỏi những áp lực của cuộc sống. Gần đây, tôi nhận được bức thư của một người bạn. Trong thư anh hỏi thăm cuộc sống của tôi trên vùng đất mới và muốn biết khi nào tôi sẽ chấm dứt cuộc sống lang bạt hiện tại của mình. Tôi trả lời thư anh bằng một bưu thiếp cảm ơn sự quan tâm của anh. Dù không trực tiếp trả lời câu hỏi của anh, nhưng tôi đã muốn nói với anh rằng, cuộc sống của tôi sẽ đi đến nơi nó cần đến và chấm dứt khi cần chấm dứt.

Một mình lang thang ở biển, ngắm nhìn những đợt sóng rì rào vỗ bờ, hơn ai hết tôi hiểu rõ mình đang làm gì lúc này. Tôi không sống phiêu bạt như nhiều người vẫn nghĩ. Trái lại, khi quyết định làm một việc gì đó, tôi luôn suy nghĩ và cân nhắc rất kỹ. Tôi làm mọi việc mà mình cảm thấy cần thiết cũng như hiểu rõ khi nào cần từ chối, khi nào nên chấp nhận và bao giờ thì cần nhẫn nại đợi chờ.

Tôi nhੌm dậy, bước thêm một dặm, hai rồi ba dặm nữa. Những bước chân khó nhọc vì sóng vẫn đang dồn dập vỗ bờ. Những con sứa cuộn vào chân tôi. Những thủy-thủ-lướt-gió vẫn nằm im lìm trên cát và thật bất hạnh, cũng tại nơi đây, chúng sẽ khô héo rồi chết.

Chương 12: TƯỢNG NHÂN SƯ Ở BIỂN



Tôi cứ nghĩ mãi về Paul Gauguin. Khi ngồi trên bãi biển đọc tập nhật ký của ông, tôi khám phá ra rằng cuộc hành trình của ông đến thiên đường chẳng khác mấy với chuyến đi của tôi đến vùng biển Miramar này.

Năm hai mươi ba tuổi, Gauguin được một người bạn của gia đình giới thiệu vào làm trong một công ty môi giới chứng khoán. Hai năm sau, ông kết hôn với Mette Sophie Gad, một cô gái Đan Mạch nghiêm trang và hay e thẹn. Trong suốt mười năm chung sống, họ đã có với nhau năm người con và ông rất yêu các con mình.

Năm ba mươi mốt tuổi, Gauguin vẽ bức Mette Sewing (Mette khâu vá) – một bức chân dung đơn sơ nhưng thấm đượm tình cảm gia đình. Bức tranh ấy vẽ Mette ngồi ở cạnh bàn, mặc một tấm áo rộng, chỉ trông thấy khuôn mặt và đôi tay. Cùng thời gian này, ông vẽ một bức tranh khỏa thân với tựa đề Suzanne Sewing (Suzanne khâu vá). Bức tranh vẽ toàn thân một người phụ nữ – một người mẫu chuyên nghiệp – đang ngồi cạnh một chiếc giường trải drap trắng và đang vá một thứ gì trông như một chiếc áo lót bằng satin. Phía sau người phụ nữ là một chiếc đàn mandolin treo trên một bức tường màu tím chứa đầy ẩn ý. Khi bức tranh ra mắt công chúng, một nhà phê bình đã lấy Suzanne làm hình mẫu của “người phụ nữ của thời đại chúng ta”. Nhưng Mette tỏ ra khinh miệt bức họa đó và từ chối treo nó trong nhà.

Thế nhưng, cuộc sống của Gauguin càng ngày càng trở nên khó khăn. Sau một thời gian, ông và Mette chuyển từ Paris đến Rouen rồi cuối cùng về Đan Mạch, quê hương của Mette. Từ người môi giới chứng khoán, Gauguin chuyển sang làm nhân viên ngân hàng rồi trở thành người đi bán vải dầu. Nhưng dù cuộc sống diễn ra như thế nào thì Gauguin vẫn luôn giữ trong mình niềm đam mê hội họa. Sau một cuộc đấu tranh tư tưởng quyết liệt, Gauguin quyết định từ bỏ công việc thương mại, quay về với hội họa vì ông hiểu rằng, chỉ có bộ môn nghệ thuật này mới có thể giúp ông tìm thấy ý nghĩa thực sự của cuộc sống.

Và vào một ngày đẹp trời, không một lời từ biệt, Gauguin lặng lẽ bỏ đi Papeete, từ một thương gia trở thành người nghệ sĩ, bỏ lại cả vợ và con trong một chuyến biển đột ngột, không ai ngờ được. Nhưng con đường đưa ông đến một hòn đảo Tahiti nhỏ bé, xanh um vùng nhiệt đới này quả thật quanh co. Ông đã đi từ Đan Mạch sang Paris, rồi đến Brittany rồi Martinique. Xong lại trở về Paris, rồi Brittany. Và một thời gian sau đó, khi vừa chớm độ tuổi bốn mươi, ông mới đến được Tahiti – nơi duy nhất trên trái đất này cho ông cảm giác như là ngôi nhà của mình.

Ở vùng đất ngát hương đó, ông đã say sưa vẽ để thỏa mãn niềm đam mê. Hầu hết các bức tranh của Gauguin đều chứa đựng những sắc màu hoang sơ của rừng núi, bộ lông sặc sỡ của những con vẹt với màu tím nhạt, xanh lơ đậm, màu đỏ son, màu vàng cam hay vàng đậm. Ông vẽ phong cảnh, vẽ phụ nữ, vẽ tĩnh vật và tất cả những gì ông thích mà không chịu bất kỳ sự chi phối nào của nền văn minh phương Tây hay của cuộc sống hiện đại. Ông vẽ theo dòng cảm xúc đang trào dâng trong tâm hồn mình, giữa cảnh nghèo túng và bệnh tật như thế nếu không vẽ, ông sẽ không còn tư duy.

Năm 1891, chỉ một thời gian ngắn sau khi đến Tahiti, Gauguin đã vẽ bức Vahine No Te Tiare (Người phụ nữ cài hoa), một trong những bức chân dung đầu tiên về người phụ nữ bản xứ. Bức họa là một tác phẩm tinh tế và ấn tượng: Trên dải hoàng hôn rực đỏ, ông vẽ một cô gái mặc chiếc áo đầm màu xanh thẫm với cổ áo màu trắng và một bông hoa trắng ẩn hiện trong làn tóc đen xõa dài của cô. Những cánh hoa trắng muốt tựa như những cánh bướm rập rình trên mái đầu ngẩng cao của cô gái trong khi bàn tay mềm mại của cô đang cầm một nhành hoa xanh muốt.

Trong tác phẩm tự truyện “Noa Noa”, ông đã ghi lại những cảm xúc của mình khi sáng tác bức họa này như sau:

“Tôi đã hoàn thành tác phẩm của mình rất nhanh với niềm say mê mãnh liệt. Trong bức chân dung này, tôi đã cố gắng lột tả chân thực những gì trái tim mình cảm nhận. Tôi tin rằng vượt lên trên tất cả cảnh vật tầm thường, từ trong sâu thẳm mỗi người có một điều gì đó thoát thai và bùng lên mãnh liệt. Người phụ nữ cài hoa trên tóc có gương mặt đầy vẻ cao quý với đôi gò má nhỏ và cao. Điều này gợi cho tôi nhớ đến một câu của E. Poe: “Không có vẻ đẹp hoàn hảo nào mà không có chút gì vết!””.

Cô chính là diêm báo về Tehamana, mà biết đâu cũng chính là Tehamana. Tehamana là người phụ nữ bản xứ đã tự nguyện sống cùng Gauguin như chính con người ông – một người nghệ sĩ thực thụ. Cô đã nâng đỡ ông giữa cơn tuyệt vọng để giúp ông tiếp tục những đam mê của mình. Cô chẳng hề đòi hỏi hay trông đợi điều gì nơi ông. Cô luôn ở đó – ngay bên cạnh ông những khi ông làm việc, những lúc ông mộng mơ; luôn đợi chờ trong thinh lặng, biết khi nào cần lên tiếng, khi nào không và mang hương thơm từ chính bản thân mình ướp khắp căn lều họ trú ngụ.

Ở nơi quê nhà, Mette cũng đang đợi chờ ông nhưng không phải với tình yêu thương mà là thái độ căm ghét. Bà luôn chê bai những bức vẽ của ông dù chẳng hiểu chút nào về chúng. Mặc dù vậy, bà luôn luôn đòi ông gửi tiền về - điều mà ông chẳng bao giờ có thể đáp ứng được!

Trong cách nhìn của bạn bè và gia đình bà thì bà là người phụ nữ đáng thương và đáng được bênh vực, vì Gauguin đã có Tahiti, còn bà thì phải chăm sóc và nuôi dạy các con.

Năm 1893, ông trở về và mở cuộc triển lãm ở Paris. Tuy nhiên, sức cuốn hút của vùng biển phía Nam quá mạnh, nên vào năm 1895, ông trở lại thiên đường của mình, và lần này là vĩnh viễn. Nhưng trách nhiệm đối với gia đình vẫn không ngừng ám ảnh ông, và trong bức thư gửi cho một người bạn, ông đã viết:

“Thực sự tôi rất tiếc về cách cư xử của tôi với gia đình mình. Tôi đột ngột bỏ đi không một lời từ biệt để cả nhà phải tự giải quyết lấy tất cả những khó khăn mà lẽ ra tôi phải là người xoay sở. Nhưng tôi không còn lựa chọn nào khác, tôi yêu mảnh đất Tahiti này. Chỉ có ở đây tôi mới có thể tìm thấy chính mình và thực hiện niềm đam mê của mình. Nhưng dù nói thế nào đi nữa tôi vẫn cảm thấy mình là một người chồng nhảm tâm, người cha vô trách nhiệm. Tôi biết thế, nhưng không thể tìm ra cách giải quyết nào hợp lý hơn.”

Tháng Tám năm 1897, ông viết cho Mette:

“Tôi biết là tôi không phải với bà rất nhiều, nhưng tôi đã rất mong vào sinh nhật của mình, ngày mồng bảy tháng sáu vừa qua, tôi nhận được dòng chữ “Bố thân yêu” mà các con mình viết tặng và ký tên vào đây. Vậy mà bà đã lạnh lùng: “Ông không có tiền! Đừng có trông mong gì về điều ấy!”.

Tôi muốn nói: *“Xin Chúa che chở cho bà! Mong sao lương tâm của bà ngủ yên để bà không phải chờ đợi cái chết như một sự giải thoát”*”. Đó là những lời Gauguin viết cho người vợ của mình.

Tôi lang thang trên bãi cát, hồi tưởng lại lúc các con tôi còn nhỏ. Khi đó, với đồng lương ít ỏi của một nhà báo, tôi và gia đình phải sống trong một căn nhà chẳng lấy gì rộng rãi. Nhân khẩu trong gia đình mỗi ngày một tăng, tôi buộc lòng phải tìm một căn nhà khác. Tuy vậy, để tìm được căn nhà hợp với sở thích và túi tiền của tôi khi ấy thật không phải dễ dàng. Vào một buổi chiều, trong lúc lái xe đi dọc con đường rợp bóng cây ở một khu khá riêng biệt của thành phố, vợ tôi tình cờ đậu xe trước một căn nhà màu trắng theo kiểu nhà thuộc địa của Hà Lan. Ngôi nhà có một tiền sảnh chạy dài, một phòng ăn trang trọng, một phòng khách có lò sưởi xây bằng gạch và các cửa đều làm theo phong cách Pháp. Mỗi bên ngôi nhà đều mở ra một cái cổng vòm, một phòng sinh hoạt gia đình lát bằng gỗ sồi, một cái cầu thang dẫn đến một bệ cửa sổ và đưa thẳng lên trên tầng trên.

Trước khi lập gia đình, tôi vẫn thường nghĩ mình sẽ nướng nấu ở gác xếp trong căn nhà của một nghệ sĩ nào đó và sau một thời gian sẽ được dọn đến một ngôi nhà màu trắng với các mảnh cửa xanh và một khu vườn có những thảm cỏ xanh rờn tương tự như vậy. Tôi có một khoản tiền nhỏ được thừa kế và nó được sử dụng làm tiền ứng trước để gia đình tôi dọn về sống trong căn nhà kiểu thuộc địa Hà Lan ấy. Và chúng tôi đã sống ở đó được mười hai năm. Nhưng tính nghệ sĩ vẫn luôn tồn tại trong tôi, sục sôi dưới vẻ ngoài lặng lẽ. Càng ngày tôi càng cảm thấy cuộc sống của mình ngọt nhạt. Cuối cùng, đi theo tiếng gọi từ trong sâu thẳm lòng mình, tôi quyết định từ bỏ cuộc sống của một “kẻ mạo danh”, một người sống vật vờ trong căn nhà mà hân chẳng hề thiết tha gắn bó.

Phải chăng đó cũng là cảm giác của Gauguin khi ông trải qua những bước đi lầm lỡ thời trai trẻ? Gauguin và Mette có một bức hình chụp chung ở Copenhagen nhân kỷ niệm mười hai năm ngày cưới. Trong ảnh, Mette mặc một chiếc áo váy dài và một chiếc áo khoác tay ngắn cổ viền. Bà ngồi đó, nghiêm trang trên chiếc ghế uốn cong. Ông đứng phía sau, thân mình hơi nghiêng về trước, chân bắt chéo, tay trái chống lên hông, tay phải tựa vào quyển sách để trên bàn. Nhìn bức ảnh, tôi tự hỏi mình không biết ai là người đã dựng nên tác phẩm lừa bịp này?

Gauguin đã rời bỏ gia đình để sống trọn vẹn với hội họa trong khoảng mười năm cuối cùng của cuộc đời mình. Tôi nghĩ, sâu thẳm trong lòng, ông cũng biết mình đã bỏ lại sau lưng những gì. Thế nhưng bất kể phải trả giá như thế nào cho lựa chọn của mình, ông vẫn cứ đi theo con đường hội họa, đi theo tiếng gọi của trái tim.

Suy nghĩ của tôi bị gián đoạn bởi những tiếng vó ngựa tung trên cát. Người kỵ mã và con ngựa xuất hiện đột ngột và lướt qua nhanh đến mức khiến tôi gần như ngừng thở. Tôi thấy như thể họ đang bay xuống bãi cát và biến mất trong làn sương mỏng. Trên bãi biển, các nhà chức trách để tấm bảng “Cấm cưỡi ngựa trên bãi biển”, nhưng hầu như ngày nào tôi cũng thấy người ta cưỡi ngựa ngay trên bãi biển này một cách rất tự nhiên.

Tôi đứng dậy và đi về phía bãi biển, nơi con ngựa vừa phi qua. Bất chợt người kỵ mã và con ngựa lại hiện ra từ trong màn sương mù và phóng vọt qua tôi theo hướng ngược lại. Tôi nhìn con ngựa và thán phục sức mạnh của nó, dáng vẻ của nó. Và tôi cũng thán phục cả cái dáng trang nhã của người kỵ mã. Anh ngồi thẳng tắp trên yên, thật là hoàn hảo.

Sau lưng tôi, một tiếng còi bống ré lên. Tôi quay lại và nhìn thấy người bảo vệ bãi biển lái một chiếc ô tô chạy hết tốc độ đuổi theo người kỵ mã kia, để lại những vết bánh xe sâu và dài trên cát. Cuộc chạy đua bắt đầu. Người bảo vệ rượt theo người kỵ sĩ, trong khi người kỵ sĩ lại cố phi thật nhanh để thoát khỏi sự truy đuổi.

Tôi tiếp tục đi về hướng ngược lại, suy ngẫm về những lựa chọn của mình cũng như về tốc độ mà tôi đã đi qua cuộc đời này. Tôi đi trên bãi biển với tốc độ của một người bình thường, hai, hay ba kilômét một giờ. Nhưng cưỡi ngựa, tôi có thể phi hai mươi lăm kilômét một giờ. Và với chiếc xe, tôi lại chuyển sang thời gian của lực cơ khí. Đó là một chiếc đồng hồ nhân tạo – ngày thu lại thành giờ, giờ biến thành phút, và phút biến thành giây –, cái mà tôi luôn bị buộc phải tuân theo nếu rời Miramar.

Mỗi khi ngồi trên xe, người tài xế thường cố gắng rút ngắn thời gian đi đường bằng cách tăng tốc. Thế nhưng, anh ta chẳng thể nào biết được cuộc đời của mình đã bị rút ngắn đi thay vì số thời gian tiết kiệm được.

Chúng ta đang sống trong thời đại của tốc độ. Có lần tôi đã bay qua hai múi giờ trong một buổi sáng, và buổi chiều lại bay ngược về qua hai múi giờ ấy, để rồi mấy ngày sau đó vẫn còn bị choáng váng và mất định hướng.

Trong tất cả các sinh vật tồn tại trên mặt đất này, chỉ con người là có thể du hành nhanh hơn tốc độ chuyển động đích thực của đôi chân mình. Trong suy nghĩ của tôi, càng đi nhanh bao nhiêu, chúng ta càng mau chóng biến thành những con ngựa già nua, ốm yếu bấy nhiêu. Càng buồn chán, chúng ta càng nhấn ga mạnh để xe lao đi, không kiểm soát được tốc độ và bất chấp những hậu quả có thể xảy ra. Với tốc độ 100 km/giờ, chúng ta đánh mất phương hướng, thậm

chỉ quên cả mình là ai. Chúng ta nhấn mạnh ga, hy vọng sẽ tìm thấy con người thực mà mình đã đánh mất đâu đó trên đường.

Paul Gauguin đã làm một cuộc đào thoát về miền biển phía Nam. Chỉ có một vài bạn thân của ông thông cảm, còn lại tất cả đều coi ông là con người quái dị, là họa sĩ ngoan cố của những con sông màu cam và những con chó màu đỏ. Dường như cuộc đời ông gắn liền với những cuộc hành trình kiếm tìm mãi miết. Ông đã tâm sự với một nhà phê bình nghệ thuật rằng: *“Để có thể tạo ra điều gì đó mới mẻ, chúng ta phải quay về với cội nguồn của nó, trở về thời phôi thai, ấu thơ của nhân loại”*.

“Điều mới mẻ” mà ông tạo ra trong sự nghiệp hội họa của mình chính là con người ông, một Paul Gauguin đích thực. Rã rời vì bệnh tật, đau khổ vì nghèo đói, phiền muộn vì cái chết của đứa con gái, đó là một trong những lý do để ông quyết tâm thực hiện một tác phẩm hơn hẳn tất cả các họa phẩm khác. Trong tháng Hai năm 1898, Gauguin đã viết cho một người bạn: *“Tôi quyết định trước khi chết phải vẽ cho được một kiệt tác. Bức tranh ấy đã được phác họa trong đầu tôi và tôi đang vẽ nó trong một nỗi say mê khác thường!”*.

Bức tranh được ông đặt tựa là *“Chúng ta từ đâu đến? Chúng ta là ai? Chúng ta đang đi về đâu?”*. Đó là một tác phẩm đầy tính biểu tượng, được thể hiện theo xu hướng nguyên thủy với chủ tâm phá vỡ mọi luật phối cảnh. Ở góc phải, một đứa trẻ ngủ bình yên bên cạnh ba người phụ nữ ngồi tránh nắng dưới bóng cây nhiệt đới cao to; góc trái là một bà lão ngồi vùi đầu trong đôi tay, đây vẽ cam chịu. Ở giữa là một số hình ảnh khác như một đứa trẻ đang ăn trái cây trong khi một phụ nữ đang hái quả, và một phụ nữ khác dường như đang lắng nghe chăm chú một tượng nữ thần được đặt trên bục bằng đá. Gauguin đã viết: *“Tượng thần, với đôi tay vươn lên cân xứng và huyền diệu là biểu tượng của tương lai”*.

Những hình ảnh phụ nữ khỏa thân ở tiền cảnh được làm nổi bật bằng sắc cam sáng chói. Hậu cảnh là một dòng suối chảy ra biển và gần đó có một hòn đảo nhỏ. *“Bức tranh là sự pha trộn của rất nhiều màu sắc. Nhưng màu nền của nó là màu xanh lơ và xanh lá cây, như gam màu của thành phố Verona”* – chính Gauguin từng thổ lộ như vậy.

Kiệt tác lạ lùng và hấp dẫn này trở thành đề tài thu hút sự chú ý của không ít nhà nghiên cứu và phê bình nghệ thuật. Tuy nhiên, để đưa ra những kiến giải hợp lý về nó hoàn toàn không phải là chuyện dễ dàng. Con chim trắng kia ngụ ý gì? Còn bức tường màu xanh lơ và còn con dê cái màu tím nữa? Tại sao cô gái khỏa thân màu cam này ngồi xoay lưng lại, và đôi tay của cô sao lại vòng quanh đầu? Hai người phụ nữ khoác áo choàng tím đứng trong bóng lá râm mát kia là ai và họ đang nói về điều gì?

Vào một thời điểm khác của cuộc đời, tôi chắc chắn cũng sẽ đặt ra những câu hỏi tương tự như thế. Nhưng giờ đây, tôi gạt những biểu tượng của Gauguin sang một bên, và xem đó như là một khía cạnh bình thường trong những sáng tác của ông. Với tôi, sức mạnh của họa phẩm này không nằm ở nội dung nó muốn diễn đạt mà chính là ở chỗ nó vẽ cái gì. Tác phẩm thể hiện sự cân bằng nội tại nhưng trước nay vẫn bị hiểu nhầm là hình ảnh về những nỗi thống khổ của cuộc đời tác giả.

Sau khi hoàn thành tác phẩm, Gauguin lên núi và uống thủy ngân để tự tử nhưng lượng độc được quá ít, không đủ để ông thực hiện ý đồ của mình. Và tám năm cuối đời tại vùng biển phía Nam đã trở thành những năm tháng sáng tác sung mãn nhất của Gauguin. Ông đã cho ra đời một trăm họa phẩm, bốn trăm tượng khắc gỗ và rất nhiều tác phẩm khác. Ông mất vào tháng Năm năm 1903, là một người nghèo kiệt xác với nợ nần chồng chất và sẽ chẳng bao giờ biết được thế giới này nợ ông bao nhiêu!

Tôi nhìn lại mình và cảnh vật xung quanh. Bờ biển, những đụn cát, những vách đá dựng đứng bồng chốc biến thành những mảng màu. Một bức tranh về biển từ từ rõ nét với những chuyển biến mềm mại, thanh mảnh cùng vô vàn sắc màu tinh tế. Những ranh giới biến mất và tôi có cảm giác mình dần hòa vào bức tranh nhiều màu sắc đó.

Tôi trở về căn nhà trên bãi biển với một niềm khao khát mãnh liệt vừa dấy lên. Nhiều tháng

trời sống trên bãi biển này, tôi thấy mình chẳng khác gì một kẻ đồng nát khi suốt ngày thơ thẩn ngoài biển nhặt nhạnh từng mảnh sò, viên đá. Giờ đây tôi lại muốn thoát ra khỏi ranh giới của Miramar hơn lúc nào hết. Lái xe ra khỏi thành phố, tôi dừng trước viên bảo tàng ở công viên Cổng Vàng và thơ thẩn dạo khắp các gian phòng trưng bày các họa phẩm, tìm kiếm những tác phẩm của Gauguin. Nhưng tôi không tìm thấy được bức tranh nào của ông ở đây. Đối lại, tôi tình cờ phát hiện ra bức tranh sơn dầu trên vải của Elihu Vedder có tên là *The Sphinx of the Seashore* (Tượng Nhân Sư trên bờ biển) nằm lặng lẽ trong góc phòng.

Hậu cảnh của bức họa là cảnh đổ nát, hoang tàn: những vòm cung thời La Mã, những chiếc xuồng trắng xóa, những vỏ ốc xà cừ, mảnh tàu vỡ, một cái neo và một sợi xích bị chôn vùi một nửa trên bãi cát. Bầu trời được thể hiện rất thấp và đầy vẻ hiểm nguy với ráng chiều đỏ rực xuyên qua những tầng mây trắng.

Tiền cảnh là con nhân sư nằm dài trên bãi cát, không phải là một tượng đá mà là một sinh vật sống, một nhân sư có đầu của người phụ nữ với đôi ngực trần và phần thân dưới có cái đuôi rất mềm mại. Những lọn tóc hung đỏ xõa xuống trán; gương mặt toát lên vẻ đau thương. Con nhân sư nằm soài trên bãi biển, đôi môi hé mở, mắt nhìn chăm chú như mong đợi điều gì. Và nó đã hút hồn tôi ngay từ ánh nhìn đầu tiên.

Trong khi đang ngây người đứng ngắm bức họa ấy, tôi chợt nhớ tới câu chuyện về những cuộc hành trình của Oedipus. Để tìm hiểu về nguồn gốc của mình, Oedipus đã đi từ Corinth đến Thebes. Khi đến cổng của thành cổ này, Oedipus thấy có một con nhân sư chặn trước lối đi của mình. Mọi người trong thành đều bị con nhân sư này giam cầm và nó giết bất kỳ ai đi qua cổng thành này mà không thể giải được câu đố của nó:

“Con gì đi bằng bốn chân, hai chân, rồi ba chân,

Nhưng càng đi bằng nhiều chân thì càng yếu?”

Oedipus lập tức đáp lại: *“Đó là con người - thuở nhỏ thì bò bằng cả tay lẫn chân; khi lớn lên thì đi bằng hai chân; và lúc về già thì phải chống gậy”*. Con nhân sư quá buồn phiền và quần trí vì việc Oedipus đã giải được câu đố nên đã tự sát. Thế là nhân dân thành Thebes được giải thoát.

Tôi rời viện bảo tàng mang theo câu đố của con nhân sư trong đầu. Tỳ tay lên lan can, tôi lặng ngắm thành phố dần chìm trong ánh tà dương. Sắc đỏ hồng rực rỡ của mặt trời lúc sắp lặn phản chiếu vào những ngọn đồi xung quanh. Thành phố trông thật hiện đại – hiện đại như mọi thành phố khác nhưng tôi biết nó vẫn phải đương đầu với một thách đố gay go giữa ranh giới của sự sống và cái chết như dân thành Thebes.

Câu hỏi của nhân sư cũng chính là câu đố của tất cả chúng ta. Đó cũng là điều mà Gauguin đã đặt ra khi ông sáng tác bức kiệt tác của mình. Câu hỏi đó đồng thời còn là nền tảng của mọi câu hỏi khác. Và nếu tôi chân thành đặt câu hỏi ấy, câu trả lời cũng sẽ chân thành hiện ra như một lời cầu nguyện.

Có quá nhiều thứ tôi muốn làm và cũng có quá nhiều điều tôi muốn đạt được. Tôi muốn đọc hết các tác phẩm của đại văn hào Dostoyevsky; muốn chèo thuyền qua những vịnh biển hẹp của Puget Sound; muốn tìm được một người phụ nữ sẽ đem đến cho mình niềm vui... Chiều nay, mặt trời sẽ lặn vào lúc bảy giờ bốn mươi ba phút, và ngày mai sẽ lặn vào lúc bảy giờ bốn mươi một phút. Ngày mỗi lúc một ngắn dần. Tôi cảm thấy thời gian của mình còn lại quá ít trong khi có quá nhiều thứ cần phải thực hiện.

Thuở trước tôi còn là một cậu bé, bây giờ tôi đã là một người lớn, và chẳng bao lâu sẽ trở thành một ông lão. Tôi tự hỏi chẳng lẽ cuộc đời mình sẽ trôi qua với những bước sải dài từ trạng thái này sang trạng thái khác mà không lưu lại dấu ấn gì từ những điều mình đã được trải nghiệm hay sao? Cách đây không lâu, tôi cảm thấy cuộc đời mình tựa như một hành trình hăm hở tiến về phía trước mà không biết làm thế nào để dừng lại. Nhưng chính khi ấy, tôi đã nhận ra đó là sự hoang phí thời gian không thể chấp nhận được.

Tôi nhận ra rằng cuộc đời mình cũng là một tác phẩm nghệ thuật. Tất cả đều được bắt đầu

bằng những nét phác thảo đơn giản, để rồi chẳng biết sau khi hoàn tất nó sẽ trông như thế nào, đẹp hay xấu, được ngợi khen hay bị chê bai... Dù cần cả đời người để hoàn thiện thì tôi vẫn sẽ tiếp tục cố gắng để bức chân dung đời mình không bị dở dang: sắp xếp những phần rắc rối, lấp đầy những khoảng trống bằng những đường nét, màu sắc đa dạng.

Tôi lái xe trở về nhà trong ánh đèn mờ ảo. Lúc về đến nhà thì mặt trời cũng đã khuất ở cuối chân trời và mặt trăng đang dần lộ dạng. Tôi ngồi một lát ngoài hiên nhà, ngắm nhìn ánh trăng mà trong đầu vẫn còn văng vẳng câu đố của con nhân sư. Oedipus thật thông minh khi đã đưa ra câu trả lời chính xác và giải thoát được cho cả thành Thebes. Còn tôi, tôi cũng đã có câu trả lời và đã giải thoát được cho chính mình.

Chương 13: SỰ THẬT TỪ ẢO ẢNH

Trong những ngày tháng ở Miramar, hầu như đi đến nơi nào tôi cũng gặp phụ nữ. Họ có mặt khắp nơi, khi thì tắm nắng, lúc lại xây lâu đài trên bãi cát, thả bộ dọc bờ biển... Nhưng chẳng nơi đâu tôi có thể tìm được người phụ nữ của mình.

Tôi đi dọc con dốc dẫn ra bến tàu, sau đó bước vào một nhà hàng gọi một chén xúp nghêu và một ly rượu vang. Xong bữa trưa, tôi tản bộ xuôi theo cầu cảng.

Ở cuối cầu, tôi gặp một phụ nữ đi chân không, đang đứng câu cá. Tóc cô ấy đen nhánh, tết thành một bím, thả dài xuống ngang lưng. Cô mặc chiếc quần jeans bạc màu và cái áo mỏng, xanh nhạt, rộng thùng thình, bay phất phơ mỗi khi cơn gió nhẹ thoảng qua. Cô xắn cao tay áo lên, để lộ làn da màu đồng, đặc trưng của dân xứ biển. Cô vẫn tiếp tục quăng câu qua những chấn song của cầu tàu và chậm rãi cuộn dây câu một cách khéo léo tựa như cô đoán được cái gì đang ở dưới đại dương kia vậy.

Tôi bước lại, nhìn vào cái xô bên cạnh cô, cố gắng đếm xem cô đã câu được bao nhiêu cá. Người phụ nữ quay sang nhìn tôi, rồi cô lại nhanh chóng tiếp tục công việc của mình như thể nếu dừng lại nói chuyện, cá sẽ chẳng cắn câu. Tôi cũng đứng yên lặng, chăm chú nhìn xuống mặt nước chờ xem thành quả của cô. Mặt nước động đậy, có tiếng quẫy đuôi của cá, cô nhanh nhẹn cuộn dây câu lại, gỡ cá ra và thả vào trong xô.

– Cô câu được bao nhiêu rồi? – Lúc này tôi mới dám bắt chuyện với cô.

– Tám. – Người phụ nữ đáp gọn lỏn.

Cô tiếp tục buông câu. Tôi hỏi về những đồ nghề đi câu của cô, nào cần, nào dây câu, nào mồi... và mỗi câu hỏi đều được đáp lại một cách ngắn gọn, nhưng rất đầy đủ thông tin.

– Cô có vẻ giỏi và hợp với nghề này đấy! – Tôi nhận xét.

– Hẳn nhiên như thế rồi! – Cô nhìn tôi nở một nụ cười nhẹ. – Tôi đã làm việc này từ ngày còn bé xíu cơ mà.

Câu chuyện của chúng tôi dần trở nên cởi mở hơn, và cô bắt đầu kể về mình. Cô tên là Anna, người Bồ Đào Nha, và đã sống ở vùng biển này từ khi còn bé. Tuy giọng nói cô hơi khàn, nhưng tôi cảm nhận được sự mạnh mẽ và kiêu hãnh ẩn chứa trong đó.

Cô vừa nói chuyện, vừa câu cá, thỉnh thoảng ngược lên nhìn tôi hoặc chăm chú nhìn vào những gợn sóng lăn tăn. Sau khi Anna dứt lời, tôi kể cho cô ấy nghe về cuộc đời mình. Từ khi đến đây, tôi sống khép kín và luôn tự ngăn cản mình tiếp xúc với mọi người xung quanh. Vậy nhưng khi nói chuyện với cô, tôi đã tự phá bỏ những nguyên tắc mà mình đã đặt ra. Tôi có cảm giác mọi bức tường ngăn cách đều tan biến và câu chuyện của chúng tôi càng lúc càng sôi nổi và thu hút đối phương nhiều hơn.

Trước câu chuyện đầy hứng thú của chúng tôi, các chú cá dường như cũng đang lắng nghe nên chẳng buồn cắn câu.

– Hình như cá đã đi đâu hết rồi ấy! – Tôi trở tay xuống nơi cô đang buông câu.

– Ừ nhỉ, thủy triều đang xuống. – Cô nhướn miêng cười và cúi xuống thu dọn đồ nghề.

Tôi nhìn cô cẩn thận gỡ lưới, cuộn dây câu. Sau khi xong mọi việc, cô cầm lấy xô, đôi mắt nhìn xa xăm ra biển một lát rồi quay sang tôi hỏi:

– Anh có biết Chamarita không?

– Chamarita à? Không! Nó là gì vậy? – Tôi lắc đầu và hỏi lại.

– Tôi sẽ đưa anh đi dự Chamarita – Cô nói. – Lúc đó anh sẽ biết Chamarita là gì!

Tôi đứng ở cầu cảng nhìn theo bóng Anna khuất dần, bên tai như vẫn còn văng vẳng tiếng nói

và nụ cười của cô.

Vừa về đến nhà, tôi lập tức giở cuốn tạp chí trên bàn – cuốn tạp chí đã cùng tôi du hành suốt nhiều năm qua. Trong trang được đánh dấu sẵn, tôi chăm chú nhìn bức ảnh của một người phụ nữ mặc một chiếc áo mỏng, ngắn ngang eo, đang đứng câu cá ở cầu cảng. Cô đi chân đất, tay cầm một chiếc cần và đang quăng câu xuống mặt biển. Có lẽ tôi đã ngắm nhìn bức ảnh này đến hàng ngàn lần, và nhận thấy nó xứng đáng được treo trên tường dù tôi đã không làm như vậy.

Tôi nghĩ đến hình ảnh Anna mặc cái áo xanh rộng thùng thình, đứng quăng câu ở cuối cầu cảng. Tôi tự hỏi liệu Anna có phải là thật, hay đó chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng và sự khao khát của bản thân mình? *“Tôi sẽ đưa anh đi dự Chamarita, rồi anh sẽ biết!”*. Nhớ đến câu nói của Anna, tôi hồi hộp chờ đợi.

Trời trong như pha lê khi tôi đi cùng Anna về phía trung tâm thành phố. Hôm ấy Anna mặc một cái áo trắng và váy tím, chiếc váy bay chập chờn trong làn gió nhẹ buổi ban mai. Trên đầu, những con mòng biển đang đập cánh bay ngang trời. Anna nhìn chúng, mỉm cười. Cô thích thú nhún nhảy và hát *“Chama Rita! Chama Rosa! Qué bonita! Qué formosa!”*.

Trên đường đi, Anna bắt đầu giới thiệu về Chamarita. Theo lời cô, đó là một bài hát và điệu nhảy dân gian của Bồ Đào Nha. Đặc biệt vũ hội Chamarita và lễ hội mừng Chúa Thánh Thần cùng được tổ chức một ngày.

– Đây là lễ Tạ ơn của chúng tôi, là cách chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn đối với những người vùng Azores đã sống cách đây năm thế kỷ. – Anna nói.

Vào thế kỷ XV, núi lửa phun trào trên hòn đảo này, hạn hán và nạn đói hoành hành khắp nơi. Những người dân ở đây đã họp nhau lại và cùng cầu nguyện, xin Đức Chúa Thánh Thần cứu giúp. Lời nguyện cầu hiển linh, và trong buổi lễ mừng Đức Chúa Thánh Thần hiện xuống⁽¹⁾, mặt trời trên cao chói lọi, và trong ánh mặt trời ấy, người Azores thấy hiện ra một con tàu chở đầy thực phẩm.

Khi nữ hoàng Isabel I biết về tai họa của dân làng, bà đã ra lệnh tổ chức lễ mừng Đức Chúa Thánh Thần hiện xuống một cách thật long trọng cùng với chiếc thuyền đầy ắp thực phẩm cho họ. Cùng với những nàng hầu, Nữ hoàng hai tay cầm chiếc vương miện của mình, đi dọc các đường phố của Lisbon hướng về Thánh Đường. Bà đặt chiếc vương miện lên bàn thờ để bày tỏ lòng cảm ơn. Từ đấy, dân làng Azores tổ chức lễ này để bày tỏ lòng biết ơn đối với Nữ hoàng Isabel vì sự quan tâm của bà đối với dân làng. Và lễ hội này đã được duy trì cho đến bây giờ.

Anna và tôi vừa vào đến thành phố thì cũng là lúc xe cộ bị cấm lưu thông. Mọi người đã tụ tập khá đông – ngồi trên lề đường hoặc đứng đầy các góc phố. Trẻ con thì tung tăng chạy nhảy khắp nơi. Anna mỉm cười gật đầu chào những người quen biết – người thợ may và các con của ông, người hầu bàn và vị hôn phu của cô ấy, chuyên viên thẩm mỹ và chồng của bà ta, ông thư ký ngân hàng và vợ... Có vẻ như tất cả mọi người đều biết Anna và cô cũng vậy. Anna cùng tôi tìm một chỗ tương đối tốt để đứng xem hội. Đó là một chỗ khá rộng, đối diện với nhà thờ, nơi đoàn diễu hành sẽ dừng lại biểu diễn.

Một lát sau, đoàn diễu hành di chuyển qua chỗ chúng tôi đứng một cách chậm chạp. Họ cầm những biểu tượng, biểu diễn một cách ngẫu hứng chứ không theo một khuôn phép hay thứ tự nào cả. Đoàn sáo và trống chơi bài *“Tradition”* từ tác phẩm *“Fiddler on the Roof”* – một tác phẩm nói về người Do Thái dưới các triều đại Nga hoàng. Các nhạc công mặc áo khoác màu đỏ, quần trắng, đầu đội nón nhà binh rộng vành cũng có tua màu đỏ và trắng.

Đó là những ban nhạc của Miramar, Pescadero, San Gregorio, Santa Cruz và San Jose. Phía trên khán đài, những cô gái đội nón trắng, những bà mẹ mặc váy hoa, những ông già mặc áo ghi-lê xám trịnh trọng đang say mê thưởng thức. Tiếp đó, chiếc thuyền chạt đầy bánh mì đi qua, trên đó có nhiều cậu bé mặc áo trắng, thắt khăn quàng đỏ. Đầu xe, một cậu bé tay cầm cây dù bằng lụa rất mỏng đi theoche cho một cô bé mặc áo đầm dài màu trắng. Cô bé trân trọng nâng một chiếc gối, đưa ra phía trước mặt, trên chiếc gối là một chú chim bồ câu.

Cuối đoàn diễu hành là ba thiếu nữ bước chậm chậm. Người đứng giữa cầm chiếc vương miện bằng bạc trắng, được “đóng khung” bằng một vòng hoa hình chữ nhật. Cô mặc chiếc áo đầm trắng, vai khoác áo choàng màu xanh đậm, đuôi áo choàng dài đến mức kéo lê trên đường. Khi cô bước vào nhà thờ, cũng là lúc cuộc diễu hành kết thúc. Anna nắm tay tôi, chúng tôi cùng chen chúc, len lỏi trong đám đông. Xung quanh tôi, mọi người đều nói tiếng Bồ Đào Nha.

Sau một hồi len lỏi, chúng tôi cũng tiến được vào nhà thờ để dự lễ Tạ ơn. Vị linh mục đọc một đoạn thánh kinh theo Thánh Gio-an, nhưng tôi không chú ý đến điều đó mà bị cuốn hút vì những tấm kính có in hình các Thánh với màu sắc sắc sỡ, treo ở khung cửa sổ. Mọi người cùng hát bài Come Holy Ghost (Xin Chúa Thánh Thần Hiện Xuống) và Amazing Grace (Hong Ân Cao Quý) và buổi thánh lễ kết thúc.

Khi chúng tôi vừa ra khỏi nhà thờ, một bé gái chạy tới Anna, vòng tay ôm lấy cổ cô, hôn một cái rồi lại chạy đi.

– Đó là cháu của tôi đấy! – Anna nói. – Một ngày nào đó nó sẽ là Nữ hoàng và tay sẽ cầm vương miện.

Tôi hỏi:

– Thế cô có lần nào làm Nữ hoàng chưa?

– Có chứ! Tôi đã từng làm Nữ hoàng rồi! – Anna gật đầu trả lời.

“Tôi sẽ dẫn anh đến Chamarita và anh sẽ hiểu!”, giờ thì tôi đã hiểu ra câu nói của Anna. Cô thuộc về nơi này, nó là một phần của cô, và cô cũng là một phần của nó. Tôi nhận thấy Anna có cái gì đó riêng, rất riêng, cả khi lắng nghe, chuyện trò lẫn khi hòa quyện hiện tại với quá khứ. Cô chân thật với chính bản thân mình.

Đám đông đã giải tán, giao thông được phục hồi. Chúng tôi tiếp tục lang thang trên những con đường. Anna khẽ chạm vào tay tôi rồi chỉ về phía dải đất chạy dài trên bờ biển, mờ ảo dưới làn mưa xuân. Nó trải dài từ Bắc sang Đông, dốc thoải thoải, nối vào phía cuối của mọi con đường dẫn ra biển. Không có lời nói nào nhưng cử chỉ nhẹ nhàng của Anna đã diễn đạt tất cả mọi điều cô muốn chuyển tải.

Một hương thơm dịu nhẹ thoảng qua trong không khí. Chúng tôi đi dạo qua khu chợ hoa, hai bên đường ngập tràn sắc màu như thể chính danh họa Pierre-Auguste Renoir(*) đã đến và vẽ lên khung cảnh của thành phố này vậy. Đàn ông, phụ nữ, trẻ con đi dạo dưới mái vòm của những gian hàng, mua bán và ôm trên tay những bó hoa rực rỡ. Anna chỉ tay vào từng loại hoa và giới thiệu về chúng. Tôi mua cho Anna một đóa hoa trà màu vàng, và ngay lập tức cô cài lên tóc.

Đối diện với chợ hoa là một ngõ hẻm, chúng tôi bước dọc theo và nhìn thấy một tiệm bán đồ cổ. Chúng tôi đứng lại trước cửa tiệm một lát rồi quyết định bước vào. Tiệm quá nhỏ, hầu như không đủ chỗ để hai người cùng di chuyển. Hàng hóa chồng chất trên những quầy và mặt bàn. Tôi nhìn thấy một cái ví nữ dùng để đi dự tiệc tối bằng nhung đen và đăng-ten màu ngà. Tôi cầm nó lên xem và sờ nhẹ vào chiếc móc có gắn kim cương giả của nó. Tôi mở ví, rút ra một chiếc lược xếp được bằng đồi mồi. Chuôi lược có hình dáng rất kỳ lạ.

Anna tinh nghịch lấy chiếc lược từ tay tôi và mở ra:

– Phụ nữ thường chải đầu như thế này này...

Cô nhanh nhẩu dùng nó chải mái tóc đen dài của mình và tiếp tục giải thích cho tôi hiểu về cấu trúc của nó: “Dùng cái đầu nhọn “đuôi-chuột” này để cuốn những đuôi tóc”. Cô ra sức diễn tả cho tôi. Xong cô trao lại tôi chiếc lược và hỏi:

– Anh thích chiếc lược này hả?

Tôi để cây lược vào trong ví và đặt lại trên bàn.

– Không! – Tôi đáp. – Tôi không thích những chiếc ví dạ vũ, cũng chẳng thích những lợn tóc

quần.

– Vậy anh có biết anh thích gì không? – Anna tiếp tục hỏi.

– Dĩ nhiên là tôi biết tôi thích cái gì chứ! – Tôi đáp.

– Thế anh thích cái gì nào?

Tôi nhìn xung quanh gian phòng một lượt. Ở góc phòng có một chiếc ghế dựa lưng thẳng và một mảnh vải lớn hình tam giác vắt trên lưng ghế. Nó màu đen – đen như tóc của Anna. Tôi vuốt nhẹ dọc theo đường viền thanh mảnh và óng mượt như tơ của nó.

– Tôi thích cái này. – Tôi nói.

– Thật hả? Đây là một cái khăn choàng bằng len mỏng, kiểu rất xưa. – Anna nhìn tôi ngạc nhiên.

Rồi cô cầm nó lên, choàng thử lên vai mình. Cô cột rồi thả lỏng một đầu khăn trên cánh tay. Ngắm nghía một lúc, xếp nó lại và đặt lại nó trên mặt chiếc ghế.

– Và tôi thích cái này nữa.

Tôi nói và cầm lấy một chiếc nón rơm rộng vành. Anna lại đội thử cái nón lên đầu mình cho tôi xem, cô bẻ một bên vành nón, rồi một nửa bên còn lại và đẩy cái vành nón lên cho khỏi che mắt. Trong tiệm tối mờ mờ nhưng tôi có thể tưởng tượng thấy ánh nắng xuyên qua vành chiếc nón rơm đẹp như thế nào.

– Nếu tôi biết vẽ, tôi sẽ vẽ cô đội cái nón này. – Tôi nhìn Anna.

– Tôi sẽ vẽ anh đội nó. – Cô nói ngược lại lời tôi. Và không kịp nghe câu trả lời của tôi, cô đi ra quầy hàng, mua chiếc nón và trao nó cho tôi. Tôi đội thử, vừa khít.

Chúng tôi rời cửa tiệm, đi thêm một vòng quanh phố, rồi trở về nhà theo lối cũ. Chúng tôi đi dọc bờ biển, thỉnh thoảng dừng lại trao đổi một vài điều rồi lại tiếp tục đi.

Khi chỉ còn lại một mình trong màn đêm bao phủ, tôi bỗng tự hỏi: *“Tại sao hồi trẻ mình lại không gặp được Anna nhỉ?”*. Tôi đã không gặp là vì tôi đã không nhìn thấy cô, mặc dù có thể tôi đã nhiều lần đi ngang mặt cô, hay một ai đó như cô mà không để ý đến sự hiện diện của cô trên cõi đời này. Như một đứa trẻ vừa lọt lòng mẹ, mắt tôi chưa mở hết ra được.

Sau những ngày đã được sống trên bãi biển Miramar, tôi mới ngộ ra một điều rằng, tôi chỉ nhìn thấy những gì hiện hữu trước mắt, và chỉ thấy khi nào tôi sẵn sàng muốn thấy mà thôi. Mỗi ngày mới đều bắt đầu bằng bình minh. Bình minh đến rồi đi theo quy luật của tự nhiên, chỉ có buổi bình minh trong con người là vĩnh cửu. Nếu chúng ta thức tỉnh cùng với nó, nó sẽ từ từ rạng sáng. Dù không nhìn thấy nhưng mỗi ngày nó đều ở trong ta, đồng hành cùng ta trong suốt cuộc đời. Mỗi ngày mới đến, nó sẽ đánh thức chúng ta để ta ngắm nhìn cuộc đời tươi đẹp này bằng đôi mắt tỉnh táo và tươi nguyên.

Tôi đã đến Miramar với mong ước chấm dứt nỗi cô đơn đang ám ảnh mình mỗi ngày. Và trước khi tôi gặp được Anna, tôi đã tự khám phá chính bản thân mình. Tôi đã định vị được dòng chảy trong tâm hồn mình và chắc chắn rằng nó sẽ cùng tôi đi đến cuối hành trình của cuộc đời. Tôi chắc rằng một khi mình đã có đủ can đảm để thực hiện điều đó, người phụ nữ mà mình luôn kiếm tìm sẽ xuất hiện, không phải là ảo ảnh mà là một con người thực sự – một con người bằng xương bằng thịt.

Những dòng suy nghĩ miên man đưa tôi vào giấc ngủ thật nhẹ nhàng. Trong giấc mơ, tôi thấy mình đang ở cuộc diễu hành Chamarita. Anna ở bên tôi và chúng tôi đang sánh vai xem cuộc diễu hành. Suốt một đêm, tôi cứ mơ rồi tỉnh, tỉnh rồi lại mơ và giấc mơ cũng chỉ có bấy nhiêu đó: Tôi đi dự lễ Chamarita cùng với Anna, nhìn cậu bé tay cầm cây dù lụa và cô bé tay nâng chim bồ câu, rồi Nữ hoàng với vương miện. Tôi choàng tỉnh dậy, giấc mơ như vẫn còn đó: Anna và tôi cùng đứng trên một vệ đường, hai con người riêng lẻ cùng chia sẻ một không gian chung, một khoảnh khắc quý giá.

Tôi bước ra ban công ngắm biển. Từ phía xa xa, tôi nhìn thấy một người mặc váy tím dần dần tiến về phía ngôi nhà của mình. Thì ra là Anna đang đi dọc theo triền nước, một tay cầm cái túi vải to, tay kia cầm vạt váy vì sóng biển vỗ tràn qua cả chân của cô. Khi cô đến gần căn nhà của tôi, cô biến mất sau một đụn cát rồi lại xuất hiện ngay dưới hiên nhà. Cô leo lên những bậc thang, khi lên đến bậc trên cùng, cô đặt cái túi vải to xuống, nhìn thẳng vào tôi rồi hỏi:

– Anh đã sẵn sàng chưa?

Tôi khẽ gật đầu.

Chỉ chờ có thế, Anna lập tức bắt tay vào “công việc”.

– Ngồi đây, và ngồi nguyên như thế! – Anna ấn tôi ngồi xuống cái ghế mây đặt trước hiên nhà.

Như một cái máy, tôi ngồi xuống theo sự điều khiển của cô. Xong, Anna nhặt chiếc mũ rơm, đội nó lên đầu tôi. Tôi với tay định giúp nhưng cô đập nhẹ vào tay tôi.

– Không được đụng vào! – Cô nói như ra lệnh.

Cô ấy luôn nhắc nhở tôi phải ngồi yên, nhưng hình như không quan tâm đến vẻ láu lỉnh của tôi. Tôi hướng đôi mắt về phía Anna, cô ngồi trên ghế với bảng màu để trên đùi. Tôi nhìn ra biển rồi lại nhìn Anna. Có một điều mà cô không hề hay biết là trong lúc cô đang vẽ tôi, tôi cũng đang phác họa bức chân dung cô trong đầu mình.

“Thế là thế nào nhỉ? Như vậy là sao?” – Tôi thầm hỏi. – *“Tình yêu có thể đến nhanh như thế sao?”*. Nó giống như một phép màu đến thật bất ngờ, như cơn mưa mùa hạ. Lúc tôi đang dạo bước trên những dải cát đơn độc; thỉnh thoảng tôi nói chuyện với một phụ nữ câu cá ở bến tàu. Cô mời tôi đi dự hội Chamarita. Tôi mua tặng cô một cành hoa, cô tặng lại tôi cái mũ rơm. Giờ đây, cô đang đứng trên thềm nhà tôi, nhìn ngắm tôi thật kỹ càng, cái đầu nghiêng nghiêng, môi mím chặt với chiếc bút chì vẽ trong tay.

Anna hoàn thành xong tác phẩm của mình thì cũng vừa lúc trời nhập nhoạng tối. Mặt trời đã khuất sau những đám mây chiều. Những áng mây đỏ tía giăng đầy trời. Tôi đứng dậy và thận trọng tiến về phía Anna, hồi hộp được nhìn thấy chính mình qua nét vẽ của cô. Dường như cũng đoán được sự hồi hộp của tôi, cô nhanh nhẩu chìa bức ảnh về phía tôi. Tôi tròn mắt ngạc nhiên khi nhìn thấy nó: Anna đã vẽ tôi như chính hình ảnh của tôi.

Chương 14: NGƯỜI ĐỒNG NÁT Ở MIRAMAR

Trong không gian yên tĩnh, không kèn, không trống, người xếp tượng lại đến Miramar. Tôi ngắm nhìn các tác phẩm của ông, từng viên đá chồng lên nhau, hết viên này đến viên khác, trải dài theo bờ biển đầy sỏi. Đây là lần đầu tiên tôi gặp trực tiếp người nghệ sĩ này. Ông có dáng người mảnh khảnh, lưng hơi gù và đeo đôi kính râm đậm màu, trên đầu vấn một chiếc khăn in hoa sặc sỡ. Ông di chuyển thật nhịp nhàng, tỉ mỉ lựa chọn từng viên đá nhẵn thín, xếp chúng chồng lên nhau tạo thành những hình người.

Tôi chăm chú theo dõi cách ông sắp xếp những hòn đá nhỏ to và biến chúng thành một công viên đá trải dài suốt bờ biển. Ông nhắc một khối đá có mặt lõm đặt lên trên một tảng đá có hình thuôn dài rồi chọn một hòn đá tròn và nhỏ hơn một chút đặt lên trên cùng. Ba hòn đá khác nhau về hình dáng và kích thước được ông khéo léo sắp xếp thành một tổng thể hài hòa. Chúng trông giống như một phụ nữ đứng trong cát, mặc một chiếc váy xếp ly, cánh tay vươn dài đang cầm một vật gì đó.

Được xếp đặt theo một kết cấu hoàn hảo, tượng người phụ nữ mang một vẻ cao sang và duyên dáng lạ kỳ. Nó có thể mê hoặc người xem như những tượng cổ mà tôi từng được chiêm ngưỡng ở các viện bảo tàng. Tôi tiến lại bức tượng một cách nhẹ nhàng, lòng thấp thỏm lo sợ bước chân của mình sẽ khiến nó bị đổ.

Người xếp tượng quay sang nhìn tôi và bảo:

– Anh thử thổi mạnh vào nó xem sao!

Tôi lấy hơi thật sâu rồi dùng hết sức mình thổi mạnh vào bức tượng ấy, nhiều lần và theo nhiều hướng khác nhau. Tôi nghĩ bức tượng đó sẽ đổ khi phải chịu đựng những luồng hơi rất mạnh của tôi. Thế nhưng nó vẫn không hề suy sụp.

– Nếu như nó không bị đổ khi ông thổi như thế, – người tạc tượng nói, – thì nó chỉ có thể bị đổ khi thủy triều lên cao hay gió thổi mạnh mà thôi.

– Và nếu như thế thì sao? – Tôi hỏi.

– Nếu điều đó xảy ra thì một ngày nào đó tôi sẽ trở lại và xếp lại chúng! Đơn giản vậy thôi. – Ông nhún vai đáp.

Tôi nhẹ nhàng sờ vào cấu trúc ấy, và thực sự ngạc nhiên trước sự vững chắc của nó. Tôi hỏi người đắp tượng, liệu ông có dùng một thứ keo hồ nào đó, hoặc cột chúng lại bằng những cộng dây kẽm giấu kỹ bên trong không. Tôi vừa dứt lời, ngay lập tức ông móc hết hai túi quần để chứng tỏ rằng ông không hề dùng bất cứ dụng cụ hay vật liệu nhân tạo nào khi kiến tạo chúng. Ông chỉ dùng những ngón tay khéo léo, điều luyện và đôi mắt tinh tế để cảm nhận và phán đoán.

Tôi tiếp tục hỏi:

– Ông dùng cách gì để có thể xếp chúng một cách khéo léo và vững chãi như vậy?

Người xếp tượng có vẻ không muốn trả lời câu hỏi của tôi. Ông vẫn chăm chú vào công việc, xoay những hòn đá hết chiều này sang chiều khác để có thể sắp chúng theo ý muốn của mình. Dù vậy, tôi vẫn chờ đợi. Một lúc sau, ông chậm rãi nói:

– Tôi chẳng dùng cách gì cả, tôi chỉ nhặt rồi sắp xếp chúng chồng lên nhau, thế thôi!

Không để ý đến phản ứng của ông, tôi vẫn đứng lại đó với mục đích tìm hiểu thêm về ông. Cuối cùng tôi cũng được biết ông làm việc ở một nông trại trồng hoa trên một ngọn đồi gần đó, và việc xếp tượng trên bờ biển là thú vui của ông mỗi khi nhàn rỗi. Tôi cố hỏi thêm vì sao những hòn đá kia lại có sức hút với ông đến thế, và tại sao ông lại tha thiết muốn biến chúng thành những hình thể và cử chỉ của con người như vậy? Rõ ràng, việc làm này hầu như chẳng mang lại cho ông bất kỳ lợi ích nào về mặt kinh tế cũng như danh vọng. Nhưng dường như ông

chẳng mấy tự hào trước những tác phẩm của mình hoặc cảm thấy vui trước sự ngưỡng mộ của tôi. Ông chỉ im lặng không nói gì ngoài cái nhún vai thờ ơ và tiếp tục sắp xếp những hòn đá theo ý mình.

Tôi chào ông và bước đi với muôn vàn những câu hỏi trong đầu về sức sáng tạo của loài người. Tôi nhớ lại lời khuyên của Paul Cézanne  khi ông kêu gọi các họa sĩ trẻ hãy nhìn thiên nhiên như một tổng thể của các hình nón, hình chữ nhật, hình tròn hoặc hình vuông. Đó chính là cách ông cảm nhận về thế giới này và thể hiện sự cảm nhận đó qua tranh tĩnh vật và phong cảnh. Nhưng khi nói về hình thể lại liên quan đến Pythagoras, nhà toán học người Hy Lạp. Khi Pythagoras quan sát hình tam giác vuông, ông đã hành động, không phải để vẽ mà là để đo đạc. Đó là dạng khác của nghệ thuật. Từ nghiên cứu của mình, ông đã khám phá ra trong tam giác vuông, bình phương cạnh huyền bằng tổng bình phương hai cạnh còn lại. Thời học phổ thông, tôi chấp nhận định lý ấy như là một sự thật, một chân lý mà không ai có thể bác bỏ được. Nhưng giờ đây tôi tự hỏi, khi nhìn vào hình tam giác đơn giản ấy, điều gì đã khiến cho bộ óc vĩ đại ấy khám phá ra những công thức, những phương trình, định lý về mối tương đồng giữa các góc, các cạnh?

Bộ não của họ hẳn phải rung như những sợi dây của chiếc đàn hạc mới có thể tương đồng với những gì mà nó nhận thức. Một người nắm bắt thiên nhiên để thể hiện thành một bức tranh; một người quan sát nó để đưa ra những phương trình, còn người lại biến nó thành một quần thể những bức tượng trải dọc bãi biển. Từ cách hiểu và cảm nhận thế giới xung quanh, con người đã tạo ra những “tác phẩm” thật thú vị và độc đáo. Phong cách là điều gì đó rất riêng tư và cá biệt, nó không nảy sinh từ một quyết định có tính toán mà tuôn trào như một dòng sông được tạo nên từ những con suối vô hình.

Tôi nghĩ đến những nghệ sĩ tài năng của thời đại mình, từ vũ công Fred Astaire, ca sĩ Ella Fitzgerald, nhạc sĩ Benny Goodman đến cầu thủ Joe DiMaggio. Tôi tin rằng tài năng của họ được định hình ngay từ khi mới sinh ra. Không phải bản thân họ lựa chọn con đường khiêu vũ, ca hát hay thể thao mà chính những bộ môn đó đã lựa chọn họ. Phong cách được tạo ra từ chính sự sống động mãnh liệt của chính người nghệ sĩ, và trở thành nét đặc trưng của riêng người ấy.

Tài năng thiên bẩm cùng những ngày tháng khổ luyện đã đưa Fred, Ella, Benny, Joe trở thành những nghệ sĩ tài danh của thời đại. Cũng như vậy, tôi tin người đắp tượng trên bãi biển nhặt những hòn đá và sắp xếp chúng một cách ngẫu hứng, không suy nghĩ, tính toán gì. Nhưng tôi tự hỏi phải chăng ông cũng phải trải qua quá trình tập luyện gian khổ nào đó trước khi tạo được những bức tượng sinh động như thế.

Nếu trước kia tôi luôn băn khoăn về những điều tưởng chừng rất đơn giản đó thì giờ đây tôi đã hiểu rằng mình đã tới rất gần và sắp đạt được điều mà mình muốn trên vùng biển Miramar này. Cuộc hành trình đến vùng biển này của tôi thật không dễ dàng, và tôi biết mình còn phải vượt qua khoảng đường đầy gian khổ phía trước mới thực sự đến được cái đích mình chờ đợi. Nhưng giờ đây, tôi đang cố hết sức để trút bỏ những lớp mặt nạ vô hình để được trở về với chính mình.

Tôi tin rằng khi còn trẻ, mỗi chúng ta đều cảm nhận được sức mạnh của niềm đam mê tiềm ẩn trong tâm hồn. Càng ngày, niềm đam mê ấy càng lớn và thúc giục chúng ta tiến về phía trước. Bằng trực giác, chúng ta biết mình là ai và sẽ đi về đâu, tựa như phản ứng của những chú chim trốn tuyết vậy. Chúng luôn biết phải bay lên hướng Bắc khi xuân về, và bay xuống phía Nam khi thu sang. Thế nhưng khi đã trưởng thành, chúng ta lại chấp nhận sự rập khuôn cả trong suy nghĩ, cảm nhận lẫn hành động của mình.

Viết lách là niềm đam mê của tôi từ khi còn là một cậu bé. Tuy vậy, khi đó tôi còn quá trẻ để hiểu về nó. Những dòng chữ cứ tuôn trào theo dòng cảm xúc nóng hổi và chân thật của tôi, và các bạn cùng lớp đã khóc, đã cười khi nghe tôi đọc chúng. Nhưng khi lớn lên, tôi bắt đầu viết theo suy nghĩ và sở thích của người khác để được chấp nhận hoặc ngợi khen vì tôi nghĩ rằng những người đó sẽ làm cuộc sống của tôi thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp hơn. Nhưng chỉ

đến khi được viết theo những suy nghĩ và cảm nhận của riêng mình như thời thơ ấu thì những dòng chữ trong tôi mới lại tuôn trào một cách dễ dàng.

Việc sáng tạo ra một tác phẩm nghệ thuật đích thực hay kiến tạo nên một cuộc sống chân chính đều giống nhau và chung quy lại chỉ là một. Nếu trong quá trình sáng tạo, chúng ta để cho sự giả dối xen lẫn và làm vương bận thì chắc chắn chẳng bao giờ ta đạt được thành quả như ý. Nếu cuộc sống bị ẩn giấu sau chiếc mặt nạ thì bản thân cuộc sống của người chấp nhận mang nó đã hoàn toàn thất bại. Cách đây không lâu, một người bạn của tôi đã qua đời vì đeo trên người chiếc mặt nạ như thế. Chúng tôi làm bạn với nhau trong một thời gian dài và tôi thực sự sửng sốt khi nghe tin anh ấy tự sát. Tôi không thể hiểu được tại sao một con người duyên dáng, tự tin và dày dặn kinh nghiệm như anh lại có thể tự kết liễu cuộc đời mình!

Khi đọc lời tiễn biệt trong tang lễ, tôi đã than khóc cho anh ấy và cho cả bản thân mình. Tôi chợt nhận ra rằng người đàn ông mà tôi cứ ngỡ là bạn, thật ra chỉ là một người xa lạ. Tất cả những gì mà tôi được biết về anh chỉ là cái vỏ bọc để che giấu một phẩm kịch mà anh phải chịu đựng. Tôi nhớ đến hai câu thơ của Edwin Arlington Robinson mà tôi đã được học từ thời trung học.

Và Richard Cory, trong một đêm hè êm ả,

Đã trở về nhà và tự bắn vào đầu mình.

Quả thật, lần đầu tiên đọc những dòng thơ này tôi chẳng hiểu gì cả. Làm sao một người như Richard Cory^[**] lại có thể làm như vậy? Tại sao Richard Cory – một “quý ông lịch duyệt”, “giàu có hơn cả vua chúa”, một người “được dạy dỗ để phong nhã trong từng cử chỉ” lại có thể tự kết liễu đời mình bằng một phát súng bắn vào đầu? Tuy vậy, tôi hiểu rằng tác giả đã hiểu được điều mà rất nhiều người trong chúng ta chưa biết. Ông đã biết rằng Richard Cory không là một người dị thường. Mỗi lần ra phố, Cory dùng lại chuyện trò với mọi người một cách ân cần, thân mật. Trong mắt mọi người, Cory là một người nhã nhặn, lịch duyệt. Thế nhưng, tất cả những biểu hiện đó chỉ là một mặt nạ, một sự nguy trang khéo léo và hoàn hảo để che đậy con người thật của ông. Và đó chỉ là một cuộc sống giả tạo mà thôi.

Đáng buồn thay, thế gian này luôn đầy rẫy những Richard Cory. Cũng như người bạn của tôi, họ đang chết, đã chết mà chúng ta chẳng thể hiểu vì sao. Cái chết là con đường tắt yếu mà họ tìm đến như một sự giải thoát. Họ khinh bỉ con người mà họ đã cải trang, nhưng lại không đủ can đảm để trở về với con người thực của mình.

Tôi không biết điều gì đã khiến bạn tôi cảm thấy ưu phiền đến độ phải tự kết liễu đời mình. Có thể anh ấy đã bị đe dọa, dằn vặt liên tục trong một mâu thuẫn nội tâm sâu sắc mà anh ấy chẳng dám hé lộ. Nó cũng tương tự như những người đồng tính. Họ rất khổ tâm và hầu như luôn rất xấu hổ khi bộc lộ chính mình.

Kể từ sau vụ tự sát của người bạn, tôi tin rằng có rất nhiều người trong chúng ta thà chọn lấy cái chết còn hơn tháo bỏ chiếc mặt nạ và sống thật với chính con người mình.

Trên bãi biển, một cặp vợ chồng lưng tuổi đi bên nhau, tay trong tay, đang tiến gần về phía tôi. Người vợ có đôi môi dày, cái mũi rất to và trên má lại có một mụn cóc rất lớn. Người chồng thì hói đầu, có một cặp lông mày rậm và có nhiều nong dưới cằm. Họ đi chân trần, bước từng bước chậm rãi trên bãi cát và chăm chú vào câu chuyện đang kể với nhau. Thế nhưng khi đi ngang qua tôi, họ quay sang và gật đầu chào rất vui vẻ. Trong giây phút ấy, tôi chợt nhận ra dường như họ đã chấp nhận sự đồng hành của tôi trong chuyến đi cũng như cả trong câu chuyện của họ vậy.

Ngay lập tức tôi nghĩ đến việc người phụ nữ kia có thể che giấu những cái mụn của bà dưới lớp phấn son dày cộm còn người đàn ông thì có thể đi giải phẫu thẩm mỹ để cắt bớt lớp mỡ thừa dưới cằm. Với sự hỗ trợ của một chuyên viên sắc đẹp và giải phẫu thẩm mỹ, họ có thể xuất hiện với những gương mặt đẹp đẽ hơn. Thế nhưng nếu làm thế, gương mặt giả kia sẽ điều khiển cách ứng xử, chuyện trò của họ và họ sẽ đánh mất đi sự thuần khiết trong những nụ cười - điều luôn làm cho cuộc sống trở nên tươi sáng hơn, tốt đẹp hơn.

Trên một chiếc bàn trong ngôi nhà mình, tôi bày một loạt bưu ảnh chân dung. Những gương mặt tràn đầy sức sống. Một bức là gương mặt của St. Ambrose do Peter Paul Rubens nghiên cứu và sưu tầm. Cái đầu thật vĩ đại, mũi khoằm và hàm râu quai nón loăn xoăn, rậm rạp. Chân dung St. Ambrose có thật như thế này hay đó chỉ là sản phẩm do trí tưởng tượng của Ruben tạo thành? St. Ambrose đã chết mười hai thế kỷ trước khi Rubens chào đời. Tuy nhiên, qua bức bưu ảnh, cả hai như hòa vào nhau: một nghệ sĩ chân chính cho chúng ta thấy chân dung một vị thánh chân chính.

Cũng còn một số chân dung khác trong bộ sưu tập cá nhân của tôi. Bức một cô gái rất quyến rũ đang đưa tay vén chiếc mạng che mặt của Bartolomé Esteban Murillo. Bức vẽ người đàn ông tuyệt vọng của Paul Cézanne. Một nàng bướm vô tư của Winslow Homer. Mỗi khi nhìn ngắm chúng, tôi lại tự nhủ rằng niềm hy vọng của thế giới không nằm trong tay những vị tu hành, những chính khách hay các chính trị gia mà nó thuộc về những người đàn ông và những người phụ nữ như thế này – những người đã không chấp nhận để đối trá hiện hữu trong cuộc đời. Họ đã đi trước, và sự hiện hữu của họ đã tác động đến cách suy nghĩ và hành động của thời đại họ cũng như các thế hệ sau.

Đắm chìm trong những suy nghĩ này, tôi dường như chẳng còn khái niệm về sự tồn tại của thời gian. Chợt bừng tỉnh, tôi nhớ ra là mình cần đến bưu điện để nhận thư. Hộp thư của tôi ở dưới thấp nên mỗi lần muốn lấy thư, tôi đều phải cúi gập người xuống. Và khi vừa đứng thẳng lên, tôi gặp một phụ nữ tóc tai rối bời, áo váy nhàu nát. Bà nhìn tôi rồi toét miệng cười – một nụ cười hiền hậu.

Trước đây tôi đã từng gặp người phụ nữ này. Bà thường cưỡi chiếc xe đạp ọp ẹp trên con đường đầy bụi dẫn xuống bãi biển, đi từ thùng rác này sang thùng rác khác để tìm những chai, lọ, lon hộp và cả những mẫu thức ăn thừa.

– Tôi biết ông là ai rồi. – Giọng bà oang oang. – Ông là người đồng nát ở Miramar!

Lúc đó là buổi trưa, bưu điện đông nghẹt người. Người mua tem, kẻ gửi bưu kiện hoặc xem xét các tử thư của họ. Họ đều ngừng lại và nhìn. Tôi cảm thấy xấu hổ đến mức muốn bỏ đi ngay lập tức. Thế nhưng cái cảm giác ấy đã mất đi rất nhanh chóng.

– Người đồng nát ở Miramar à? – Tôi trả lời.

– Vâng, đúng rồi, chính tôi đây!

Chương 15: THỦY TRIỀU XUỐNG



Tôi thức dậy trước lúc bình minh, mặc vội quần áo rồi đi về phía biển. Gió nhẹ nhưng sóng lại khá to. Những ánh lân tinh lấp lờ tựa như những đốm than hồng sắp tàn trong sóng cuộn trắng xóa. Giống như nhiều đêm trước, tôi thả bộ một mình trên biển. Vầng trăng nhàn nhạt đang chậm chậm trôi về phía tây, ánh sáng bàng bạc lan tỏa khắp không gian. Dưới ánh sáng mờ ảo ấy, biển cuộn cuộn đánh sóng vỗ bờ, tưởng chừng có thể nghiền nát cả những viên đá và biến chúng thành cát.

Tôi ngồi xuống mồm đá trước mặt và ngắm lại hành trình đến vùng biển Miramar này. Đó quả là một hành trình đầy khó khăn và vất vả. Tuy vậy, tôi cho rằng những nỗ lực của mình đã được đền xứng đáng. Giờ đây, tôi đã đạt được điều mình mong muốn, được ngồi bình yên trên bãi biển tràn ngập ánh trăng và chiêm nghiệm về quá khứ, hiện tại và tương lai.

Tôi đã được sống một cuộc sống bình yên và thơ mộng ở nơi đây. Theo dòng ký ức, tôi bắt đầu hồi tưởng về những năm tháng đã qua.

Thuở ấy, tôi mới mười ba tuổi và thường thích đi dạo dọc theo đồi cát, nơi Đại Tây Dương tiếp giáp với Vịnh Đại Nam. Có thể nói, ngay từ khi còn là một cậu bé, tôi đã có thói quen khám phá những bí ẩn của cuộc sống. Cũng như sáng nay, thủy triều hôm đó xuống dần để lộ ra những vỏ sò lấp lánh, những con trai, những viên đá màu anh đào, ốc mút và cả những chú cua hình móng ngựa... Tôi thích thú nhìn ngắm chúng vương vãi khắp nơi và tự hỏi mình sẽ còn thu nhặt được những gì trong lúc lang thang trên biển khi triều xuống như thế này.

Đầu tiên, tôi nhìn thấy một lỗ nhỏ xíu và tròn tròn trên cát. Tôi quan sát một hồi rồi cẩn thận dùng tay xúc cát ở xung quanh cho đến khi lộ ra một con sò vỏ mềm. Tiếp tục tìm kiếm, tôi tìm được cả trăm con rồi đem bỏ chúng xuống một cái hố được bao quanh bằng cát và nong đầy nước biển, tựa như một cái ao nhỏ. Tôi ngồi ở đó hàng giờ để rửa và khi nhật lên, tất cả đã sạch sẽ, sẵn sàng cho một bữa ăn ngon lành.

Tôi suy nghĩ nhiều về cậu bé của những ngày như hôm đó, cậu bé mà tôi đã cố công vui lấp và chối bỏ khi trưởng thành. Thế nhưng, giờ đây, sau khi đi qua rất nhiều thử thách của cuộc sống, tôi chợt nhận ra mình nhớ và mong muốn cậu bé ấy trở về biết bao!

Bình minh càng lúc càng đến gần, tôi dõi mắt về phía những ngọn sóng. Những hình ảnh thời xa xưa hiện ra trước mắt tôi... những người tôi từng biết... những nơi tôi từng đi qua. Bố mẹ tôi đã thành đôi và rồi chết khi còn rất trẻ, chưa kịp chứng kiến ngày tôi khôn lớn. Tôi kết hôn; vợ chồng tôi cùng nuôi dạy các con và rồi cuộc hôn nhân tan vỡ; chúng tôi chia tay. Tôi theo đuổi một nghề mà nó đã làm cho tôi chán nản; tôi từ bỏ sự nghiệp và hoàn toàn chuyển sang một hướng khác, tiếc nuối những năm tháng đã uống phí, năng lực bị hao mòn.

Tại sao tôi phải chịu đựng những mất mát như thế ở độ tuổi còn rất trẻ? Tại sao tôi lại chọn người phụ nữ không hợp với tôi? Tại sao tôi lại để cho tiền bạc quyết định hướng đi cho sự nghiệp của mình? Bối rối, tôi đã làm một cuộc hành hương đến Miramar; và giờ đây, sau thời gian rất dài, tôi tin là mình đã hiểu.

Mất mát, tiếc nuối, muộn phiền, khổ đau - đó là những phán xét của một người đàn ông, không phải là mối bận tâm của một đứa trẻ. Khi lang thang trên bãi biển, tôi không hề xét đoán những bước đi, những ngã rẽ hay bận lòng vì những điều mình khám phá được. Tôi bình thản chấp nhận tất cả những biến cố của cuộc đời mà không cần biết chúng là gì hoặc có thể sẽ mang thêm trở ngại nào đến với cuộc sống của mình. Tôi hân hoan chào đón và nắm bắt thật nhanh những thay đổi, thậm chí hòa hợp nhịp nhàng với cả gió mưa. Còn khi sống cuộc đời của một "người lớn", tôi đã suy tư về sự sống, cái chết, niềm vui, nỗi buồn cũng như dẫn đo trong

những quyết định và hành động của mình là đúng đắn hay sai lầm. Chính sự suy xét ấy đã khiến cuộc sống của tôi trở nên chật vật và khó khăn hơn rất nhiều.

Những biến cố xảy ra trong đời tôi tựa như những lớp sóng đang thay nhau vỗ bờ, như thủy triều đều đặn lên xuống mỗi ngày, hoặc có khi tựa như những cơn gió, lúc nhẹ nhàng, khi cuồng nộ. Tất cả chúng đều không mang theo lời phán xét nào. Cái chết của bố mẹ tôi chưa hẳn là một bi kịch, cuộc hôn nhân của tôi không phải là một lỗi lầm và sự nghiệp của tôi cũng không là một con đường lạc lối. Tất cả chỉ là những thay đổi của ngày, những biến cố của năm, đều là những tặng vật mà cuộc sống đã ban cho tôi, đồng thời cũng là cách mà tôi đã lựa chọn và trải nghiệm.

Tôi ngắm bình minh chậm chậm đến trên những đụn cát. Ngoài khơi xa, một đàn bồ nông bắt chợt bay vút lên trời rồi lại liệng xuống mặt nước, đôi cánh của chúng khẽ chạm nhẹ mặt biển. Cứ như vậy, từ bờ nhìn ra, trông chúng tựa như những con thần lặn ngón cánh(*) thu nhỏ đang phóng xuống săn mồi. Từ khi về đây sống, tôi đã nhiều lần trông thấy chúng bay thành từng đàn trên đầu, đảo qua đảo lại rồi lại phân tán tứ tung trên bầu trời xám xịt. Và bao giờ cũng vậy, sự xuất hiện của chúng báo hiệu trời sắp mưa.

Tôi đếm được cả thảy hơn 12 con bồ nông đang bay lượn như thế, và phía sau chúng là những con mòng biển. Rồi một con bồ nông tách riêng ra khỏi đàn và bay theo hướng của nó. Nó bay liệng một vòng, rồi bất ngờ vặn cả thân mình, ép cánh thật chặt và nhào xuống biển. Ngay khi nó trồi lên, hai con mòng biển lập tức tấn công nó. Chúng cố tìm mọi cách buộc con bồ nông phải nhả miếng mồi vừa bắt được ra.

Con bồ nông ngược cái bụng cổ lên, lọc nước và nhanh chóng nuốt trôi con cá mà nó vừa kiếm được, và lại bắt đầu một cú săn mồi ngoạn mục khác. Nó lại bay lượn trên bầu trời với đôi cánh vỗ nhịp nhàng, và phía sau là những con mòng biển. Tôi nghĩ nó thừa biết mục đích của những con mòng biển đó nhưng chẳng hề tỏ ra nao núng. Nó bay vút lên cao, và nhanh chóng sà xuống mặt nước rồi tóm gọn con mồi chỉ trong chốc lát. Mục tiêu chính của những chuyến săn mồi này là những con cá cơm.

Một người chạy thể dục đang tiến về phía tôi trong hơi sương mờ mờ của buổi sớm tinh mơ. Đó là một chàng trai khỏe mạnh với nước da rám nắng và thân hình cân đối. Bước chạy của anh trên cát tạo ra những âm thanh khá lớn và để lại những vết lún đến tận mắt cá. Hai mươi phút sau tôi lại nghe tiếng chân chạy sau lưng và anh chạy qua tôi lần thứ hai. Tôi chạy theo anh với ý định thử xem mình có đuổi kịp anh không. Thế nhưng khi chạy được một trăm mét thì tôi nhìn thấy ngoài khơi xa có một con tàu. Tôi dừng lại và nhìn nó đi xuyên qua đường chân trời, cảm giác như là bất cứ lúc nào nó cũng có thể trượt ra khỏi vành trái đất.

Khi còn trẻ, tôi luôn có những suy nghĩ khá thực tế và thường đánh giá sự thành đạt của bản thân thông qua những hiện vật bên ngoài, chẳng hạn như số tiền trong tài khoản của mình được bao nhiêu, ngôi nhà mình đang ở như thế nào, hay mình đã thăng tiến ra sao trong sự nghiệp... Tôi luôn cố gắng chia tách cuộc đời mình thành những phần riêng lẻ, rạch ròi giữa công việc và giải trí. Tôi đã liên tục phấn đấu để rồi cuối cùng, không biết mình phấn đấu vì cái gì. Giờ đây, tôi cảm thấy mệt mỏi vì những năm tháng sống trong sự đua chen nghiệt ngã đó cũng như không muốn tranh đấu cho bất kỳ điều gì nữa. Tôi không muốn làm vui lòng một ai đó, cũng chẳng cần đến những dự định to tát để đạt được giàu sang, quyền thế. Một chiếc huy chương treo tường, một văn phòng làm việc rộng rãi có bình hoa bày ở góc phòng hay một ngôi nhà khiến người khác phải trầm trồ khen ngợi... không phải là mục tiêu mà tôi muốn hướng đến. Tất cả những điều tôi mong muốn lúc này là cuộc sống của riêng tôi.

Đâu đó trong con người tôi có một chốn yên bình, không bao giờ bị xâm phạm, sinh ra từ mặt trời và luôn hướng về phía mặt trời. Nó đã ở đó tự bao giờ. Tôi gọi cái khía cạnh tự nhiên ấy là linh hồn. Lặng lẽ nhưng lại chứa đựng một sức mạnh diệu kỳ, nó tạo đà, thúc đẩy và đưa tôi đến Miramar.

Cuộc đời tôi, kể từ khi khởi đầu cho đến giây phút này, đã là một hành trình “di trú” không ngừng nghỉ. Một cách chậm rãi và đi theo tiếng gọi từ sâu thẳm tâm hồn, hành trình ấy cuối

cùng đã đưa tôi đến thời điểm này, địa danh này, để tôi có thể trút bỏ tất cả những giới hạn cũng như những ràng buộc thực dụng của người đời và bắt đầu cuộc sống của mình.

Thủy triều đã rút, con nước lúc này nằm xa thật xa, chỉ còn tro bụi cát dài trước đó ngập tràn sóng vỗ. Tôi trở về căn nhà trên bãi biển của mình, với đôi chân trần lún sâu vào cát ướt mịn. Gió biển thổi tràn lên mặt mát rượi, mặt trời đã lên lưng chừng và đang chiếu những tia nắng ấm nóng trên cao...

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>